

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ**  
**THỰC PHẨM**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

**Bình Định, tháng 3 năm 2025**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

*(Kèm theo Quyết định số 4261/QĐ-ĐHQN ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Đình Anh Tuấn	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Phan Thanh Hải	PGS.TS, Phó Trưởng khoa PT, Khoa KHTN	Phó Chủ tịch
4	Hoàng Đức An	TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thư ký HĐ
5	Lê Công Trình	PGS.TS, Thư ký Hội đồng Trường, Trưởng khoa T&TK	Thành viên
6	Lê Xuân Vinh	TS, Thư ký Hội đồng KH&ĐT, Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
7	Nguyễn Tiến Phùng	TS, Trưởng phòng KT&BDCL	Thành viên
8	Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Phó Trưởng phòng KT&BDCL	Thành viên
9	Nguyễn Thị Kim Ánh	TS, Phó Trưởng phòng TC – NS	Thành viên
10	Nguyễn Tiến Trung	PGS.TS, Trưởng phòng KHCN & HTQT	Thành viên
11	Ngô Anh Tú	TS, Trưởng phòng HC – TH	Thành viên
12	Lê Thanh Hải	TS, Giám đốc Thư viện	Thành viên
13	Trương Quang Hiến	TS, Phó Trưởng khoa KHTN	Thành viên
14	Trương Thanh Tâm	TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên
15	Cao Văn Hoàng	PGS.TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên
16	Nguyễn Thị Diệu Cẩm	PGS.TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên
17	Phan Thị Thanh Ngân	Sinh viên ngành CNTP K46B	Thành viên

*(Danh sách gồm có 17 người).*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số 4261/QĐ-ĐHQN ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức An	TS, Giảng viên Khoa KHTN	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCL	Thành viên hỗ trợ
3	Đặng Thiên Thanh	CN, Chuyên viên Phòng KT&BDCL	Thành viên hỗ trợ
4	Võ Hường Vi	ThS, Kỹ thuật viên Khoa KHTN	Thành viên
5	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	ThS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên
6	Nguyễn Thị Liễu	TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên
7	Nguyễn Vũ Ngọc Mai	TS, Giảng viên Khoa KHTN	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người).

# MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b>	3
<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>	7
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH</b>	9
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b>	10
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b>	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung	5
<b>PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b>	18
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	18
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học</i>	18
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.</i>	23
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.</i>	28
<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo</b>	32
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	33
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>	35
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.</i>	38
<b>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>	40
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i>	41
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng</i>	46
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp</i>	49
<b>Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b>	53
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan</i>	53

<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.</i>	57
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.</i>	60
<b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của NH</b>	65
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra</i>	65
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH</i>	69
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.</i>	72
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.</i>	74
<i>Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	78
<b>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên</b>	80
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	81
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	84
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	87
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.</i>	89
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>	91
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu khoa học (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	93
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	95
<b>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</b>	99
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	99
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	102

<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.</i>	105
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i>	108
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	109
<b>Tiêu chuẩn 8. NH và hoạt động hỗ trợ NH</b>	112
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.</i>	113
<i>Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá</i>	116
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.</i>	118
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.</i>	120
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cá nhân NH</i>	123
<b>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>	126
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	127
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	130
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	132
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	135
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</i>	137
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</b>	141
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.</i>	142
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến</i>	144
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu</i>	

<i>ra.</i>	146
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học.</i>	148
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.</i>	151
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến</i>	154
<b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</b>	158
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	158
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh có chất lượng.</i>	160
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	165

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ</b>
1.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2.	CB	ncv
3.	CBVC	Cán bộ viên chức
4.	CTĐT	Chương trình đào tạo
5.	CTDH	Chương trình dạy học
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CLĐT	Chất lượng đào tạo
8.	CN	Cử nhân
9.	CSVCL	Cơ sở vật chất
10.	CVHT	Cố vấn học tập
11.	ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
12.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
13.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
15.	GV	GV
16.	GDĐH	Giáo dục đại học
17.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
18.	GS	Giáo sư
19.	HP	Học phần
20.	HTQT	Hợp tác quốc tế
21.	KQHT	Kết quả học tập
22.	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
23.	KHCN	Khoa học công nghệ
24.	KHTN	Khoa học Tự nhiên
25.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26.	KQHT	Kết quả học tập
27.	KTX	Ký túc xá
28.	MT	Mục tiêu
29.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30.	NCS	Nghiên cứu sinh
31.	NCV	Nghiên cứu viên
32.	NV	Nhân viên



33.	NTD	Nhà tuyển dụng
34.	NH	Người học
35.	PGS	Phó Giáo sư
36.	TS	Tiến sĩ
37.	ThS	Thạc sĩ
38.	PPDH	Phương pháp dạy học
39.	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
40.	TH	Thực hành
41.	TC	Tín chỉ
42.	TĐG	Tự đánh giá
43.	SV	SV
44.	SVTN	SV tốt nghiệp
45.	KTHH-TP	Kỹ thuật hóa học – Thực phẩm

## DANH MỤC CÁC HÌNH

<b>TT</b>	<b>Tên hình</b>	<b>Trang</b>
Hình 1.1.	Trường Đại học Quy Nhơn –170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định	5
Hình 1.2.	Sơ đồ bộ máy tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn	8
Hình 1.3.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Khoa học Tự nhiên	16
Hình 2.1	Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT và mục tiêu Giáo dục, Trường ĐHQN	21
Hình 2.2.	Biểu đồ minh họa tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH phiên bản năm 2022	42
Hình 2.3.	Biểu đồ so sánh tỷ lệ các khối kiến thức của CTDH phiên bản các năm 2015, 2020 và 2022	43

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>TT</b>	<b>Tên hình</b>	<b>Trang</b>
Bảng 1.1.	Số lượng viên chức của các Bộ môn và văn phòng thuộc Khoa KHTN	15
Bảng 6.1.	Thống kê các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu, thôi việc của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành Công nghệ thực phẩm, giai đoạn 2020 – 2024	82
Bảng 6.3.	Danh sách cán bộ được bổ nhiệm thuộc Khoa KHTN/BM KTHH-TP giai đoạn 2020 – 2024	87
Bảng 8.1.	Tình hình tuyển sinh của ngành Công nghệ thực phẩm	113
Bảng 11.3.	Đôi sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm qua các năm của ngành Công nghệ thực phẩm so với các ngành kỹ sư khác và toàn Trường	162
Bảng 11.5.	Kết quả đôi sánh mức độ hài lòng của SV sắp tốt nghiệp ngành Công nghệ thực phẩm về CTĐT, giai đoạn 2024-2025	167

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018 và căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-ĐHQN-HĐT, Nghị quyết số 18/NQ-HĐT, Nghị quyết số 19/NQQ-ĐHQN-HĐT ngày 15/4/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn về việc mở ngành Công nghệ Thực phẩm. Chương trình đào tạo ngành Kỹ sư Công nghệ thực phẩm được ban hành theo quyết định số 1363/QQĐ-ĐHQN ngày 28/7/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Mục tiêu của CTĐT là cung cấp nguồn nhân lực đủ sức khỏe, có phẩm chất chính, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức chuyên môn; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm; có khả năng tự học và thích nghi với môi trường làm việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao thì việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các tiêu chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế là đặc biệt quan trọng và cần thiết. Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN) nhận thấy đây là cơ hội nhằm rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng của CTĐT, thực hiện đào tạo theo hướng chuẩn quốc gia, khu vực, quốc tế. Do vậy, Khoa KHTN đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình theo Thông tư 04).

TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm sẽ giúp Nhà trường và Khoa KHTN xem xét, đánh giá được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào ngành đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

#### 1.1.1 Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Báo cáo TĐG cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và KĐCL theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng GD&ĐT.

**Cấu trúc của báo cáo TĐG bao gồm:**

**Phần I:** Khái quát, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo TĐG CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể, tổng quan chung về cơ sở giáo dục và đơn vị đào tạo là Khoa KHTN.

**Phần II:** TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục như sau: (1) Mô tả hiện trạng- phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn/tiêu chí và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Những điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng; và (5) Tự đánh giá.

**Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

**Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

### **1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá.**

#### **a) Mục đích tự đánh giá**

Thực hiện TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm sẽ giúp Trường ĐHQN và Khoa KHTN đạt được các mục đích sau:

- KĐCL CTĐT là yêu cầu tất yếu trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục, là phương thức *xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các MT đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học;*

- TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm giai đoạn 2020 – 2025 nhằm giải trình với cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho NH lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nguồn nhân lực;

- TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT để nhà trường điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các MT đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng;

- TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm là cơ sở để nhà trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội. Mặt khác, TĐG CTĐT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh MT cho giai đoạn

tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch;

- TĐG CTĐT là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm;

- TĐG CTĐT sẽ giúp các CBGV của Khoa KHTN biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm hiệu quả hơn.

### **b) Quy trình tự đánh giá**

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thực hiện theo thứ tự 6 bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá (Lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm chuyên trách);
- Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng;
- Bước 4. Viết báo cáo TĐG (Viết, lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện báo cáo TĐG);
- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá (Công bố báo cáo TĐG trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến);
- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

### **c) Phạm vi tự đánh giá**

Khoa KHTN tiến hành hoạt động TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng ban chức năng trực thuộc Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2010 đến năm 2025).

### **d) Phương pháp và công cụ tự đánh giá**

Quá trình TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của Khoa KHTN, Trường ĐHQN được thực hiện theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

### **e) Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

*Trong đó:*

- **H**: viết tắt “Hộp minh chứng”;
- **n**: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết;
- **ab**: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);
- **cd**: số thứ tự của tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn được đánh số ở trên (ab), (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);
- **ef**: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (đánh số từ 01 đến hết).

*Ví dụ:*

[**H1.01.01.01**]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1.1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

[**H10.03.02.15**]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 10.

### **f) Sự tham gia của các bên liên quan**

Hội đồng TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 4261/QĐ-ĐHQN ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, gồm: Ban Giám hiệu, đại diện các CBGV của Khoa KHTN, đại diện các CB phòng ban, trung tâm trong Trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng, tổ trực thuộc cung cấp minh chứng về các kế hoạch, hoạt động chung của Nhà trường. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa KHTN tiến hành triển khai TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm.

### **g) Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập Quyết định số 4261/QĐ-ĐHQN ngày 02 tháng 12 năm 2024, Hội đồng gồm có 17 thành viên, Ban thư ký gồm 07 thành viên và 4 nhóm chuyên trách gồm 05 thành viên/nhóm, riêng nhóm 1 có 8 thành viên. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Khoa KHTN

huy động nguồn lực GV bao gồm các Phó Trưởng Khoa, GV, thư ký khoa để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, phó trưởng khoa phụ trách tiến hành họp các nhóm chuyên trách phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các bên liên quan về CDR, CTĐT, phương pháp giảng dạy...; Phòng ĐTDH hỗ trợ các dữ liệu thuộc CTĐT, các dữ liệu liên quan đến NH, thực hiện thu thập các thông tin khảo sát liên quan đến NH. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu thông tin minh chứng cần thiết cho Khoa KHTN.

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Quy Nhơn**

Tên tiếng Việt: **Trường Đại học Quy Nhơn**

Tên tiếng Anh: **Quy Nhơn University**

Địa chỉ: Số 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3 846 156

Fax: (0256) 3 846 089

Website: [www.qnu.edu.vn](http://www.qnu.edu.vn)

Email: [dqn@moet.edu.vn](mailto:dqn@moet.edu.vn)



**Hình 1.1.** Trường Đại học Quy Nhơn –170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định

Trường ĐH Quy Nhơn, tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn, được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT), “*có nhiệm vụ: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp 3 theo kế*



*hoạch, chương trình, quy chế, chế độ của Nhà nước và Bộ Giáo dục quy định*". Sau đó, ngày 13 tháng 7 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 02/HĐBT về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, "*có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học*". Đến ngày 30 tháng 10 năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được đổi tên thành Trường ĐH Quy Nhơn theo Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, "*có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội. 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội*".

### ***Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi***

Nhà trường xác định sứ mệnh và tầm nhìn phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của mình; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

**Sứ mệnh:** "*Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở GDĐH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.*"

**Tầm nhìn:** "*Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.*"

**Giá trị cốt lõi:** "*Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn*".

Để đạt được các mục tiêu đã nêu, Nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu đề ra, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra.

### ***Triết lý giáo dục***

Theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố, với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”.

**Toàn diện:** Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ NH phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho NH nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

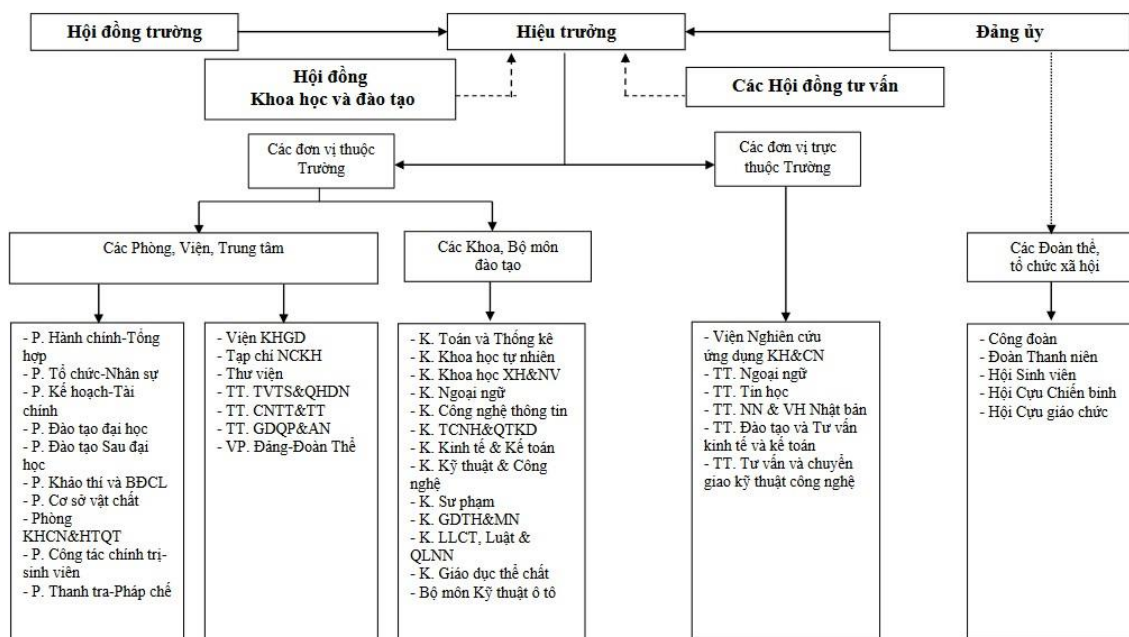
**Khai phóng:** Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi NH; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp NH phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

**Thực nghiệp:** Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để NH có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

#### ***Cơ cấu tổ chức, quản lý***

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; (3) Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác; (4) Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học; và (5) Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu KH&CN; các trung tâm dịch vụ đào tạo (*hình 1.2*).

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



**Hình 1.2.** Sơ đồ bộ máy tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn

Hiện nay, Trường ĐHQN có 12 khoa, 01 bộ môn, 10 phòng, 01 thư viện, 01 viện, 03 trung tâm, VP Đảng-Đoàn thể thuộc Trường, có 01 viện và 05 Trung tâm trực thuộc Trường và các tổ chức Đoàn thể, tổ chức xã hội: Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Quy Nhơn (ban hành theo Quyết định Số 1937/QĐ-ĐHQN, ngày 16/10/2017 và Số 15/NQ-ĐHQN-HĐT, ngày 26/03/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và SV.

### ***Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên***

Trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHQN đã trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và khu vực khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên nói riêng. Nhà trường luôn chú trọng vào việc phát triển đội ngũ cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên

có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhà trường đã luôn tạo môi trường dân chủ thông qua các văn bản, quy định để cán bộ quản lý, GV và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường. Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của GV và NH.

Để phát triển đội ngũ, Trường ĐHQN đã thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, tăng cường các dự án đào tạo, tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ viên chức quản lý và GV tham gia học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước, vì vậy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV của Trường ngày càng được nâng cao. Hiện nay, đội ngũ GV, viên chức của Nhà trường gồm có 738 viên chức, người lao động; trong đó có 508 GV với 34 GS, PGS; 193 TS; 72 NCS trong và ngoài nước.

### ***Chương trình và hoạt động đào tạo***

Tại Trường ĐHQN, CTĐT của tất cả các ngành và chuyên ngành đều được xây dựng theo quy định hiện hành của BGD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng. Cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của từng trình độ đào tạo; đồng thời đáp ứng yêu cầu của NH và của thị trường lao động (với các CDR cụ thể). Nhiều CTĐT đã có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước; được định kỳ cập nhật, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát, tổ chức hội nghị lấy ý kiến phản hồi của chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác, NH, GV về mục tiêu, CDR của CTĐT, khung CTĐT.

Hoạt động đào tạo của Trường ĐHQN đã được chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ vào năm 2010 và được điều chỉnh dần căn cứ theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời, các hình thức đào tạo được đa dạng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu của NH, tạo điều kiện thuận lợi và phát huy tính tích cực chủ động của NH. Nhà trường rất chú trọng đổi mới, đa dạng hóa phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của NH. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu HP, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

Các quy chế đào tạo, CTĐT, quy chế kiểm tra đánh giá được phổ biến kịp thời đã giúp NH tiếp cận, nắm vững và chấp hành tốt các quy chế, quy định của Nhà trường.

Định kỳ, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV nhằm tạo cơ hội để NH được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT hiện hành của Nhà trường. Thêm vào đó, thông qua Phòng công tác sinh viên, các hoạt động hỗ trợ SV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối giữa HV, SV với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng được tổ chức thường xuyên và ngày càng thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho nhiều HV, SV tất cả các ngành đào tạo.

Trường ĐHQN hiện có 50 ngành trình độ cử nhân và kỹ sư với quy mô xấp xỉ 14.000 SV chính quy, thuộc các khối ngành Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Xây dựng; Nông lâm, Dịch vụ xã hội; Du lịch, khách sạn, thể thao; Môi trường và bảo vệ môi trường; 25 chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô hơn 1000 học viên, NCS. Trường còn bồi dưỡng, cấp chứng chỉ chương trình học tiếng Việt cho hàng trăm lưu học sinh Lào. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng tiếng Việt cho hàng trăm lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasack, Salavan và Sekon. CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhiều SV, học viên qua các thế hệ ra trường đã và đang giữ những vị trí quan trọng ở Trung ương và địa phương. Với kết quả đào tạo hàng chục ngàn SV tốt nghiệp ra trường với nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, Trường ĐHQN đã đóng góp đáng kể vào việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### ***Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Cùng với nghiên cứu cơ bản là thế mạnh, Trường ĐHQN xác định nghiên cứu ứng dụng, tạo ra các sản phẩm KHCN, thương mại hóa gắn với sự phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là hướng đi cần được tập trung và phát triển để có thể tự chủ ĐH và phục vụ xã hội. Công tác NCKH ngày càng được đẩy mạnh, số GV tham gia NCKH ngày càng tăng, có nhiều sản phẩm NCKH có chất lượng. Từ 2017 đến 2022, số lượng đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp, dự án từ nguồn kinh phí quốc tế, quốc gia, địa phương và doanh nghiệp của Trường tăng lên đáng kể. Toàn trường đã chủ trì thực hiện 32 đề tài cấp Nhà nước, 34 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp Tỉnh và 247 đề tài cấp trường. Ngoài ra, Trường đã nhận được kinh phí tài trợ thực hiện dự án của tập đoàn Vingroup lên đến 10 tỷ đồng. Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 50,6%. Công bố khoa học của GV

(giai đoạn 5 năm, 2017-2022) có 1479 bài báo trong nước, 594 bài báo quốc tế, trong đó 383 bài báo thuộc danh mục ISI, 93 bài báo thuộc danh mục Scopus; đã tổ chức tại Trường 17 hội nghị quốc gia và 04 hội nghị quốc tế. Tạp chí Khoa học Trường ĐHQN được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm và Bộ GD&ĐT phê duyệt dự án nâng cấp để được gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI. Hoạt động NCKH của HV, SV cũng được chú trọng và đạt được kết quả đáng kể: chỉ tính trong 05 năm từ năm 2017-2022 đã có 131 đề tài NCKH của SV đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo. Nhiều hội nghị khoa học của học viên sau đại học được tổ chức có chất lượng, hiệu quả.

Về HTQT, Trường ĐHQN đã và đang hợp tác với nhiều trường danh tiếng trong khu vực và trên thế giới thông qua mạng lưới các GV của trường từng học tập và nghiên cứu. Ở khu vực Châu Á, Trường ĐH Quy Nhơn đã ký kết văn bản hợp tác với Trường Đại học Prince of Songkla (Thái Lan), Đại học quốc gia Singapore, Đại học Chungnam (Hàn Quốc), Đại học nữ Ewha (Hàn Quốc), Đại học Sungkyunkwan (Hàn Quốc),... Ở khu vực Châu Âu, Trường ĐH Quy Nhơn thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều đối tác danh tiếng, xếp hạng (Ranking, RK) cao như Đại học Twente (Hà Lan, RK= 197), Đại học Delft (Hà Lan, RK=172), Đại học Bern (Thụy Sĩ, RK=139), Đại học Bonn (Đức, RK=114), Đại học KU Leuven (Bỉ, RK=45), Đại học Bách khoa Lausanne (EPFL, RK=14), Đại học Évora (Bồ Đào Nha), Đại học Ghent (Bỉ), Đại học Antwerpen (Bỉ). Trong đó, Đại học KU Leuven là đối tác chiến lược của Trường ĐHQN trong những năm qua. Hai bên đã thực hiện nhiều dự án hợp tác song phương nhằm trao đổi học thuật, nâng cao chất lượng GV và CTĐT cho Trường ĐHQN thông qua 02 dự án South Initiatives (SI) và 01 dự án TEAM (do tổ chức VLIR-UOS-Bỉ tài trợ) cho Bộ môn Hóa học và BM Vật lý – Khoa học vật liệu (Khoa KHTN). Đáng chú ý, Dự án MOMA “*Research based curriculum development in molecular and materials sciences Vietnam*” do Trường ĐHQN là chủ dự án được tài trợ bởi Cộng đồng Châu Âu để phát triển CTĐT trong lĩnh vực KHVL và khoa học phân tử với sự kết hợp với phía châu Âu gồm các Đại học KU Leuven (Bỉ), Đại học Rostock (Đức), Đại học Twente (Hà Lan) và phía Việt Nam gồm Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Phenikaa và Trường Đại học Cần Thơ. Đặc biệt, mới đây chương trình IUC “*Improving livelihoods and living conditions through the sustainable development of the South Central Coast and Central Highlands of Vietnam by enhancing the capacity of Quy Nhon University (QNU)*” được tài bởi tổ chức VLIR-UOS với thời gian 10 năm (2022-2032) được xem là một dự án trọng điểm của chính phủ Bỉ hỗ trợ cho Trường ĐH Quy Nhơn phát triển năng lực nhằm tự giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua các dự

án phát triển cộng đồng và nâng cao sinh kế của người dân của khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên. Đây được xem là một cú hích để trường ĐHQG Quy Nhơn trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả khu vực trong tương lai gần.

### ***Cơ sở vật chất, thư viện và trang thiết bị học tập***

Trường ĐHQG có tổng diện tích đất quản lý sử dụng là 241.298 m<sup>2</sup>, trong đó: Cơ sở chính tại số 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với diện tích đất là 131.796 m<sup>2</sup> và 01 Cơ sở thực nghiệm của Trường tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với tổng diện tích 109.502 m<sup>2</sup>. Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH tại Cơ sở chính là 89.649 m<sup>2</sup> và Cơ sở thực nghiệm là 500 m<sup>2</sup>. Trường có 56 phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và NCKH với diện tích sàn xây dựng là 5.321m<sup>2</sup>, 15 phòng thực hành tin học và ngoại ngữ với diện tích sàn xây dựng là 1.390m<sup>2</sup>, 01 Khu nghiên cứu ứng dụng Nông nghiệp-Môi trường phục vụ chủ yếu cho đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm với diện tích sàn xây dựng là 500m<sup>2</sup>, 01 nhà tập đa năng với diện tích sàn xây dựng là 5060m<sup>2</sup>, 03 hội trường phục vụ đào tạo với diện tích sàn xây dựng là 1.975m<sup>2</sup>, 150 phòng học cho SV, học viên với diện tích sàn xây dựng là 26.048m<sup>2</sup>, 01 thư viện với diện tích sàn xây dựng là 3.339m<sup>2</sup> và các phòng chức năng khác dành cho cán bộ GV với diện tích sàn xây dựng là 9.371m<sup>2</sup>

Nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao CLĐT, chất lượng hoạt động NCKH, hỗ trợ tốt nhất cho NH và GV, Trường ĐHQG đã trang bị đầy đủ các điều kiện trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập. Trong thời gian 5 năm trở lại đây, Trường ĐHQG được Bộ GD&ĐT đầu tư mới một số PTN và phòng học chất lượng cao từ nguồn ngân sách nhà nước bao gồm:

+ PTN dự án Tăng cường phòng thí nghiệm hệ thống lưới điện thông minh và tính toán mô phỏng của Trường ĐHQG;

+ PTN dự án Tăng cường năng lực cơ sở vật chất ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo giảng dạy cho Trường ĐHQG;

+ Hệ thống phòng Lab hỗ trợ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trên máy tính cho Trường ĐHQG.

+ Đầu tư phòng thí nghiệm Vật lý ứng dụng & KHVL cho Trường ĐHQG.

Hệ thống giảng đường, hội trường, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ khu luyện tập thể dục thể thao đầy đủ và ngày càng được đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho việc dạy học và NCKH, cho các hoạt

động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của HV, SV; hệ thống phòng làm việc, trang thiết bị đáp ứng đủ cho các phòng, khoa và bộ môn. Thư viện Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí; có hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử như: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu), Cơ sở dữ liệu MathSciNet; phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của NH và GV.

Với xu hướng phát triển mạnh mẽ của các công cụ quản lý số, hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được Nhà trường chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo, các phần mềm đã được triển khai: Quản lý văn bản E-Office, Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến SV - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Kế toán thù lao giảng dạy, thu học phí HV, NH; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại khu KTX; triển khai E-Learning; triển khai giảng dạy trực tuyến. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

Hơn 45 năm qua, Trường ĐHQN đã không ngừng phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách, vươn lên trở thành một trong những trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo chuẩn chất lượng, một trong những trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các lĩnh vực khoa học - công nghệ, trung tâm văn hóa, giáo dục của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, từng bước hội nhập với các trường Đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

### ***Kiểm định chất lượng***

Từ năm 2007, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường ĐHQN được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Tính đến nay Trường ĐHQN đã kiểm định chất lượng 12 CTĐT trình độ ĐH và 2 CTĐT trình độ Cao học. Trường ĐHQN xếp hạng 18 trong Top 100 trường đại học tại Việt Nam, theo công bố của Viet Nam's University Rankings (VNUR) ngày 16/02/2023. Xếp ở vị thứ 18, Trường ĐHQN có tổng điểm xếp hạng là 57,10 (trong đó, điểm xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng được công nhận là 19; điểm xếp hạng tiêu chuẩn dạy học là 46; điểm xếp hạng tiêu chuẩn công bố bài báo khoa học là 26; điểm xếp hạng tiêu chuẩn nhiệm vụ



khoa học và công nghệ (KH&CN) và sáng chế là 51; điểm xếp hạng tiêu chuẩn chất lượng NH là 46 và điểm xếp hạng tiêu chuẩn cơ sở vật chất là 108). Theo VNUR, đây là bảng xếp hạng các trường đại học của Việt Nam đầu tiên được công bố trong lãnh thổ Việt Nam, dựa vào các tiêu chuẩn và tiêu chí phù hợp với thực tiễn cũng như các định hướng về chuẩn mực và chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam và các nguyên tắc xếp hạng quốc tế. Đánh giá xếp hạng được VNUR dựa trên 6 tiêu chuẩn, gồm: Chất lượng được công nhận (30%); dạy học (25%); công bố bài báo khoa học (20%); nhiệm vụ KH&CN và sáng chế (10%); chất lượng NH (10%); cơ sở vật chất (5%).

Ngày 09/02/2023, Trường ĐHQN hoàn thành khảo sát chính thức đánh giá chất lượng giáo dục chu kỳ 2. Tại phiên bế mạc, các chuyên gia trong Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) đến từ Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Đà Nẵng trình bày kết quả đánh giá sơ bộ, ghi nhận Trường ĐHQN đã có nhiều cải tiến kể từ sau đợt kiểm định chu kỳ 1 vào năm 2017. Đoàn ĐGN đã phân tích những điểm mạnh, chỉ ra những mặt còn hạn chế và đưa ra những khuyến nghị để Nhà trường tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng trong giai đoạn mới phù hợp với điều kiện tự chủ, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường.

#### ***b) Giới thiệu chung về khoa Khoa học Tự nhiên***

Thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019-2022 tầm nhìn 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN) được thành lập theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN trên cơ sở sáp nhập 04 Khoa: Vật lý, Hóa học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp và Địa lí - Địa chính, đây là những Khoa có bề dày đào tạo, NCKH trên 30 năm.

Khoa KHTN có 5 bộ môn với nhiều chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau do đó có cơ sở để tạo tính liên ngành cao. Cụ thể là các bộ môn: Bộ môn Vật lý-KHVL, Bộ môn Hóa học, Bộ môn Địa lí - Quản lý Tài nguyên Môi trường, Bộ môn Sinh học ứng dụng - Nông nghiệp, Bộ môn Kỹ thuật Hóa học - Thực phẩm.

#### ***Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa KHTN***

**Sứ mệnh:** “*Khoa Khoa học Tự nhiên thuộc Trường ĐHQN Quy Nhơn là đơn vị đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao; nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên, Khoa học sự sống, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Nông lâm nghiệp và thủy sản, Môi trường và bảo vệ môi trường; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.*”

**Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng có uy tín cao, một số ngành đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

**Giá trị cốt lõi:** “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

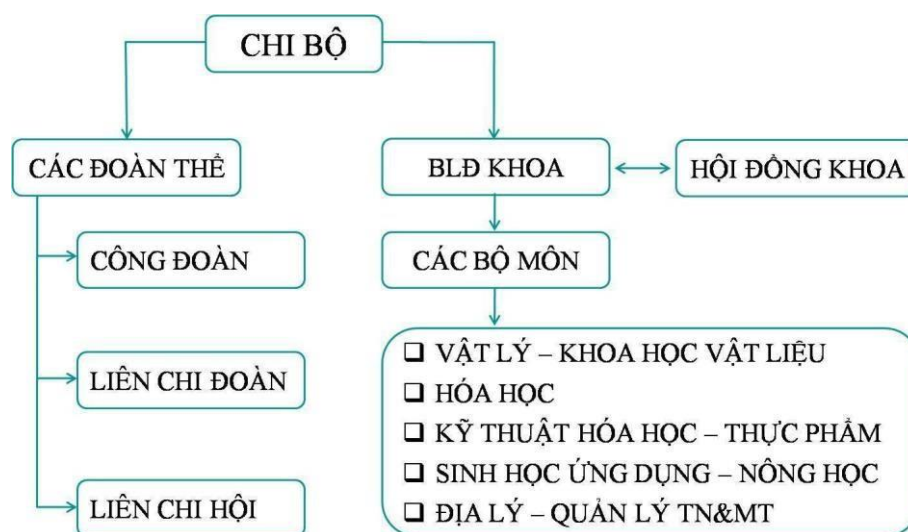
### **Cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV**

Khoa KHTN có đội ngũ GV hùng hậu, mạnh mẽ và trình độ cao. Đội ngũ GV của Khoa có kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, với độ tuổi bình quân 42 tuổi nên rất năng động, thích ứng nhanh và tâm huyết với nghề nghiệp, với NH; có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học tốt, có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế cao. Nhiều GV có đủ năng lực tư vấn, điều hành các dự án hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN trong nước và nước ngoài. Cụ thể Khoa hiện có 98 viên chức, trong đó 01 GS, 01 PGS.TSKH, 09 PGS.TS, 46 TS, 03 viên chức nghỉ dạy không lương; số lượng viên chức có trình độ TS trở lên chiếm 58,16% trong tổng số viên chức giảng dạy. Số lượng viên chức của Khoa KHTN được phân bổ vào các Bộ môn như trình bày ở *bảng 1.1*.

**Bảng 1.1.** Số lượng viên chức của các Bộ môn và văn phòng thuộc Khoa KHTN

<b>TT</b>	<b>Bộ môn</b>	<b>Số lượng viên chức</b>
1	Vật lý ứng dụng – KHVL	13
2	Hóa học	25
3	Kỹ thuật hóa học – Thực phẩm	21
4	Sinh học ứng dụng – Công nghệ thực phẩm	18
5	Địa lý – Quản lý TN&MT	18
6	Văn phòng Khoa	03
	<b>Tổng cộng</b>	<b>98</b>

Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cơ cấu tổ chức Khoa KHTN được cụ thể theo sơ đồ trong *hình 1.3* sau:



**Hình 1.3.** Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Khoa học Tự nhiên

### ***Quy mô đào tạo***

Khoa KHTN hiện đang đào tạo cả 3 bậc học từ ĐH đến TS cụ thể:

- Ở bậc đào tạo đại học, Khoa có 06 ngành đào tạo bao gồm: KHVL, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường.

- Ở bậc đào tạo ThS, Khoa đào tạo 5 chuyên ngành: Vật lý chất rắn, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và hóa lý, Sinh học thực nghiệm, Địa lý tự nhiên.

- Ở bậc TS có 01 chuyên ngành đào tạo Hóa lý thuyết và hóa lý.

### ***Nghiên cứu khoa học***

Về công bố quốc tế: Những năm gần đây, Khoa KHTN là một điểm sáng về công bố quốc tế của Nhà trường. Trong 05 năm qua (2019-2024), Khoa KHTN đã đăng được 164 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, chiếm 43% trong tổng số bài báo ISI toàn trường, nhiều bài báo có chỉ số ảnh hưởng cao như ACS Nano (IF = 13.9), Nano Letters (11.2), Chemical Science (IF = 9.3) Nanoscale (IF = 6.7), Chemical Communication (IF = 6.1), Applied Surface Science (IF = 6.2), Electrochimica Acta (IF = 5.5). Về đề tài nghiên cứu khoa học các cấp: Trong thời gian qua, GV của Khoa KHTN đã tham gia nhiều dự án, đề tài nghiên cứu các cấp với tư cách là chủ trì đề tài và thành viên tham gia, trong đó có 05 dự án quốc tế, 02 đề tài trọng điểm quốc gia (KC), 01 đề tài nghị định thư, 01 đề tài Vingroup, 17 đề tài Nafosted, 21 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh, 70 đề tài cấp Trường, 1 sáng kiến kinh nghiệm. Tổng kinh phí của các đề tài do cán bộ/GV Khoa KHTN làm chủ nhiệm đề tài trong ba năm gần đây (2019 - 2022) khoảng 30 tỷ đồng.

### ***Về cơ sở vật chất***

Khoa KHTN có hai khu thí nghiệm chuyên biệt dành riêng cho NCKH và đào tạo, bao gồm Khu thí nghiệm Nhà A6 (Wet Laboratories) dành cho các hoạt động khoa học liên quan đến hóa chất và Khu thí nghiệm A7 (Dry laboratories). Tất cả các phòng thí nghiệm được đầu tư từ các dự án nghiên cứu đều được bố trí trong hai khu thí nghiệm này. Với các thiết bị mới đầu tư hiện đại phù hợp với nhu cầu thực tiễn phần nào mang lại hiệu quả trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và cho cả nước. Các trang thiết bị mới đầu tư này kết hợp với các phòng thí nghiệm với trang thiết bị hiện có của Trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và NCKH của SV, HV và cán bộ/GV. Ngoài ra, trong năm 2022 nhà trường đã thực hiện tu sửa và xây mới nhiều cơ sở vật chất khu thực hành A6 nhằm đáp ứng nhu cầu cho GV và SV nghiên cứu, học tập ngành Công nghệ thực phẩm.

## **PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu***

Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng, được rà soát, cập nhật, bổ sung phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN, và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định trong Luật GDDH. CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xây dựng một cách rõ ràng, cụ thể, hợp lý, thể hiện mục tiêu rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ đại học chính quy dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như GV, nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu SV.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa KHTN xây dựng CDR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu riêng biệt mà SV ngành Công nghệ thực phẩm cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, CDR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan như các chuyên gia, nhà sử dụng lao động, các GV đầu ngành và cựu SV, cựu học viên của Khoa. Sau mỗi năm học, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR nhằm mục đích hoàn thiện và nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu của đổi mới GDDH. CDR được công bố công khai để NH, GV và các đơn vị tuyển dụng có thể tiếp cận dễ dàng thông qua nhiều kênh khác nhau.

MT và CDR được công bố công khai để NH, GV và các đơn vị tuyển dụng có thể tiếp cận dễ dàng thông qua nhiều kênh khác nhau.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Ngành Kỹ sư Công nghệ thực phẩm được Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHQN mở ngành đào tạo theo quyết định số 7633/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/12/2005 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT từ năm học 2019 – 2020 [H01.01.01.01]. Theo định kỳ 2 năm, Trường ĐHQN Quy Nhơn lập kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật và phát triển CTĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và theo hướng dẫn của Nhà trường về đào tạo trình độ Đại học. Năm 2022, thực hiện kế hoạch đánh giá, sửa đổi và cập nhật CTĐT hệ chính quy của Trường ĐHQN, Khoa KHTN đã thực hiện khảo sát tại các doanh nghiệp trong nước về

CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm. Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát, Khoa đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và kết luận MT của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm đã được xác định rõ ràng trong CTĐT được ban hành năm 2020, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu xã hội đối với nhân lực ngành công nghệ thực phẩm rất lớn đặc biệt là vị trí công việc QA, QC [H1.01.01.02]. Bên cạnh đó, đây cũng là giai đoạn Trường ĐHQN lên kế hoạch cho việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019 - 2022, tầm nhìn 2030 và tiến tới sẽ cơ cấu lại, tái bố trí cấu trúc, bộ phận, nhân sự nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong xu thế phát triển và cạnh tranh trong Đào tạo [H1.01.01.03]. Sau lần sửa đổi chương trình lần thứ nhất năm học 2021-2022, năm học 2024-2024 tiếp tục thực hiện Kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật, cải tiến CTĐT đại học hệ chính quy của Trường ĐHQN và Quyết định về việc ban hành Quy định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHQN, Khoa KHTN đã triển khai kế hoạch rà soát và chỉnh sửa tất cả các CTĐT tại Khoa, trong đó có ngành Công nghệ thực phẩm. Căn cứ vào kết quả khảo sát, tổ chức Hội nghị trực tuyến với SV, nhà tuyển dụng, các bên liên quan và đối sánh với các CTĐT của một số trường đại học khác trong nước và quốc tế, Bộ môn Kỹ thuật hóa học – thực phẩm đã tiến hành phân tích kết quả, thảo luận để thực hiện chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT sao cho phù hợp với tiêu chí của nhà tuyển dụng trong thời đại chuyên đổi sang nền Nông nghiệp 4.0, phù hợp với Quy định về xây dựng, phát triển CTĐT của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, sau đó Hội đồng Khoa và Trường sẽ tiến hành họp góp ý, thông qua và Nhà Trường sẽ ra Quyết định ban hành CTĐT [H1.01.01.04], [H1.01.01.05],[H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

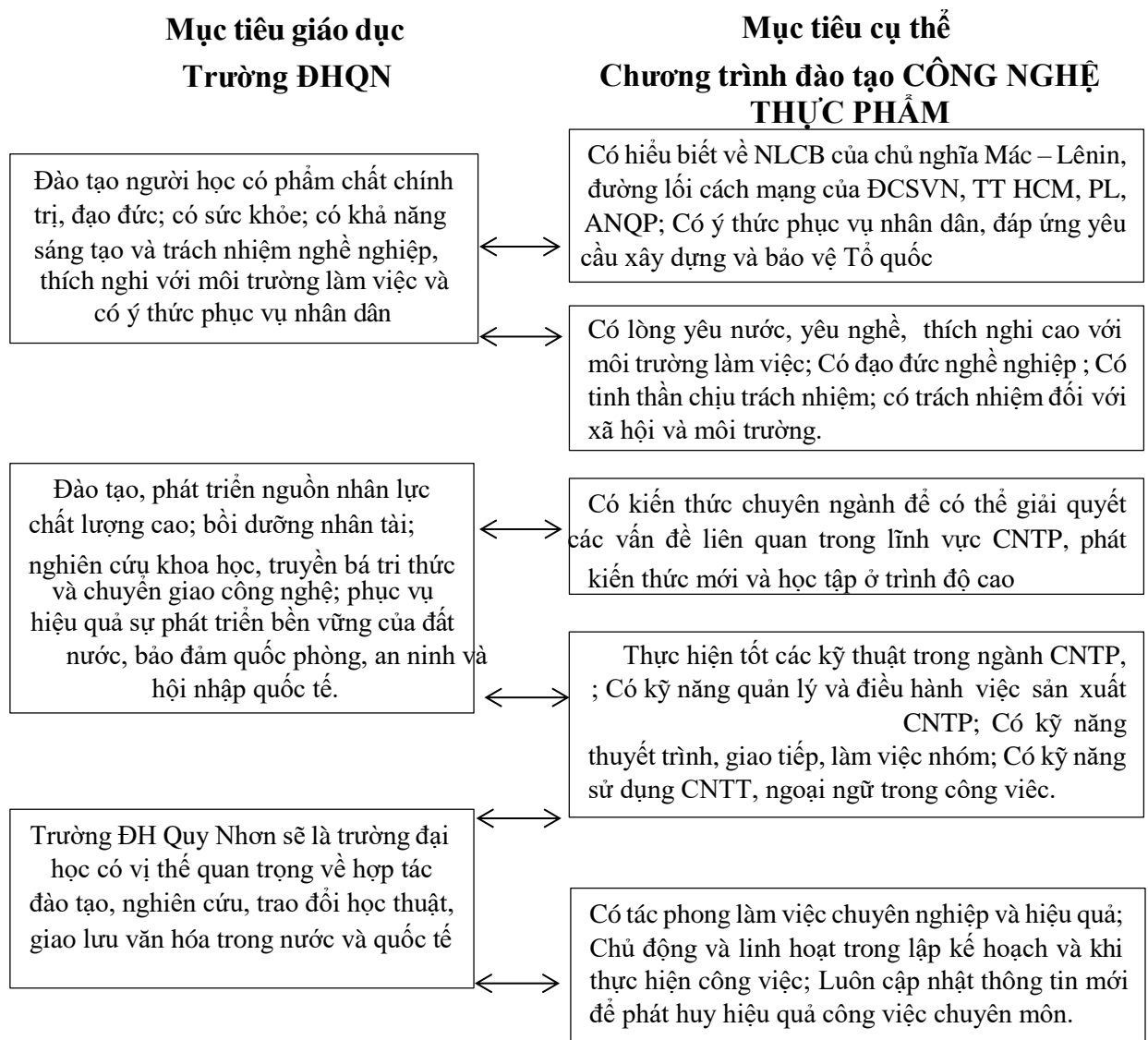
*Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xây dựng và xác định rõ ràng* theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN về xây dựng CTĐT trình độ đại học hệ chính quy với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H01.01.01.08], [H01.01.01.09], [H01.01.01.10]. Trong mục tiêu đào tạo đã quy định rõ các tiêu chuẩn mà NH cần đạt được. Cụ thể, *Mục tiêu chung* là “ Đào tạo kỹ sư Công nghệ thực phẩm có đủ sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức chuyên môn; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm; có khả năng tự học và thích nghi với môi trường làm việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước”. *Mục tiêu cụ thể về kiến thức:* “ Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, rèn luyện thân thể, quốc phòng- an ninh, công nghệ thông tin; các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật; các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức thí nghiệm, thực hành và thực tế để sinh viên có thể vận dụng được trong cuộc sống và hoạt

động nghề nghiệp. Đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên ngành để kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm; thiết kế, vận hành các quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm và xử lý các sự cố liên quan; tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp để có thể giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển kiến thức mới và có thể học tập ở trình độ cao hơn; Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, áp dụng nông nghiệp công nghệ cao nhằm tăng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường”. *Về kỹ năng là* “Đào tạo sinh viên có kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý dữ liệu và thông tin; có kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật và công cụ hỗ trợ hiện đại cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. Đào tạo sinh viên có kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt; kỹ năng phân biện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công nghệ thực phẩm; có kỹ năng sáng tạo, khởi nghiệp và thích nghi với môi trường làm việc thay đổi. Đào tạo sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ công việc chuyên môn, quản lý và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm, thích ứng tốt với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, đáp ứng nhu cầu xã hội”. *Về mức tự chủ và trách nhiệm là* “Hình thành cho sinh viên thói quen thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, tính trung thực khách quan, thái độ đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm trong công việc, cộng đồng và xã hội; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp và có ý thức học tập suốt đời. Đào tạo sinh viên có năng lực triển khai, vận hành và đánh giá các quy trình công nghệ, các hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm” **[H1.01.01.07]**. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng được trình bày trong CTĐT **[H1.01.01.11]**.

*Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN, cũng như sứ mệnh và tầm nhìn của khoa KHTN (hình 2.1) đó là* “Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội” và phân đầu “Đến năm 2030, Trường ĐHQ Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế” **[H01.01.01.12]**.

*Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định cụ thể trong Luật GDĐH năm 2012, Luật sửa GDĐH đổi năm 2018 và Luật GD năm 2019:*

"Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân" [H1.01.01.13]. Đồng thời, để NH và những người quan tâm biết được mục tiêu và chi tiết về CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm trình độ đại học, Trường và Khoa đã đăng tải thông tin về mục tiêu, CTĐT, ĐCCT các HP trên website của Trường và Khoa [H1.01.01.14].



**Hình 2.1.** Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT và mục tiêu Giáo dục, Trường ĐHQN



## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường, của Khoa KHTN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời để đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển nông nghiệp trong nước và khu vực Đông Nam Á.

## 3. Điểm tồn tại

Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CTĐT của Trường, Khoa mặc dù đã được tổ chức đảm bảo tiến độ và quy định, tuy nhiên quy mô khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đánh giá kết quả khảo sát để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT còn chưa đa dạng đối tượng của các bên liên quan.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng quy mô và đa dạng hình thức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, cụ thể đẩy mạnh sử dụng hình thức khảo sát online, hội nghị trực tuyến; mở rộng địa bàn khảo sát, lấy ý kiến đến nhà tuyển dụng ở nhiều địa phương khác nhau.	- Phòng KT&BDCL - Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	

2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng mục tiêu của CTĐT bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, quyết định của Nhà trường; việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và kế hoạch đào tạo thực hiện định kỳ để phù hợp với MT đào tạo.	- Khoa KHTN	Hàng năm	
---	--------------------	---	-------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

***1. Mô tả hiện trạng***

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xây dựng đúng quy trình theo hướng dẫn của Trường ĐHQN về xây dựng CTĐT và các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ của GDDH và Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó quy định cụ thể khung trình độ về CĐR mà người tốt nghiệp phải đạt được [H1.01.01.02], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05]. CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm đã phản ánh được mục tiêu của CTĐT gồm các chuẩn về kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành, về năng lực chuyên môn, kỹ năng, thái độ và về vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm phiên bản năm 2022 chưa cụ thể hóa được các tiêu chí đánh giá để người dạy và NH dễ dàng xác định và thực hiện [H1.01.02.06]. Trước đó, ngày 9/8/2018, được sự quan tâm của Lãnh đạo Trường ĐHQN, chúng tôi đã được tham gia lớp tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” của Trung tâm khảo thí và đánh giá chất lượng đào tạo ĐHQG HCM tổ chức [H1.01.02.07]. Năm 2022, thực hiện kế hoạch sửa đổi, cập nhật và tổ chức đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT đại học hệ chính quy, CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm đã được cập nhật và điều chỉnh lại để phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và Khoa KHTN, cũng như xu thế thời đại [H1.01.01.11], [H1.01.02.08], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10]. Tuy nhiên chúng tôi vẫn luôn bám sát các yêu cầu của: Khung trình độ

quốc gia Việt Nam, Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH của Bộ GD&ĐT, [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05]. Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm phiên bản năm 2022 còn được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát lấy ý kiến của SV, các bên liên quan và được đối sánh với CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của các trường đại học uy tín trong nước [H1.01.02.11], [H1.01.02.12], [H1.01.02.13]. Phiên bản năm 2022, chúng tôi còn thực hiện đối sánh với CTĐT nước ngoài và tổ chức hội nghị trực tuyến trong tình hình dịch Covid 19 để lấy ý kiến của SV và nhà tuyển dụng cho bản dự thảo về mục tiêu, CĐR và nội dung CTĐT, trên cơ sở đó, chúng tôi thấy rằng CĐR cho CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm hiện nay tại trường ĐHQN có thể đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [H1.01.02.10], [H1.01.02.14]. Tuy nhiên việc đánh giá chất lượng CTĐT phải được thực hiện thường xuyên vì vậy công việc này chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai hàng năm.

*CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng, súc tích dựa trên các mục tiêu của CTĐT.* Mức đánh giá năng lực của mỗi CĐR phiên bản năm 2022 (theo Thang đo Bloom) gồm 6 mức độ (Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo), trong đó các CĐR được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu đánh giá (PLO), bao gồm 6 PLO về kiến thức cơ bản, 7 PLO về kỹ năng và 2 PLO về thái độ đạo đức nghề nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm 2022 có một điểm mới đáng kể so với các CĐR phiên bản năm 2020 thể hiện ở CĐR - PLO12 về tinh thần khởi nghiệp. Đây là sự cải tiến dựa trên xu thế phát triển của xã hội, mong muốn của NH (*Bảng 2.1*). CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website và các tài liệu quảng bá của Trường và Khoa [H1.01.02.15] và cũng được phổ biến trong kỳ học đầu tiên của Khóa học.

**Bảng 2.1.** Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

MT của CTĐT		CDR														
<i>MT cụ thể</i>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học chính trị và pháp luật, an ninh quốc phòng; Có lòng yêu nước, yêu ngành nghề; Có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	X	X													
2	Nắm vững kiến thức về khoa học cơ bản như toán, hóa, sinh để phục vụ cho nghề nghiệp; Nắm vững kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp để có thể giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển kiến thức mới và		X	X	X	X										
	có thể học tập ở trình độ cao hơn; Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, áp dụng nông nghiệp công nghệ cao nhằm tăng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.															

3	Thực hiện tốt các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; Đánh giá, giải thích được các tình huống trong sản xuất nông nghiệp liên quan đến cây trồng, vật nuôi và thủy hải sản.			X	X	X								
4	Có kỹ năng quản lý và điều hành việc sản xuất nông nghiệp, nhận diện, phán đoán và đưa ra các giải pháp tối ưu cho các vấn đề trong sản xuất nông nghiệp.			X	X	X					X	X	X	
5	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm và giải quyết vấn đề. Kỹ năng thuyết trình và sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong công tác chuyên môn có hiệu quả cao.							X	X	X				
6	Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Có kỹ năng giao tiếp căn bản, có thể đọc hiểu, tra cứu và viết báo cáo các vấn đề đơn giản trong nông nghiệp bằng Tiếng Anh.						X							
7	Có sự tự tin, lòng nhiệt tình, lòng đam mê, sự							X						X X

	thích nghi cao đối với những điều kiện làm việc khác nhau; Hiểu được văn hóa nghề nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp và có thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp; Có tinh thần chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, có trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.														
8	Có tác phong làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả; Chủ động và linh hoạt trong lập kế hoạch và khi thực hiện công việc; Luôn cập nhật thông tin mới để phát huy hiệu quả công việc chuyên môn.							X		X					

*CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm sau khi được cập nhật năm 2022 bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp, cụ thể: Về kiến thức: NH có khả năng (1) Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành khoa học nông nghiệp; (2) Vận dụng được các kiến thức giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật, tư tưởng đạo đức cách mạng của ĐCSVN và tư tưởng HCM vào nghề nghiệp và cuộc sống; (3) Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về toán, hóa, sinh và kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực nông nghiệp; (4) Phân tích và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành vào các lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, chế biến thực phẩm; (5) Phân tích và vận dụng được những kiến thức về xây dựng và quản lý dự án nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, các hình thức kinh doanh trong nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm; (6) Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Có khả năng sử dụng được ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Về kỹ năng: (7) sử dụng thành thạo các thiết bị thí nghiệm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý dữ liệu và thông tin; có kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật và công cụ hỗ trợ hiện đại cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm; (8) Có kỹ năng tự chủ trong công việc, (9) Có kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian; (10) Có khả năng lập kế hoạch và thực hiện công tác chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm; thiết kế xây dựng mô hình*

trình diễn; (11) Có khả năng thực hiện các biện pháp kỹ thuật và giải quyết vấn đề về kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm; (12) Có kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất thực phẩm; (13) Có kỹ năng khởi nghiệp trong sản xuất nông nghiệp; *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* (14) Có đủ sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp; có ý thức trách nhiệm, tôn trọng pháp luật của người công dân; có phẩm chất chính trị; (15) Có khả năng kết luận chuyên môn, nghiệp vụ và một số vấn đề liên quan đến Công nghệ thực phẩm; Có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Có năng lực đánh giá, cải tiến và quản lý các hoạt động Công nghệ thực phẩm ở quy mô trung bình. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng của CTĐT [H1.01.01.10]. NH có thể đạt được các CĐR này thông qua các học phần trong CTĐT, trong đó các CĐR liên quan đến kiến thức, NH sẽ đạt được thông qua các HP cơ sở và chuyên ngành; CĐR về kỹ năng sẽ đạt được thông qua các HP thực hành, thực tập, thực tế, đồ án tốt nghiệp và các hoạt động seminar; đồng thời trong CTĐT phần lớn các HP còn cung cấp kỹ năng đọc tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành [H1.01.02.10]. Ngoài ra, về CĐR ngoại ngữ, tin học NH phải đảm bảo đạt được theo CĐR chung của Trường ĐHQN [H1.01.02.01; H1.01.02.02].

## 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng, súc tích, gắn liền với mục tiêu CTĐT, thể hiện cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT Công nghệ thực phẩm đã giúp NH có cơ hội làm việc ở nhiều lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp và đặc biệt là có tinh thần khởi nghiệp.

## 3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đối sánh các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế, số lượng các CTĐT được sử dụng để đối sánh CĐR còn ít.

Một số ĐCCT học phần ở các phiên bản trước năm 2024 chưa được thiết kế đáp ứng CĐR của CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	- Tăng số lượng các CTĐT trong và ngoài nước được sử dụng để đối sánh CĐR. - Tổ chức rà soát ĐCCT các học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CĐR của CTĐT.	- Khoa KHTN	Từ năm học 2025, 2 năm một lần theo Kế hoạch của Nhà trường	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp của GV và các chuyên gia để thiết kế ĐCCT học phần phù hợp, đáp ứng CĐR của CTĐT.	- Phòng ĐTĐH - Khoa KHTN	2 năm một lần theo Kế hoạch của Nhà trường	
		Triển khai tốt CTĐT để giúp NH đạt được CĐR, đặc biệt là CĐR về tinh thần khởi nghiệp.	Khoa KHTN	Từ năm học 2025	

*Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

***1. Mô tả hiện trạng***

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm phản ánh đầy đủ yêu cầu, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng thông qua khảo sát, lấy ý kiến của nhà tuyển dụng; các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác; GV trực tiếp giảng dạy lý thuyết và thực hành ngành Công nghệ thực phẩm; cựu SV và SV năm cuối của khoa quản lý đào tạo và được xây dựng dựa trên cơ sở các công văn, thông tư, quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Nội dung của CĐR đã được gửi đến các bên liên quan để lấy ý kiến, bao gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác, các cựu SV, SV năm cuối và các GV Khoa KHTN cũng như các GV ngoài khoa tham gia giảng dạy các học phần của ngành Công nghệ thực phẩm [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. Hơn nữa, Bộ môn Kỹ thuật hóa học – thực phẩm, Hội đồng Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và thông qua CĐR của CTĐT



ngành Công nghệ thực phẩm **[H1.01.03.05]**. CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT, CTDH ngành Công nghệ thực phẩm và ĐCCT học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CDR đã đề ra. Ma trận kỹ năng trong bản mô tả CTDH thể hiện đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm **[H1.01.03.06]**. CDR phản ánh được yêu cầu đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ thực phẩm có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác nghiên cứu, giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng, viện, trung tâm nghiên cứu về nông nghiệp; công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp như: Ban nông nghiệp xã, phòng nông nghiệp quận/huyện, các Sở nông nghiệp, khoa học công nghệ, các cơ quan khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, các hợp tác xã nông nghiệp, trang trại trồng trọt, chăn nuôi, trung tâm khuyến nông, trung tâm nghiên cứu cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh - dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp trong và ngoài nước, tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ thực phẩm, thủy sản; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động và cùng với các kỹ năng khác **[H1.01.03.06]**.

*CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà Trường theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]**. Quá trình rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện CDR của CTĐT đều dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác, các cựu SV, SV năm cuối và các GV trong Khoa KHTN trực tiếp giảng dạy các học phần và những GV ngoài khoa tham gia giảng dạy các học phần của ngành Công nghệ thực phẩm thông qua các hình thức đa dạng gồm khảo sát online (đặc biệt năm 2022 khi đại dịch Covid 19 đang diễn ra), phát phiếu khảo sát, hội thảo các bên liên quan **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**. Đồng thời, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm và Khoa quản lý ngành đào tạo cũng tham khảo, đối chiếu với CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của một số trường uy tín trong nước và quốc tế, đối sánh các phiên bản ở các năm trước sửa đổi, điều này được thể hiện trong sự thay đổi của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm **[H1.01.03.06]**, **[H1.01.03.07]**.*

*CDR của CTĐT được công bố rộng rãi, công khai tới toàn thể GV tham gia giảng dạy, SV và các đơn vị sử dụng lao động thông qua website của trường ĐHQN, của Khoa KHTN, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và sinh hoạt lớp hàng tháng trong năm học **[H1.01.03.08]**.*

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của Khoa KHTN quản lý được xây dựng dựa trên các thông tư, quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường, định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường.

CĐR của ngành Công nghệ thực phẩm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm còn được công bố công khai rộng rãi qua website của Trường ĐHQN, của Khoa KHTN và trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng trong năm học cho SV trong Khoa quản lý CTĐT.

## *3. Điểm tồn tại*

Khoa KHTN chưa triển khai khảo sát, lấy ý kiến riêng về CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm dành cho SV sau mỗi năm học/khoá học cũng như các bên liên quan khác mà lồng ghép trong các khảo sát, lấy ý kiến về chất lượng CTĐT và hoạt động giảng dạy, thí nghiệm, thực hành.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm chỉ tập trung ở trong tỉnh Bình Định và một số tỉnh lân cận, chưa triển khai rộng rãi đến các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Việc đối sánh các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế để xây dựng CĐR còn hạn chế về số lượng các CTĐT được sử dụng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2025 – 2026, Khoa KHTN tiếp tục công khai rộng rãi CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động. Đồng thời, tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được cập nhật và hoàn thiện hơn.

Ngoài ra, Khoa tiếp tục tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu SV, GV và đơn vị sử dụng lao động riêng về CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm trên hệ thống website, trang facebook của Khoa, Bộ môn một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi hơn.

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị , người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Thực hiện khảo sát đầy đủ ý kiến của cựu SV và SV năm cuối riêng về CDR. Lấy ý kiến rộng rãi về CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm đặc biệt các nhà tuyển dụng khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.</p> <p>- Tăng số lượng các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước đối sánh trong xây dựng CDR của CTĐT.</p>	Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm	Từ năm học 2026-2027, 2 năm một lần theo Kế hoạch của Nhà trường	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về CDR trên hệ thống website, fanpage của Khoa, Bộ môn một cách đều đặn và thường xuyên hơn; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CDR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; Tăng cường công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.	Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm	Từ năm học 2026-2027, 2 năm một lần theo Kế hoạch của Nhà trường	

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1***

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là hai nội dung rất quan trọng không những đối với NH, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ và cụ thể sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của cơ sở giáo dục trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường, của Khoa và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại luật Giáo dục, Luật GDĐH, Khung trình độ quốc gia. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch dạy học theo từng năm học, từng học kỳ, được cụ thể hóa trong ma trận mục tiêu và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Mặc dù, mục tiêu của CTĐT đã được rà soát, chỉnh sửa, cải tiến, cập nhật nhưng chưa thực sự theo kịp với các thay đổi kiến thức về công nghệ Sinh học ứng dụng trong Nông nghiệp, sản xuất và chế biến thực phẩm, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được xem là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng của CTĐT. Với tầm quan trọng của CĐR, Khoa KHTN đã đầu tư trí tuệ, tâm huyết để xây dựng và định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR một cách bài bản, nghiêm túc với sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, sự tham khảo CĐR từ một số CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của một số trường uy tín trong nước và quốc tế, ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác, GV, SV, cựu học viên và cựu SV của Khoa.

Ngoài ra, CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được công bố công khai rộng rãi qua website của Khoa và trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng trong năm học cho SV Khoa KHTN. Tuy nhiên việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Sắp tới, Khoa sẽ đa dạng hơn các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thực phẩm đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đều đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu***

Trường ĐHQN áp dụng hình thức đào tạo theo niên chế từ năm học 2010-2011 cụ thể hóa theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN, ngày 15/05/2014 của Hiệu trưởng Nhà trường. Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm theo hệ thống tín chỉ được ban hành năm 2015 theo quyết định số 7172/QĐ-ĐHQN, ngày 25/12/2015 và được điều chỉnh và cập nhật vào năm 2020 và năm 2022 để phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và Khoa KHTN, cũng như yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo; dự kiến kết quả; cấu trúc khóa học; CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể; bản tổng hợp các học phần; các tiêu chí tuyển sinh; đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về kiểm tra, đánh giá học phần và phương pháp dạy, học. Nhờ vậy, NH có thể nắm bắt được các nội dung, lộ trình học tập và CDR các học phần để có thể đạt được kết quả tốt nhất trong quá trình học tập.

Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp NH hiểu về CTĐT; giúp nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mà NH đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT luôn cập nhật những thông tin phản hồi từ phía GV, SV đang học, cựu SV và các nhà tuyển dụng để cải tiến và hoàn thiện hơn nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Ngày 15/5/2014 Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT về ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, trường ĐHQN đã ra các quyết định và quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.01.01]. Trên cơ sở đó, trường ĐHQN đã lên kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT cho phù hợp với những yêu cầu khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống đào tạo mới [H2.02.01.02].

*Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết* theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường ĐHQN [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Cụ thể, CTĐT có đầy đủ các thông tin: tên CSGD (Trường Đại học Quy Nhơn), tên chương trình đào tạo (Công nghệ thực phẩm), tên tiếng Anh (Agronomy), mã ngành đào tạo (7620109), tên gọi của văn bằng (Kỹ sư Công nghệ thực phẩm), hình thức đào tạo (chính quy tập trung), thời gian đào tạo (4,5 năm), mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, tiêu chí tuyển sinh, CDR, cấu trúc Chương trình dạy học, ma trận kỹ năng, đề cương của các học phần, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm, học tập nâng cao trình độ, chương trình tham khảo xây dựng và thời điểm cập nhật bản mô tả. Đồng thời, Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm cũng thực hiện rà soát CTĐT của mình, đối sánh với CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm các trường uy tín khác nhằm ngày càng nâng cao CLĐT tại Khoa [H2.02.01.05].

*Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm liên tục được rà soát, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT* trên cơ sở thực hiện khảo sát và tổ chức hội nghị lấy ý kiến của chuyên gia, nhà tuyển dụng lao động, GV, SV, cựu SV và các bên liên quan về CTĐT nhằm mục đích điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của NH và người sử dụng lao động [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Điều này giúp CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm tại Khoa ngày càng đáp ứng với những yêu cầu trong thực tiễn.

CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐHQN luôn được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa, fanpage để có thể nhận được phản hồi từ những đối tượng quan tâm đến việc đào tạo của Trường, Khoa cũng như minh bạch thông tin, chất lượng giảng dạy của Nhà trường và Khoa [H2.02.01.08]. Ngoài ra, CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm còn được in trên tờ rơi, tài liệu quảng bá về ngành Công nghệ thực phẩm, Sổ tay SV giúp thí sinh có cái nhìn toàn cảnh về CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐHQN khi lựa chọn trường đăng kí theo học, cũng như SV năm đầu hiểu về chương trình ngành Công nghệ thực phẩm mình đã chọn [H2.02.01.08].

## *2. Điểm mạnh*

Dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐHQN trình bày đầy đủ, rõ ràng, có tính hệ thống và có đầy đủ các thông tin như: tên CSGD, tên ngành, mã ngành, tên gọi văn bằng, thời gian đào tạo, mục tiêu, CDR của CTĐT, cấu trúc CTDH, Chương trình dạy học, ma trận kỹ năng, đề cương các học phần,... thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT qua đó giúp các bên liên quan dễ dàng hiểu rõ về CTĐT.

Hơn nữa, Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên

quan đến ngành học về lý thuyết cũng như thực hành.

### 3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT phiên bản 2022 hiện hành đã được cải tiến nhiều hơn so với các phiên bản trước và đã mô tả một cách đầy đủ yêu cầu của một bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT chưa thực hiện rộng rãi trên nhiều đối tượng. Hơn nữa, Bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh riêng cho CTĐT, các yêu cầu đầu vào của CTĐT mà chỉ nêu tiêu chí tuyển sinh chung trong đề án tuyển sinh của Nhà Trường.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT và tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành Công nghệ thực phẩm vào CTĐT.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Mở rộng đối tượng và quy mô lấy ý kiến của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT. - Xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào riêng cho CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Từ năm học 2026 – 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh và cập nhật các xu hướng đào tạo hiện đại phù hợp với thị trường lao động.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027, 2 năm một lần theo Kế hoạch của Nhà trường	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

### 1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và NH thực

hiện đúng trách nhiệm cam kết của mình. Mỗi CĐR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh ĐCCT các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa KHTN đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch sửa đổi, cập nhật CTĐT của Trường ĐHQN [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.01.02].

*Tất cả ĐCCT học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của nhà trường và dựa trên góp ý của các bên liên quan [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].* So với ĐCCT học phần công bố năm 2020, ĐCCT học phần công bố các năm 2022 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức như: bổ sung CĐR của học phần, liệt kê các CĐR mà SV phải đạt được sau khi kết thúc học phần, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được xác định cụ thể và lựa chọn phù hợp nhằm đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT [H1.01.03.06]. Các nội dung cập nhật mới trong ĐCCT học phần của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm năm 2022 bao gồm: sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, điều chỉnh sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại [H2.02.02.08], [H2.02.02.09]. Việc rà soát ĐCCT luôn được tổ chức thực hiện thường xuyên ở cấp Bộ môn, qua đó có những báo cáo và điều chỉnh kịp thời đối với những nội dung không phù hợp [H2.02.02.06], [H2.02.02.07]. Khoa/Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm phân công các GV phụ trách giảng dạy học phần rà soát, bổ sung, điều chỉnh ĐCCT các học phần và được Hội đồng Khoa thông qua [H2.02.02.06], [H2.02.02.07]. Quy trình gồm các bước: (1) Trường triển khai kế hoạch rà soát, chỉnh sửa và cải tiến CTĐT; (2) Khoa tổ chức họp với các BM để triển khai nội dung công việc, hướng dẫn cách viết các nội dung trong CTĐT, ĐCCT... (3) BM tiến hành họp và hướng dẫn và phân công các GV/nhóm GV phụ trách viết/điều chỉnh ĐCCT học phần; (4) Thảo luận và góp ý kiến cấp Bộ môn; (5) Thảo luận và góp ý kiến cấp Hội đồng khoa học Khoa; (6) Chỉnh sửa ĐCCT học phần theo các góp ý từ các bên liên quan; (7) Hội đồng khoa học Khoa thông qua; (8)Thẩm định và phê duyệt ĐCCT cấp Trường; (9) Trường ban hành chính thức.

*Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết theo mẫu M4A-2020 và M4A-2022 với đầy đủ các thông tin như: tên CSGD (Trường ĐHQN); tên đơn vị (Khoa*



KHTN); tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; mã học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CDR của học phần trong ma trận liên kết nội dung, chương mục với CDR; các yêu cầu đối với GV và SV; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo và các quy định chung. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy [H1.01.03.06]. Mặt khác, ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi trong cẩm nang tuyển sinh, sổ tay SV và trên website của Khoa KHTN và Trường ĐHQN [H2.02.02.10].

## *2. Điểm mạnh*

100% ĐCCT học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường ĐHQN.

ĐCCT các học phần phiên bản năm 2022 đã thể hiện được sự chuyển hướng từ dạy học truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực NH nhằm đạt được các CDR của CTĐT.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số ĐCCT học phần còn chưa liệt kê đầy đủ tài liệu tham khảo, một số tài liệu còn chưa được cập nhật. Hơn nữa tài liệu tham khảo là các tạp chí chuyên ngành tiếng Việt và tiếng Anh được liệt kê trong tài liệu tham khảo chưa nhiều. Nguyên nhân là vẫn còn một số học phần cơ bản chưa cập nhật nguồn tài liệu mới; nguồn kinh phí để mua tài khoản ở các tạp chí khoa học không nhiều, trình độ ngoại ngữ của một số GV lớn tuổi còn hạn chế.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như cựu SV và chuyên gia về ĐCCT các học phần chưa được thực hiện riêng biệt mà chỉ lồng ghép trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2026-2027, Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá ĐCCT các học phần một cách bài bản để phù hợp với sự phát triển của kiến thức, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, Khoa, Bộ môn tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV, GV, cơ quan đối tác và đơn vị sử dụng lao động theo định kỳ và trên phạm vi rộng hơn để có được nhiều thông tin cho việc hoàn chỉnh ĐCCT học phần.

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, điều chỉnh về tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới đối với một số học phần.</li> <li>- Lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung ĐCCT các học phần trong CTĐT.</li> </ul>	Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học – thực phẩm	Từ năm học 2026 - 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục cập nhật ĐCCT theo quy định, bám sát kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCT theo kế hoạch của Trường và các quy định - của Bộ GD&amp;ĐT.</li> </ul>	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Theo kế hoạch của Trường	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp NH hiểu về CTĐT; giúp nhà tuyển dụng nắm bắt được các thông tin về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mà NH đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và ĐCCT học phần, ngay sau khi CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được ban hành, Trường ĐHQN và Khoa KHTN đã công bố công khai cho các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và tất cả ĐCCT học phần một cách rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa KHTN và trong các tài liệu giới thiệu về Trường; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh trung học phổ thông; trong các thông báo của Nhà trường cho GV và SV; giới thiệu cho SV mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Sở tay SV và các buổi gặp mặt tân SV đầu khóa của Khoa KHTN [H1.01.01.13], [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03].

Việc công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bằng nhiều hình thức, đặc biệt được công bố hằng năm trong mục ba công khai trên website của Trường đã giúp các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, học sinh, phụ huynh,... có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện. Bên cạnh hỗ trợ các nhà tuyển dụng, còn giúp GV chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy, giúp SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập của năm học và khóa học, giúp cựu SV có thông tin để góp ý cho điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT; giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn [H2.02.02.05]. Ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là cơ sở quan trọng để bổ sung, điều chỉnh, cải tiến CTĐT và ĐCCT học phần góp phần nâng cao chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm ở các phiên bản cập nhật [H2.02.02.05].

***2. Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành Công nghệ thực phẩm được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như SV, các đơn vị tuyển dụng, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng

thời có thể góp ý giúp Khoa KHTN có nhiều thông tin để cập nhật, cải tiến CTĐT và ĐCCT học phần cho phù hợp với nhu cầu của xã hội, nâng cao chất lượng dạy và học.

### 3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần tuy đã được công bố trên các tài liệu in ấn chính thức, Sổ tay SV, website của Trường, của Khoa KHTN và lưu giữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo đại học một cách đầy đủ. Tuy nhiên, các kênh công bố khác như tờ rơi tuyển sinh chỉ đề cập danh sách các học phần mà chưa cung cấp đầy đủ các nội dung khác trong CTĐT và ĐCCT học phần. Hơn nữa, các kênh thông tin online nhằm công bố bản mô tả CTĐT vẫn mang tính một chiều, chưa xây dựng được kênh thông tin vừa công khai CTĐT vừa có thể tương tác với các ý kiến phản hồi một cách kịp thời.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng các kênh thông tin online đa chiều, tổ chức thường xuyên các hội nghị/hội thảo để vừa công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT vừa tương tác, lấy ý kiến phản hồi. - Bổ sung các nội dung còn thiếu trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ở các kênh công bố công khai.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm học 2026 - 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như công khai trên fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của NH và người có nhu cầu.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm học 2026 - 2027	

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2***

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm phù hợp với nhu cầu xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa và Bộ môn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành Công nghệ thực phẩm được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT phần có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, có đầy đủ thông tin theo quy định, có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài; có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy, SV, nhà sử dụng lao động và cựu SV. Trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Khoa KHTN, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm đã triển khai điều chỉnh, cập nhật định kỳ CTĐT và ĐCCT. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Ma trận kiến thức, ma trận kỹ năng trong bản mô tả CTĐT hiển thị CDR của CTĐT và được cụ thể hóa trong ĐCCT các học phần. Mặc dù vậy, việc thông tin bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa thực sự đầy đủ; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, ĐCCT học phần chưa được sâu rộng; tài liệu tham khảo ở một số ĐCCT học phần còn chưa được liệt kê và cập nhật đầy đủ. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thực phẩm đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt mức 5/7 và 01 tiêu chí đạt mức 4/7.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Cấu trúc và nội dung CTDH là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. Vì vậy, khi xây dựng và phát triển CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, cấu trúc và nội dung của CTDH được phân bổ một cách hợp lý và có hệ thống; đảm bảo chặt chẽ các yêu cầu về mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; đồng thời tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN và phù hợp chiến lược phát triển của trường ĐHQN.

Trình tự của CTDH được xây dựng một cách logic, khoa học, đảm bảo tính gắn kết

và liên mạch giữa các học phần trong các khối kiến thức và cũng như trong chương trình tổng thể. Các học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng, nội dung cập nhật và có kế hoạch chi tiết, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được xác định và lựa chọn phù hợp nhằm đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, việc triển khai đánh giá, rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH cũng được thực hiện định kỳ trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT cũng như nhu cầu xã hội.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

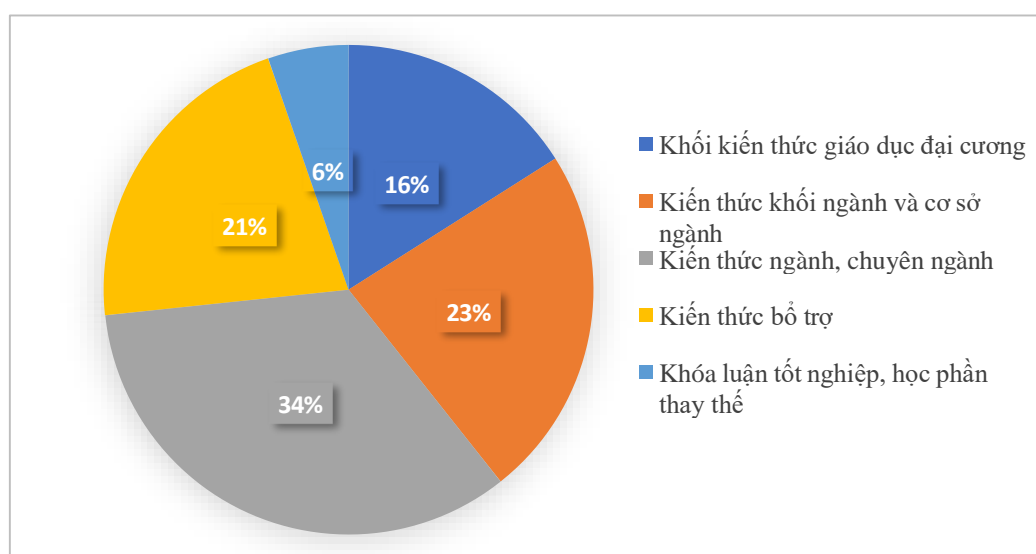
#### ***1. Mô tả hiện trạng***

CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được xây dựng dựa trên khung trình độ quốc gia; hệ thống các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ, các quy định về xây dựng, thẩm định, rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT của Trường ĐHQN; phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục của Nhà trường và chiến lược phát triển của Khoa KHTN [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

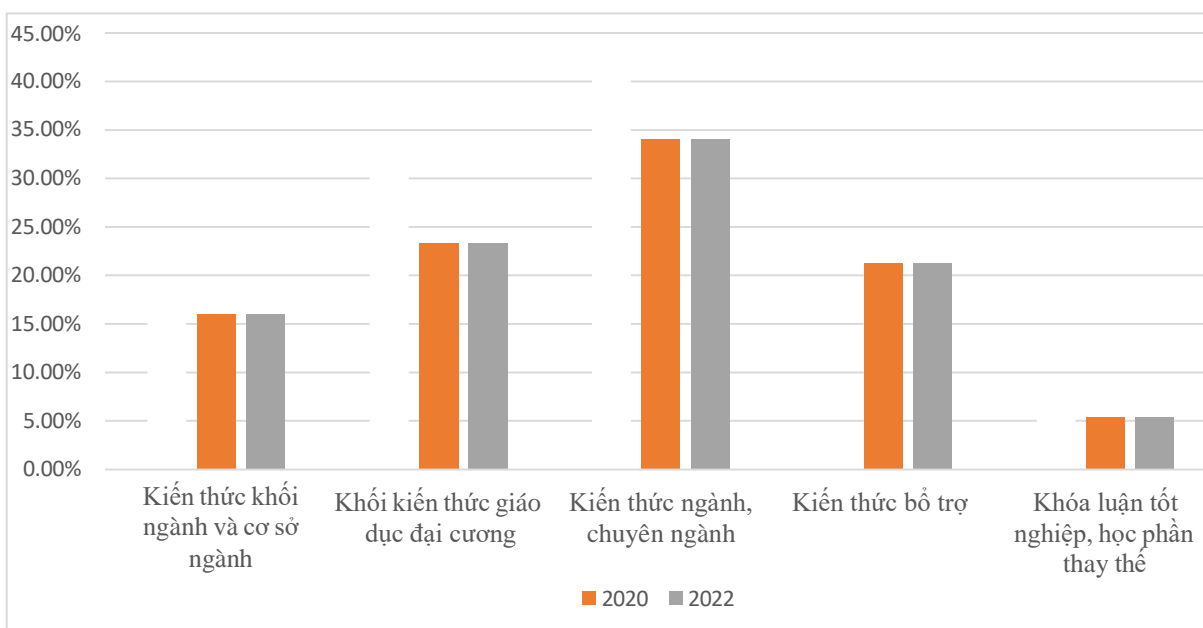
*CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm* đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Trên cơ sở đó, các khối kiến thức và các học phần được thiết kế bảo đảm các yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm của NH và được cụ thể hóa thành bản mô tả CTDH và ĐCCT các học phần; tính cân đối của CTDH cũng được chú trọng, cụ thể: các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế) được xây dựng phù hợp về khối lượng kiến thức và tổ chức thành một trình tự học tập hợp lý nhằm đạt được mục tiêu và CĐR của CTĐT; tính thống nhất giữa mục tiêu, cấu trúc, nội dung đào tạo của CTDH ngành Công nghệ thực phẩm với CĐR được thể hiện qua các ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức, các học phần vào việc đạt CĐR của ngành học [H1.01.03.06], [H3.03.01.03].

Cùng với quá trình phát triển CTĐT, do thời gian đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm của CTĐT phiên bản năm 2015 là 4 năm nên khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ; đến CTĐT phiên bản các năm 2020 và 2022 thời gian đào tạo là 4,5 năm nên khối lượng kiến thức toàn khóa được tăng lên kèm theo sự điều chỉnh về tỷ trọng các khối kiến thức cũng như thay thế và bổ sung nhiều học phần (Hình 2.2 và 2.3). Theo đó, CTDH ngành Công nghệ thực phẩm phiên bản năm 2020 và 2022 được thiết kế với tổng cộng 150 TC; bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương 24 TC, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 126 TC (gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành 35 TC, kiến thức

ngành và chuyên ngành 51 TC, kiến thức bổ trợ 32 TC, đồ án tốt nghiệp và học phần thay thế 8 TC). Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Công nghệ thực phẩm cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, cung cấp các kiến thức về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, ứng dụng thống kê trong khoa học nông nghiệp, tiếng Anh chuyên ngành. Ngoài ra, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của CTDH ngành Công nghệ thực phẩm phiên bản năm 2022 cũng điều chỉnh theo hướng chú trọng các học phần thực hành, kỹ năng mềm và khởi nghiệp nhằm tạo điều kiện cho NH cơ hội nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng thích ứng và ý thức khởi nghiệp của NH. Đối sánh các khối kiến thức và đối sánh CĐR của CTĐT qua các năm cho thấy CTDH ngành Công nghệ thực phẩm đã ngày càng gia tăng khối lượng kiến thức, đặc biệt là kiến thức bổ trợ và các kỹ năng mềm cho NH; đồng thời bảo đảm tính tương thích với nhau trong việc đạt được CĐR, giúp NH trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp cho công việc trong tương lai [H1.01.03.06], [H3.03.01.03].



**Hình 2.2.** Biểu đồ minh họa tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH phiên bản năm 2022



**Hình 2.3.** Biểu đồ so sánh tỷ lệ các khối kiến thức của CTDH phiên bản các năm 2020 và 2022

*Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả các HP trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể như sau:*

- Các học phần của CTDH được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, gắn quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng cần thiết đối với kỹ sư ngành Công nghệ thực phẩm. ĐCCT học phần thể hiện rõ CĐR của từng học phần cũng như các yêu cầu cụ thể đối với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH trong mối tương quan với CĐR của CTDH. Với kết cấu như trên, cấu trúc và nội dung CTDH đảm bảo trang bị cho NH về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cần thiết, thái độ và đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của CĐR của ngành học [H1.01.03.06].

- Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập được xác định và lựa chọn phù hợp trong tất cả các học phần của CTDH. Bên cạnh việc tiếp cận các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng, chú trọng tính thực tế theo yêu cầu của ngành học, các học phần đã lồng ghép các kỹ năng mềm, vừa phối hợp tinh thần hợp tác thông qua hoạt động nhóm, vừa phát huy tính độc lập, tư duy hiệu quả của từng cá nhân. Theo đó, hoạt động giảng dạy của GV luôn tiếp cận theo hướng giáo dục lấy NH làm trung tâm, rèn luyện phương pháp tự học, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm; GV đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức hoạt động. Tính đáp ứng của phương pháp giảng dạy học tập và CĐR được thể hiện trong ma trận mối quan hệ giữa CĐR và phương pháp giảng dạy - học tập [H1.01.03.06].



- Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH cũng được chú trọng và thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau để đạt được CĐR của CTĐT. Nhìn chung các phương pháp đánh giá của CTDH ngành Công nghệ thực phẩm qua các phiên bản vẫn tập trung vào 2 nội dung chính là đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết được thể hiện rõ trong ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR của CTĐT và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo QĐ số 1241/QĐ-ĐHQN, ngày 15/5/2014) và Công văn số 1368/ĐHQN- KTĐBCL ngày 22/7/2020 về việc điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần của Trường ĐHQN. Tuy nhiên, trong CTĐT phiên bản năm 2022 có sự thay đổi trọng số so với CTĐT phiên bản năm 2020 trở về trước, đó là điều chỉnh điểm chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ từ trọng số 10%, 20% và 70% thành điểm quá trình học tập 40% và điểm thi kết thúc học phần 60% nhằm tạo tính mở cũng như cơ hội học tập mở rộng theo hướng đa chiều. Mối quan hệ đó được thể hiện trong ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR của ngành học **[H1.01.03.06]**. Nhằm triển khai có hiệu quả CTDH, Trường ĐHQN luôn có kế hoạch giảng dạy hàng năm. Trên cơ sở đó, Khoa KHTN xây dựng kế hoạch phân công GV theo kế hoạch giảng dạy, có sự giám sát kiểm tra chặt chẽ và tổng hợp trong hồ sơ giảng dạy của GV **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**.

Có thể nói CTDH ngành Công nghệ thực phẩm phiên bản năm 2022 là sự cải tiến từ phiên bản các năm 2020 dựa trên các kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT của Nhà trường cũng như các kế hoạch rà soát, triển khai đổi mới CTĐT của khoa KHTN. Quá trình cập nhật và đổi mới CTDH luôn có sự đối sánh các khối kiến thức, học phần và CĐR của CTDH ngành Công nghệ thực phẩm của Trường ĐHQN qua các năm cũng như đối sánh với CTĐT của nhiều trường đại học cùng có ngành học trong nước và trên thế giới. Đồng thời, việc cải tiến CTDH cũng dựa trên các kênh phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm, các ý kiến của SV năm cuối về CTĐT, ý kiến của các cựu SV và nhà tuyển dụng lao động về CTĐT, các báo cáo khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, báo cáo kết quả hợp tác với cơ quan doanh nghiệp, ý kiến của chuyên gia và GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH với mong muốn đạt được các CĐR của ngành học một cách tốt nhất **[H1.01.03.06]**, **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.07]**.

## *2. Điểm mạnh*

CTDH và từng học phần trong CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý về tỷ lệ giữa các khối kiến thức và dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời tổ chức thành một trình tự học tập hợp lý, gắn kết và thống nhất.

Quá trình rà soát, cải tiến CTDH được thực hiện định kỳ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục cũng như yêu cầu xã hội. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trong các môn học được lựa chọn phù hợp; các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng đa dạng và linh hoạt thể hiện trong CTDH và ĐCCT tất cả các học phần đảm bảo việc đánh giá toàn diện nhằm đạt CDR và mục tiêu của ngành học cũng như tạo điều kiện để SV thể hiện được quan điểm cá nhân, tính sáng tạo cũng như rèn luyện các kỹ năng mềm đã được giảng dạy trong CTDH.

### 3. Điểm tồn tại

Tình hình thực tế thị trường lao động, nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, kiến thức, công nghệ ứng dụng trong Nông nghiệp thay đổi một cách nhanh chóng, nhưng việc cập nhật CTDH và CTĐT đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và thẩm định kỹ lưỡng nên CTĐT phần nào chưa thể cập nhật kịp thời. Tuy nhiên, hệ thống kiến thức, kỹ năng trong CDR của CTĐT và của các học phần được GV phụ trách thường xuyên cập nhật trong quá trình tổ chức hoạt động giảng dạy – học tập.

Mặt khác, CSVC cho quá trình dạy học tuy đã được đầu tư mua sắm, sửa chữa hàng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ trang thiết bị dạy học, thực hành, nên một số phương pháp, nội dung trong CTDH chưa thể thực hiện tốt như mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, cựu SV và các bên liên quan khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện cụ thể mà được kết hợp trong quá trình xây dựng CTĐT.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, thẩm định và cập nhật CTDH. Đầu tư thiết bị cho các phòng thí nghiệm, xây dựng các khu thực nghiệm Công nghệ thực phẩm, cải thiện CSVC để SV có điều kiện tiếp cận ngành học theo hướng nông nghiệp chất lượng cao. - Xúc tiến việc lấy ý kiến nhà sử dụng lao động về	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	

		CTDH theo hướng đa dạng hơn về đối tượng và tập trung vào CTDH.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát điều chỉnh cấu trúc CTDH dựa trên tính khoa học, logic giữa các khối kiến thức, CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy – học và kiểm tra, đánh giá nhằm đạt được CDR ngày một cao hơn.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

**1. Mô tả hiện trạng**

Dựa trên khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ, các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và các văn bản hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã ban hành quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy định về chuẩn đầu ra các ngành đào tạo, các quy định và kế hoạch về xây dựng, phát triển, rà soát, đánh giá, bổ sung, cập nhật, cải tiến CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Trên cơ sở đó, để đảm bảo các học phần đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp mà NH đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, 100% các học phần trong CTDH được thiết kế với những mục tiêu, CDR, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình thức đánh giá kết quả học tập cho từng học phần theo hướng gắn kết với CDR và mục tiêu chung của CTDH. Tính tương thích của các học phần với CDR của ngành học được thể hiện trong ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT, ma trận quan hệ giữa CDR với phương pháp giảng dạy - học tập và ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR [H1.01.03.06]. Như vậy, với cách xây dựng CTDH ngành Công nghệ thực phẩm, CDR được xây dựng dựa trên mục tiêu CTĐT và làm cơ sở

để thiết kế ĐCCT, xác định nội dung, lựa chọn phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp cho từng học phần. Theo đó, mỗi học phần trong CTDH là một thành tố và đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa. Mối liên kết giữa các học phần cũng được xác định hợp lý, thể hiện rõ mục tiêu hướng đến là đào tạo Kỹ sư Công nghệ thực phẩm có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ; có kiến thức và kỹ năng từ đại cương đến chuyên khoa trong các lĩnh vực chọn tạo và nhân giống cây trồng; kỹ thuật chăn nuôi, thú ý và nuôi trồng thủy sản; quản lý dịch bệnh hại cây trồng, vật nuôi và thủy sản; hệ thống các mô hình sản xuất và phát triển nông thôn, quản lý nông trại tổng hợp; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp [H1.01.03.06].

Để đảm bảo *tất cả các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR, Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm* và Hội đồng khoa học Khoa KHTN đã tiến hành rà soát, đánh giá trong suốt quá trình xây dựng và thiết kế CTDH [H3.03.01.03]. Để xác định mục tiêu và CDR cho từng học phần cũng như đảm bảo tính gắn kết của học phần trong tổng thể CTDH, tất cả các học phần đều được Hội đồng khoa học Khoa KHTN phân công GV có kinh nghiệm biên soạn ĐCCT nhằm đưa ra các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH [H3.03.01.03]. Ngoài các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn góp phần tạo tính mở cho chương trình, giúp NH lựa chọn những học phần phù hợp với nguyện vọng, sở trường, đảm bảo tính linh hoạt cũng như định hướng công việc của bản thân. Phương pháp giảng dạy, học tập của các học phần được lựa chọn theo hướng tích cực, phát triển năng lực toàn diện cho NH. Mỗi học phần trong CTDH phiên bản 2022 đều có kế hoạch giảng dạy chi tiết và đánh giá thông qua điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần tương ứng với các trọng số 40% và 60%. Kết quả đánh giá được công bố thông qua tài khoản cá nhân của từng SV do Phòng Đào tạo Đại học, Trường ĐHQN cấp và quản lý. Bên cạnh đó CTDH cũng được xây dựng và phát triển theo hướng chú trọng đào tạo những Kỹ sư Công nghệ thực phẩm có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và ý thức bảo vệ môi trường; có ý thức phục vụ nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều đó cho thấy sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng [H1.01.03.06], [H3.03.01.03], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

*Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.* Khoa KHTN đã định kỳ triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cải tiến nội dung các học phần nhằm đáp ứng CDR của CTĐT Kỹ sư ngành Công nghệ thực phẩm theo kế hoạch rà soát, đánh giá, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN. Việc điều chỉnh CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được thực hiện dựa trên sự đối sánh các khối kiến thức, học phần và CDR của CTDH ngành

Công nghệ thực phẩm Trường ĐHQN qua các năm cũng như đối sánh với CTĐT của nhiều trường đại học cùng có ngành học trong nước và các chương trình tiên tiến trên thế giới. Các khối kiến thức và nội dung các học phần được điều chỉnh hợp lý trên cơ sở tham khảo các kênh phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm; kết quả khảo sát SV năm cuối về CTĐT; ý kiến phản hồi của GV và nhà sử dụng lao động về CĐR và nhu cầu tuyển dụng kỹ sư Công nghệ thực phẩm; kết quả khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp; biên bản các cuộc họp và hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR, mục tiêu và CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm nhằm tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR [H1.01.03.06], [H3.03.01.03], [H3.03.02.02], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07].

Để đảm bảo tính minh bạch, Khoa KHTN và Trường ĐHQN đã thực hiện công bố công khai CTĐT, mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT và CTDH ngành Công nghệ thực phẩm, cam kết chất lượng cũng như các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử. Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT cũng được Khoa KHTN thực hiện một cách nghiêm túc. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến NH nội dung, thể mạnh, kế hoạch thực hiện CTĐT thông qua tờ rơi quảng bá, cẩm nang tuyển sinh, sổ tay SV [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

## *2. Điểm mạnh*

Nội dung các học phần của CTDH được xây dựng khoa học, chặt chẽ, thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và cải tiến dựa trên kết quả đối sánh và các kênh phản hồi của các bên liên quan. Các học phần trong CTDH được thiết kế và tổ chức thành một trình tự học tập hợp lý giúp phát triển kiến thức, kỹ năng và nhận thức của NH nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT. Đồng thời, các học phần cũng bảo đảm tính linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức toàn diện và các kỹ năng mềm. ĐCCT học phần trong CTDH đều có yêu cầu về mục tiêu và CĐR cụ thể của từng học phần, tương thích với CĐR của CTĐT; mỗi học phần đều có kế hoạch giảng dạy chi tiết, tổ hợp phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cũng như các hình thức kiểm tra đánh giá NH được lựa chọn và xây dựng theo hướng tích cực, đa dạng, đảm bảo tính phù hợp và hỗ trợ nhau nhằm đạt được CĐR của ngành học.

## *3. Điểm tồn tại*

Ý kiến góp ý của các đơn vị sử dụng lao động và NH đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành Công nghệ thực phẩm là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc nội dung ĐCCT các học phần, các kiến thức, kỹ năng cập

nhật và thay đổi ở những mảng chuyên môn hẹp.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi cụ thể và mở rộng các kênh phản hồi từ các bên liên quan về mục tiêu, CDR và nội dung của các học phần.	Khoa KHTN	Định kỳ 2 năm một lần.	
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai đánh giá kết quả của việc thực hiện CTDH, tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm cụ thể hóa hơn nữa sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR của ngành học. Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các HP tiệm cận với một số chương trình tiên tiến.	Khoa KHTN	Định kỳ 2 năm một lần.	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTDH ngành Công nghệ thực phẩm của Khoa KHTN, Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ, các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, các văn bản hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm

định, ban hành CTĐT đại học cùng các quy định của Trường ĐHQN [**H3.03.03.01**].

Các học phần trong CTDH được thiết kế có hệ thống, khối lượng kiến thức toàn khóa gồm 150 tín chỉ TC (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương 24 tín chỉ, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 126 tín chỉ. *Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp* (bao gồm kiến thức khối ngành và cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, đề án tốt nghiệp) *đảm bảo chương trình thành một khối thống nhất*. Các khối kiến thức trong CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được thiết kế hợp lý, theo trình tự logic nhằm hỗ trợ NH để dễ dàng tiếp thu các kiến thức và kỹ năng theo một trình tự logic phù hợp với tiến trình nhận thức, hình thành kỹ năng. Trong đó, các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, nhằm mục đích xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, tư tưởng đạo đức, chính trị và ý thức cho NH. Tiếp theo đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành. Đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành Công nghệ thực phẩm. Không chỉ vậy, CTDH còn có các học phần tự chọn, giúp NH lựa chọn được những học phần mà bản thân thấy thiết thực và cần thiết cho công việc, sở trường, điều kiện của bản thân NH. Thời lượng của từng khối kiến thức được xây dựng cân đối hài hòa, đảm bảo đáp ứng tiêu chí của CDR. Đặc biệt, Bản mô tả CTĐT năm 2022 đã thể hiện tính cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan đến mục tiêu và CDR của CTĐT để thay thế cho các CTĐT trước đó. Cấu trúc CTDH của các học phần ở phiên bản 2022 đảm bảo CTDH là một khối thống nhất [**H3.03.03.02**].

*Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý* từ trình tự các học phần trong các khối kiến thức, kế hoạch giảng dạy trong các học kỳ, cho đến thời lượng cho mỗi học phần, nội dung các kiến thức cụ thể được phân phối trong các buổi dạy của mỗi học phần, phương pháp khối lượng kiến thức và nội dung kiểm tra, đánh giá NH một cách khoa học, khách quan, chính xác. Ngoài ra, trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các học phần được truyền đạt đến SV theo phương pháp dạy học tích cực. Các học phần có thí nghiệm – thực hành, các học phần thí nghiệm – thực hành, thực tập nhận thức nghề nghiệp được thiết kế song hành với các học phần lý thuyết tạo điều kiện thuận lợi cho SV tích lũy đầy đủ các năng lực để tổng hợp, phân tích, đánh giá về kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, những học phần này còn giúp cho SV thành thạo về kỹ năng thực hành và vận dụng tốt kiến

thức lý thuyết vào thực tiễn tại các đơn vị, tổ chức tuyển dụng lao động. Hơn nữa, mỗi cán bộ GV tham gia giảng dạy luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung kiến thức, kỹ năng trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được CDR của học phần và của CTĐT [H3.03.03.03].

*CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung định kỳ, ít nhất 2 năm một lần* nhằm điều chỉnh, cập nhật, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của CTĐT cũng như của từng học phần để đảm bảo tối đa việc đáp ứng CDR của CTĐT, đảm bảo chất lượng đồng thời bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi theo yêu cầu của nhà tuyển dụng [H3.03.03.04]. Thực hiện kế hoạch về rà soát, sửa đổi và cải tiến CTĐT của nhà trường, Khoa KHTN/Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan từ GV, SV, cựu SV, cơ quan đối tác, nhà tuyển dụng cho đến các chuyên gia, nhà quản lý về CTDH ngành Công nghệ thực phẩm để có thể nhận được phản hồi, góp ý cho CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐHQN ngày càng chất lượng và phù hợp với thực tiễn [H3.03.03.05], [H3.03.03.06].

Để thực hiện điều chỉnh CTDH, Khoa KHTN/Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm đã tham khảo và đối sánh với các CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của các trường ĐH uy tín trong nước như Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nông Lâm Huế, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam,... và nước ngoài (Đại học Iowa, Mỹ) để phân tích, đánh giá và so sánh sự phù hợp của CTDH tại Trường ĐHQN với các cơ sở giáo dục đó, nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp khi tiến hành điều chỉnh [H3.03.03.07]. Các học phần trong CTDH được thay đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc kỹ sư và tiệm cận với nội dung đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Các thông tin về CDR, CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Khoa, Trường và Sổ tay SV, Cẩm nang tuyển sinh, tờ rơi quảng bá tuyển sinh... nhằm giúp các SV và NH biết được cấu trúc và trình tự CTDH ngành Công nghệ thực phẩm tại Trường ĐHQN, từ đó xây dựng lộ trình học tập phù hợp hay ra quyết định lựa chọn ngành cho phù hợp [H3.03.03.08]. Khoa KHTN và Trường ĐHQN đã lập kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, đảm bảo CTDH ngành Công nghệ thực phẩm đạt chất lượng [H3.03.03.09].

## 2. Điểm mạnh

CTDH ngành Công nghệ thực phẩm được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic giữa khối kiến thức chung đến khối kiến thức ngành và chuyên ngành, cập nhật bổ sung định



kỳ có sự đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp CTDH là một khối thống nhất, logic, hợp lý hỗ trợ NH tiếp thu lĩnh hội thuận lợi nhất. Trong các học phần có thí nghiệm, học phần thí nghiệm – thực hành và thực tập, thực tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và nâng cao những kỹ năng cần thiết sau khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng các học phần tự chọn để tăng tính linh hoạt cho NH chưa nhiều. Số lượng các CTĐT đối sánh trong nước và nước ngoài còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung các học phần tự chọn nhằm tăng tính linh hoạt cho NH lựa chọn nghề nghiệp;</li> <li>- Tăng số lượng CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đối sánh.</li> </ul>	Khoa KHTN	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2026 - 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng CTĐT và CTDH chặt chẽ, logic. Tham khảo ý kiến các bên liên quan, các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để nâng cao CLĐT ngành Công nghệ thực phẩm.</li> <li>- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng đề cương môn học theo hướng tiếp cận với yêu cầu của nhà sử dụng lao động.</li> </ul>	Khoa KHTN	Định kỳ 2 năm một lần, bắt đầu từ năm học 2026 - 2027	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

Mặc dù còn một số hạn chế trong việc cập nhật và đáp ứng của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm với sự thay đổi của xã hội, thông tin phản hồi từ việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa đa dạng, số lượng CTĐT đối sánh trong nước và nước ngoài chưa nhiều, nhưng CTDH ngành Công nghệ thực phẩm của Khoa KHTN, Trường

ĐHQN đã được thiết kế có cấu trúc, trình tự logic và có sự tích hợp của các các học phần nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp và từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần có thí nghiệm – thực hành, các đợt thực tế, thực tập giúp NH dễ dàng tiếp cận với lĩnh vực liên quan đến Công nghệ thực phẩm. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và chú trọng các kỹ năng mềm, khởi nghiệp. Nội dung các học phần luôn được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trên thế giới và ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra. ĐCCT của các học phần trong CTDH có các thông tin đầy đủ, cụ thể về hệ thống kiến thức cần đạt được, yêu cầu các học phần học trước được đề ra một cách hợp lý, không gây khó khăn cho NH trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Hơn nữa, ĐCCT học phần đã mô tả được học phần, thể hiện rõ mục tiêu, CĐR của học phần, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình thức đánh giá kiểm tra đối với NH đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thực phẩm đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### ***Mở đầu***

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò rất quan trọng trong giáo dục đại học, là công cụ đo lường trực tiếp để đạt được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Khoa KHTN và Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy và học với mô hình kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, trong đó chú trọng phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực NH. Cách tiếp cận này giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức để đạt được các CĐR theo yêu cầu. Các hoạt động dạy và học phải chú trọng phát huy khả năng sáng tạo, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

*Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN đã được ban hành và được tuyên bố rõ ràng trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN với nội dung “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp” [H4.04.01.01], [H4.04.01.02]. Nội dung “Toàn diện” là hướng tới đào tạo các thế hệ NH phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho NH nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” là hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi NH; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp NH phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội; nội dung “Thực nghiệp” là hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để NH có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.*

Bên cạnh Triết lý giáo dục, Mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng được tuyên bố trong Nghị quyết 04/NQ-HĐT ngày 20/01/2017, Quyết định số 164/QĐ-ĐHQN ngày 07/02/2017 và được nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường nêu rõ: *Đến năm 2030, trường ĐHQN sẽ trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội- nhân văn, giáo dục và công nghệ.* Mục tiêu này phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố là: *Trường ĐHQN là cơ sở giáo dục ĐH đa ngành đa lĩnh vực, có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước.* Ngoài ra, trong Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN giai đoạn 2017 - 2022 cũng đã nêu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường và được công bố công khai trên website của Nhà trường [H4.04.01.03], [H4.04.01.04], [H4.04.01.05].

Dựa trên Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa KHTN cũng xác định rõ mục tiêu giáo dục chung của Khoa và được tuyên bố chính thức trong chiến lược phát triển khoa KHTN giai đoạn 2019 - 2022, tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.06], [H4.04.01.07]. Để cụ thể mục tiêu giáo dục của nhà trường, đối với ngành Công nghệ thực phẩm, mục tiêu giáo dục chung của CTĐT Công nghệ thực phẩm cũng đã được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa đó là “Đào tạo kỹ sư Công nghệ thực phẩm có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng,

có đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, có năng lực tham gia nghiên cứu và quản lý trong nông nghiệp” [H4.04.01.08], [H4.04.01.09]. Trên cơ sở hiểu rõ Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa KHTN, tất cả GV của Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm đều tham gia vào quá trình xây dựng mục tiêu, CDR và biên soạn ĐCCT học phần trong CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm. Mỗi ĐCCT học phần đều thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được các CDR, được phổ biến cho toàn thể cán bộ, GV, SV và các bên liên quan [H4.04.01.10].

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và sứ mệnh tâm nhìn của khoa KHTN được công bố công khai trên website của Trường và Khoa cho toàn bộ GV, nhân viên, NH và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đều được công bố rõ ràng trong bản chiến lược phát triển trường. Để bảo đảm sự thành công cho việc tuyên truyền, quảng bá mục tiêu giáo dục tới cán bộ, GV, NH và toàn xã hội, Trường và Khoa đã thực hiện việc công bố các thông điệp về mục tiêu giáo dục rộng rãi tới các bên liên quan thông qua website của trường, do đó mục tiêu giáo dục của nhà trường đã phổ biến, thông tin tới GV, SV, phụ huynh và các bên có liên quan có thể tiếp cận nhanh chóng và thuận tiện [H4.04.01.03], [H4.04.01.11], [H4.04.01.12]. Đối với SV, để khơi dậy sự say mê và nhận thức được các giá trị đối với việc học tập, ngay từ năm thứ nhất khi mới vào trường, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được phổ biến tới SV khi tham gia “Tuần sinh hoạt công dân” đầu khóa dành cho tân SV các khóa với nội dung sinh hoạt như: giới thiệu thông tin về Trường, khoa, phổ biến và triển khai các quy chế, quy định về đào tạo, hướng dẫn về thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn SV phương pháp học và nghiên cứu khoa học,... từ đó giúp SV hiểu rõ và thực hiện kế hoạch học tập của bản thân. Ngoài ra, các nội dung chi tiết về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được giới thiệu chi tiết trong cuốn “Sổ tay SV”, đã cung cấp thêm thông tin và định hướng cho NH trong quá trình học tập, rèn luyện thực hiện quy chế đào tạo, quyền và nghĩa vụ của SV. Đồng thời, triết lý giáo dục của Trường và của Khoa KHTN được chuyển tải thông qua sự kiện gặp mặt tân SV hay thầy cô CVHT thực hiện sinh hoạt lớp với SV định kỳ hàng tháng để kịp thời triển khai thông báo của nhà trường, tư vấn, giải đáp thắc mắc, giúp SV nắm rõ mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, giúp NH có ý thức định hướng học tập đúng đắn [H4.04.01.09], [H4.04.01.13], [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16]. Mục tiêu giáo dục và CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được tuyên bố và được phổ biến đến NH thông qua quá trình giới thiệu cho SV vào kỳ đầu tiên của Khóa học trong các buổi sinh hoạt lớp và công khai trên website của Khoa để

GV, NH, nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.15], [H1.01.02.15].

Hằng năm công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về chất lượng CTĐT, ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV ở Trường, Khoa được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.17], [H4.04.01.18].

## 2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng, đăng tải công khai trên website của Trường, được chuyển tải vào CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ viên chức, GV, NH để thực hiện. Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường và được phổ biến rộng rãi tới NH, GV, cộng đồng và xã hội.

## 3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới các bên liên quan tuy nhiên các hình thức truyền thông còn chưa đa dạng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các buổi hội nghị, hội thảo, tọa đàm... để chia sẻ Triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan.	Phòng ĐTDH, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa việc phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường đến cộng đồng và xã hội.	Phòng ĐTDH, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	

## 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

## ***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Ngành Công nghệ thực phẩm thuộc Khoa KHTN, Trường ĐHQN luôn thực hiện phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của NH”. Định kỳ, Khoa và BM SHUD – NN luôn căn cứ vào CTĐT trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo trình độ Đại học, CĐR của ngành Công nghệ thực phẩm, quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo hệ thống tín chỉ, xét tốt nghiệp, kết quả khảo sát SV và nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm để thực hiện, cập nhật, bổ sung, sửa đổi và phát triển CTĐT. Khoa KHTN/Bộ môn SHUD – NN thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt được CĐR của CTĐT phù hợp với các nhu cầu thực tiễn của NH, nhu cầu thực tiễn của nhà tuyển dụng. *Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế phù hợp, đa dạng, kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm và đáp ứng yêu cầu thực tiễn về nhân lực của xã hội [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].* Các GV của Bộ môn Kỹ thuật hóa học - thực phẩm luôn tìm tòi, kết hợp giữa dạy trực tiếp, dạy gián tiếp, học trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học. Phương pháp dạy trực tiếp bao gồm thuyết giảng và tham luận; phương pháp dạy gián tiếp bao gồm câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm; phương pháp học trải nghiệm bao gồm thực tập, thực tế, thí nghiệm, thực hành ở phòng thí nghiệm; phương pháp dạy tương tác bao gồm thảo luận và làm việc nhóm; phương pháp tự học gồm bài tập ở nhà, trao đổi cách giải quyết các tình huống thực tiễn trong sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với SV năm cuối [H4.04.02.05]. Ở mỗi học phần, bài giảng của GV là sự kết hợp giữa các phương pháp giảng dạy giúp SV chủ động lĩnh hội kiến thức và trải nghiệm thực tế. Các GV phụ trách học phần luôn tìm tòi, kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả của bài giảng gắn liền với thực tiễn thông qua khảo sát SV, nhà tuyển dụng về CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm và khảo sát SV năm cuối về chất lượng ngành Công nghệ thực phẩm [H4.04.02.05].

*Nhằm đạt được CĐR, GV luôn hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm; vì vậy hệ thống phương pháp giảng dạy luôn bám sát các nội dung, yêu cầu của mục tiêu học phần, CĐR học phần được thiết lập trong ĐCCT học phần và CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm [H4.04.02.02], [H4.04.02.05].* Mỗi GV luôn xây dựng hệ thống phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng học phần, từng đối tượng dựa trên CTĐT, ĐCCT học phần và các CĐR của học phần. Các phương pháp giảng dạy

được GV sử dụng đa dạng từ phương pháp học suy luận, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu cách bố trí thí nghiệm, lấy kết quả và giải thích kết quả thí nghiệm [H4.04.02.05]. Đối với GV ngành Công nghệ thực phẩm, việc nắm bắt các quy định đào tạo đại học mới, cập nhật CTĐT và ĐCCT là rất cần thiết. GV chủ động trong việc cập nhật những kiến thức mới, kiến thức hiện đại của Việt Nam và trên thế giới về lĩnh vực Nông nghiệp, đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu quả giảng dạy nhằm mục đích tạo cho SV đạt được CDR tiệm cận với nhu cầu của thị trường lao động [H4.04.02.03], [H4.04.02.05]. Ngoài ra, các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, ti vi, máy chiếu tạo điều kiện cho đội ngũ GV của bộ môn thực hiện áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho bài giảng, nhờ đó chất lượng giảng dạy ngày càng được nâng cao. Bên cạnh công tác giảng dạy, tập thể GV của bộ môn còn tham gia tích cực công tác NCKH và hướng dẫn SV NCKH. SV ngành Công nghệ thực phẩm luôn được khuyến khích tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt tình. Việc tham gia NCKH giúp SV rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, từ đó hình thành ý thức học tập tốt hơn. Nhiều đề tài NCKH của SV đã đạt được giải cao ở cấp trường và cấp Bộ. Sự hỗ trợ kinh phí đề tài NCKH SV kịp thời cũng như tổ chức tổng kết, khen thưởng và hỗ trợ học bổng kịp thời cho các SV đạt được thành tích cao trong học tập và NCKH cũng là nguồn động lực của việc giảng dạy, học tập và NCKH [H4.04.02.06], [H4.04.02.07], [H4.04.02.08], [H4.04.02.09].

Kết thúc mỗi năm học, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của học viên, cựu học viên về hoạt động giảng dạy của GV để đánh giá *sự hài lòng của NH đối với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT* [H4.04.02.05], [H4.04.02.10]. Qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về đánh giá hoạt động giảng dạy, phần lớn SV của Khoa đều hài lòng về khả năng cũng như phương pháp giảng dạy của đội ngũ GV. Kết quả khảo sát phản hồi của SV về CTĐT qua các năm, cũng như kết quả khảo sát phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV qua các năm cho thấy: nhờ sự kết hợp giữa các phương pháp giảng dạy lý thuyết và thí nghiệm, thực hành của GV mà SV học tập tại Khoa có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội tốt những kiến thức ngành và chuyên ngành, đồng thời hình thành và tích lũy những kỹ năng cần thiết cũng như nắm bắt những kiến thức thực tiễn để sẵn sàng tham gia thị trường lao động [H4.04.02.05], [H4.04.02.10].

Chương trình, hội thảo kết nối cải tiến giảng dạy và NCKH được Khoa và Bộ môn thường tổ chức hàng năm với sự tham gia của cả GV và SV ngành Công nghệ thực phẩm cũng là cơ sở để rà soát, điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với mục tiêu của ngành và yêu cầu về nguồn nhân lực kỹ sư Công nghệ thực phẩm

của xã hội. Ngoài ra, việc liên kết với các tổ chức tuyển dụng ngay trong đợt thực tập, thực tế luôn được tổ chức hàng năm, tạo điều kiện cho SV dễ dàng tiếp cận các cơ sở thực tập, giúp tăng cường mối quan hệ giữa Khoa, Nhà trường và tổ chức sử dụng lao động, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H4.04.02.09], [H4.04.02.10].

### 2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp và thường xuyên cập nhật đáp ứng tốt các mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm. Bộ môn Kỹ thuật hóa học – thực phẩm thuộc Khoa KHTN có đội ngũ GV chuyên nghiệp, trình độ cao, nhiệt huyết với nghề, sẵn sàng ứng dụng những phương pháp dạy và học mới. GV của Bộ môn thường xuyên cập nhật và trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy giúp SV của ngành Công nghệ thực phẩm có thể dễ dàng tiếp cận và lĩnh hội được nhiều kiến thức mới, cập nhật kỹ thuật công nghệ mới. Khoa KHTN luôn đề cao việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tích cực tư duy và khả năng sáng tạo của NH kết hợp với việc đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

### 3. Điểm tồn tại

Các Hội thảo về phương pháp giảng dạy, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy, kết nối cải tiến giảng dạy và NCKH, đánh giá mức độ phù hợp với CĐR vẫn chưa được tổ chức định kỳ.

Trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu cải tiến phương pháp giảng dạy của GV.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>



1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tổ chức các Hội thảo về phương pháp giảng dạy, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và đánh giá mức độ phù hợp với CDR. Mở rộng phạm vi khảo sát về phản hồi các bên liên quan.</li> <li>- Đầu tư CSVC cho các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm.</li> </ul>	<p>Khoa KHTN</p> <p>Trường ĐHQN</p>	<p>Từ năm học 2026-2027</p>	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục cập nhật, bổ sung các phương pháp giảng dạy mới nhằm đem lại hiệu quả giảng dạy tốt nhất. Tăng tỷ lệ giờ giảng dành cho thảo luận, bài tập nhóm và thực hành, thí nghiệm.</li> <li>- Tổ chức đánh giá tác động của phương pháp giảng dạy và học tập cho việc nâng cao chất lượng học tập của NH.</li> </ul>	<p>Khoa KHTN</p>	<p>Từ năm học 2026-2027</p>	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.**

**1. Mô tả hiện trạng**

Việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thiết kế tiến trình dạy học các bài học hoặc chủ đề dạy học đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, cách xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá chuỗi các hoạt động học theo sự định hướng phát triển năng lực, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH là việc làm rất cần thiết đối với mỗi GV trong giai đoạn hiện nay. *Tất cả các ĐCCT học phần thuộc ngành Công nghệ thực phẩm đều mô tả rõ ràng việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp cho từng chương, từng nội dung bao gồm các phương pháp như thuyết trình, giảng giải, trao đổi, làm việc nhóm, thảo luận, giải quyết bài tập, nghiên cứu tình huống, thực hành, thí nghiệm, bài tập cá nhân, tự học... nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm*

#### [H4.04.03.01].

Đối với CTĐT được ban hành, sửa đổi, bổ sung qua các năm thì *tất cả ĐCCT học phần đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH [H4.04.03.01]*. Do đó, trong quá trình giảng dạy trên phòng thí nghiệm, bên cạnh việc hướng dẫn nội quy an toàn phòng thí nghiệm, GV luôn giao nhiệm vụ cho SV xây dựng các phương án thí nghiệm (cách bố trí thí nghiệm, nơi bố trí thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm, mẫu báo cáo), dự đoán kết quả; hướng dẫn an toàn thí nghiệm; hướng dẫn cách thu thập thông tin, phân tích kết quả và ghi báo cáo, cách trình bày báo cáo. Do đó, SV ngành Công nghệ thực phẩm được rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc nhóm, phân tích và xử lý kết quả thí nghiệm, báo cáo kết quả thông qua các giờ thực hành, thí nghiệm, nâng cao được khả năng học tập suốt đời của NH [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Mặt khác, các buổi thảo luận trên giảng đường và trong phòng thí nghiệm có sự quản lý của GV luôn được coi trọng và là hoạt động giảng dạy thường xuyên được tổ chức. Nhóm học tập, nhóm nghiên cứu là rất cần thiết trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực NH. Khi học theo nhóm, SV được chia sẻ ý kiến cho nhau, được hỗ trợ giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ nhằm phát triển năng lực và phẩm chất, hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập. Thông qua các buổi thuyết trình, thảo luận nhóm, SV có thể lĩnh hội được lượng kiến thức nhiều hơn với niềm hứng khởi hơn so với hoạt động học tập thông thường. Sự tương tác giữa SV với SV, SV với GV thông qua hoạt động thảo luận nhóm, bố trí, theo dõi, thu thập và xử lý kết quả thí nghiệm, thực hành giúp SV hiểu rõ vấn đề, nhờ đó kiến thức thu được nhiều hơn, đồng thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học tập suốt đời của SV [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Với hầu hết đội ngũ GV đã được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, trong quá trình giảng dạy, *GV sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời*. GV bám sát ĐCCT học phần, đặc biệt ở mục các hoạt động của NH: chuyên cần (đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài giảng, tích cực đóng góp xây dựng bài giảng), bài tập (hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng hạn), kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra cuối kỳ đều có tiêu chí cụ thể để đánh giá nghiêm túc cả quá trình của NH ở từng học phần [H4.04.03.01]. Trong mỗi ĐCCT học phần, giờ tự học của SV luôn được quy định rõ, trung bình giờ tự học gấp 2 lần so với thời lượng giờ giảng trên lớp. Do đó, trước giờ lên lớp, SV luôn được yêu cầu chuẩn bị tài liệu, tự nghiên cứu, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo cho giờ học lý thuyết cũng như thực hành, thí nghiệm. Dựa vào nguồn tư liệu, sách báo phục vụ cho hoạt động dạy và học tại Trường và Khoa giúp cho SV chủ động trong học tập và sử dụng hiệu quả

giờ tự học của từng học phần **[H4.04.03.01]**, **[H4.04.03.03]**. Kết quả khảo sát hàng năm đối với SV đang học tại Khoa cho thấy, phần lớn SV đều có hài lòng về CTĐT, phương pháp giảng dạy của GV và các điều kiện CVVC để học tập và nghiên cứu tại Trường ĐHQN. Điều đó chứng tỏ nhờ phương pháp giảng dạy phù hợp và sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình của GV đã góp phần nâng cao chất lượng học tập của NH **[H4.04.03.04]**. Để giúp cho SV tăng cường tiếp cận với công việc thực tế trong tương lai ngay khi ngồi trên ghế nhà trường, SV được tiếp cận với các phần mềm hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành. GV hướng dẫn cho SV hiểu ý nghĩa và cách thức sử dụng các phần mềm dùng trong phân tích, xử lý kết quả thí nghiệm và giúp SV giải thích được kết quả thí nghiệm **[H4.04.03.05]**. Ngoài hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường, dưới sự hướng dẫn và giám sát của các GV và cán bộ tại cơ sở giàu kiến thức và kinh nghiệm, SV được tham gia hai đợt thực tập vào năm thứ ba và năm thứ tư tại các đơn vị thực tập **[H4.04.03.06]**. Đây là cơ hội để SV tích hợp và áp dụng các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc và kiến thức vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, SV còn nhận được nhiều kinh nghiệm thực tế từ sự góp ý, chia sẻ của các Nhà quản lý Nông nghiệp, Doanh nghiệp thông qua nhận xét của cơ sở thực tập về quá trình thực tập tốt nghiệp, làm đồ án tốt nghiệp của SV **[H4.04.03.06]**, **[H4.04.03.07]**. Để khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời, các GV trong Khoa KHTN và Bộ môn còn khuyến khích các SV tham gia hoạt động NCKH, có sự hỗ trợ kinh phí của Trường và kinh phí từ các đề tài của các GV đang thực hiện **[H4.04.03.08]**. Trong quá trình tham gia NCKH, SV sẽ hình thành khả năng tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm tài liệu và hiểu rõ như thế nào là một hoạt động NCKH thực thụ. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần ham học hỏi, tự nghiên cứu và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho NH **[H4.04.03.09]**.

Khoa KHTN luôn bám sát những phản hồi của SV và nhà tuyển dụng, sử dụng người lao động về CTĐT, về CDR của ngành Công nghệ thực phẩm để hoàn thiện phương pháp giảng dạy, đồng thời bổ sung, cập nhật kiến thức mới vào CTĐT theo đà phát triển của xã hội. Theo khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp, SV của ngành Công nghệ thực phẩm đều có việc làm và được nhà tuyển dụng đánh giá cao về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy, lập kế hoạch và thực hiện trong nghiên cứu, sản xuất **[H4.04.03.10]**, **[H4.04.03.11]**. Phương châm “Dạy cách học, phát huy tính chủ động của NH” luôn được coi trọng và là kim chỉ nam cho việc cập nhật, chỉnh sửa CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục và CDR cho SV của ngành **[H4.04.03.11]**.

## 2. Điểm mạnh

Các phương pháp giảng dạy/học tập, hoạt động dạy và học đa dạng, hiệu quả, tạo điều kiện và thúc đẩy SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm... qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời. Tỷ lệ giờ giảng, thảo luận, bài tập, thí nghiệm, thực hành được GV chú trọng hơn trước và ghi chép rõ trong tất cả các ĐCCT HP. Đội ngũ GV của bộ môn được đánh giá cao về năng lực và chuyên môn, năng động, luôn tìm tòi hỏi học những phương pháp mới trong giảng dạy. Các GV luôn tuân thủ các nội dung và phương pháp thiết kế trong ĐCCT học phần nhằm đảm bảo phát huy tối đa các kỹ năng của SV. Đối với những học phần đòi hỏi kỹ năng thực hành, thực tế, GV của Khoa luôn cố gắng tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết chuẩn bị cho môi trường làm việc trong tương lai.

## 3. Điểm tồn tại

Khả năng tiếp thu, tính chủ động, tích cực của SV ngành Công nghệ thực phẩm còn hạn chế nên sự tương tác giữa GV và SV trong quá trình giảng dạy và học tập trên lớp chưa cao, do đó các phương pháp giảng dạy mới của GV chưa thực sự phát huy hết hiệu quả tác dụng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao tính tích cực chủ động của SV trong các giờ giảng trên lớp thông qua đẩy mạnh việc cải tiến phương pháp giảng dạy phù hợp, kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của NH và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, động viên SV thực hiện. Đồng thời GV cần thường xuyên nhìn nhận, đánh giá, rút kinh nghiệm cách tổ chức hoạt động của mình cho SV.	Khoa KHTN, Trường ĐHQN.	Từ năm 2026 -2027	

2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục phát triển phương pháp giảng dạy theo hướng nâng cao khả năng tư duy và tự học của SV.</li> <li>- Tăng cường số giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, làm việc nhóm gắn với thực tiễn sản xuất để giúp SV hoàn thiện các kỹ năng cần thiết và phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu.</li> </ul>	Khoa KHTN	Hàng năm  Định kỳ 2 năm một lần khi điều chỉnh CTĐT	
---	--------------------	--	-----------	---	--

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4***

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan. Mục tiêu giáo dục của CTĐT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường và được phổ biến rộng rãi tới NH, GV, cộng đồng và xã hội. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng, linh hoạt, giúp NH đạt CĐR. Các hoạt động học tập đa dạng như tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành tạo điều kiện và thúc đẩy SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm... qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục: Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới các bên liên quan tuy nhiên các hình thức truyền thông còn chưa đa dạng. Phương pháp dạy học vẫn chưa thật sự phát huy hết khả năng và phát triển năng lực của NH. Khả năng tiếp thu, tính chủ động, tích cực của SV ngành Công nghệ thực phẩm còn hạn chế nên sự tương tác giữa GV và SV trong quá trình giảng dạy và học tập trên lớp chưa cao. Các Hội thảo về phương pháp giảng dạy, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm vẫn chưa được tổ chức định kỳ. Hệ thống CSVC ở phòng thí nghiệm, thực hành tuy được cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn thiếu một số trang thiết bị đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch tổ chức phương pháp dạy và học phát huy tính chủ động cho SV.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thực phẩm đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của NH**

### ***Mở đầu***

Đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học, giúp cho việc định hướng, điều chỉnh kế hoạch dạy học được phù hợp và hiệu quả hơn. Quá trình đánh giá NH được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CĐR của CTĐT, bao gồm cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

*Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR* là một yêu cầu quan trọng trong quá trình xây dựng CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm. CĐR của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân mà NH đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được Khoa KHTN cam kết với NH, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Theo đó, công tác đánh giá kết quả học tập của SV được gắn kết chặt chẽ với các CĐR của CTĐT, trên cơ sở các Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN, Quy chế đào tạo trình độ đại học [H5.05.01.01]. Xác định mức độ đáp ứng CĐR của mỗi khóa học là việc được Nhà trường và Khoa rất chú trọng trong những đợt rà soát, cập nhật và ban hành CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm. Trong ĐCCT mỗi học phần, các mục tiêu, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, CĐR của học phần và mức độ đạt được của CĐR được trình bày rõ ràng, cụ thể. Đây là căn cứ để kiểm tra quá trình học tập và rèn luyện của SV theo thang Bloom từ thấp đến cao (*biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá*). Từ hệ thống mục tiêu và CĐR của học phần, GV xác định nội dung và phương thức kiểm tra, đánh giá như: điểm danh để đánh giá chuyên cần, làm bài kiểm tra giữa kỳ, thi tự luận đề đóng hoặc mở, trắc nghiệm, vấn đáp đối với đánh giá cuối kỳ. Điều này đã góp phần thay đổi cách dạy, cách học để đánh giá được năng lực vận dụng kiến thức, kết hợp các kỹ năng để giải quyết vấn đề. Ngoài giờ học chính khóa, SV phải dành nhiều thời gian tự học qua các phương tiện khác nhau như học ở thư viện, học qua internet, học nhóm... để đáp ứng được các phương thức kiểm tra, đánh giá này [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Trên cơ sở các quy định về đào tạo, Trường ĐHQN đã xây dựng quy trình rõ

ràng về việc đánh giá kết quả học tập của HV và ban hành các quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, cập nhật quy định tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học phần đào tạo trình độ đại học với các yêu cầu cụ thể về thời gian tổ chức thi, hình thức thi, đề thi, chấm thi, nhập điểm nhằm mục đích đánh giá kết quả học tập của SV theo mục tiêu và CĐR của học phần, đáp ứng CĐR của CTĐT. Đặc biệt, với các thay đổi về trọng số của điểm đánh giá quá trình học tập và điểm thi kết thúc học phần; yêu cầu đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung và CĐR học phần được quy định trong ĐCCT học phần **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.04]**. Gần đây, để đáp ứng yêu cầu đánh giá kết quả NH trong đào tạo trực tuyến do dịch bệnh Covid 19 diễn ra, Phòng KT&BDCL đã ban hành Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến và yêu cầu đề thi kết thúc học phần tự luận theo hình thức trực tuyến là dạng đề mở và đáp ứng được CĐR của học phần **[H5.05.01.04]**. Đối với đặc thù ngành Công nghệ thực phẩm, nhằm giúp NH củng cố kiến thức chuyên môn và nâng cao hiểu biết nghề nghiệp, học tập những kỹ năng và kiến thức chuyên môn, nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tế, đáp ứng CĐR của CTĐT nên việc xây dựng ĐCCT các học phần liên quan đến thực hành, thực tập, thực tế luôn được chú trọng. Trên cơ sở các quy định cụ thể về nội dung, hình thức và cách đánh giá thực tập được ban hành theo quyết định số 744/QĐ-ĐHQN ngày 16/5/2018, ĐCCT của các học phần thực tập quy định cụ thể nội dung, hình thức và tiêu chí đánh giá thực tập thông qua chất lượng báo cáo thực tập và thái độ làm việc trong thời gian thực tập nhằm đáp ứng được CĐR của học phần và của CTĐT **[H5.05.01.04]**. Ngoài ra, học phần Thực tập tốt nghiệp được SV thực tập tại các cơ quan đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa cũng như của cán bộ tại cơ sở thực tập. GV hướng dẫn sẽ theo dõi và đánh giá quá trình viết báo cáo thực tập và cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập tham gia đánh giá quá trình thực tập của SV. Sự tham gia đánh giá của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập là một trong những tham chiếu quan trọng cho việc đánh giá quá trình đào tạo, học tập của NH phù hợp với CĐR và cũng là cơ sở xây dựng và cải tiến CĐR của các học phần thực tập nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT **[H5.05.01.04]**.

Các quy định về kiểm tra, đánh giá NH được công bố công khai trên website Trường ĐHQN để NH có thể nắm rõ các quy định **[H5.05.01.05]**. Trước mỗi năm học, Nhà trường sẽ ban hành Kế hoạch đào tạo đại học hệ chính quy, kế hoạch giảng dạy nhằm đảm bảo đúng thời lượng và quy định cụ thể thời gian tổ chức các đợt kiểm tra giữa kỳ,

thi kết thúc học phần và đánh giá kết quả NH theo tiến độ được quy định trong ĐCCT học phần, nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Các Ban Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần được nhà trường ban hành theo các quyết định đảm bảo tổ chức kỳ thi đúng quy chế, quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Kết thúc mỗi kỳ thi, Ban tổ chức đều có báo cáo tổng kết công tác tổ chức kỳ thi và kịp thời có những kiến nghị, đề xuất đối với Nhà trường. Điều này đảm bảo cho kỳ thi được an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, đảm bảo đánh giá khách quan kết quả học tập của NH một cách chính xác nhất và nâng cao chất lượng đào tạo **[H5.05.01.06], [H5.05.01.07]**. Đề thi giữa kỳ và đề thi kết thúc học phần do GV giảng dạy học phần biên soạn căn cứ theo CĐR của học phần đó. Hầu hết các GV trong Khoa đã tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm đại học nên được bồi dưỡng về kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH. Tất cả đề thi của Khoa đều được các GV xem xét từng câu hỏi với các mức độ dễ - khó khác nhau nhằm đánh giá chính xác NH và phù hợp với CĐR trong ĐCCT học phần với thang điểm, tiêu chí cụ thể. Bài thi kết thúc học phần được đánh giá bởi hai GV. Kết quả đánh giá của SV được thể hiện trong các bảng điểm chuyên cần, giữa kỳ và bảng điểm thi kết thúc học phần. Theo quy định hiện hành, điểm kết thúc các học phần thực hành là điểm trung bình cộng của điểm tất cả các bài thực hành **[H5.05.01.08]**.

*Thực hiện đồ án tốt nghiệp nhằm giúp NH rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm cũng được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT. SV ngành Công nghệ thực phẩm sau khi hoàn thành và đáp ứng được các yêu cầu theo quy định (tính đến hết học kỳ VI có không quá 10 tín chỉ chưa đạt) sẽ được giao đề tài đồ án tốt nghiệp trên cơ sở định hướng nghề nghiệp của HN và hướng dẫn của GV. Dựa trên đề xuất của Bộ môn/Khoa về danh sách SV, danh sách đề tài và GVHD, Trường sẽ phê duyệt và ra quyết định giao đề tài đồ án. Đề tài đồ án tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT, có giá trị thực tiễn cao. Đánh giá đồ án tốt nghiệp được thực hiện bởi hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Hội đồng trực tiếp đánh giá đồ án tốt nghiệp theo các yêu cầu về nội dung và hình thức của đồ án như tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đưa ra làm căn cứ để đánh giá. Ngoài ra, Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp còn đánh giá thái độ, ý thức học hỏi và kỹ năng của SV trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đồ án. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của điểm thành phần các thành viên Hội đồng và GV hướng dẫn **[H5.05.01.09]**.*

Đối với các khóa trước đây, CĐR về ý thức, thái độ của SV trong quá trình học chủ yếu được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, 20% điểm quá trình. Nhận thấy tỷ trọng 10/20/70 này chưa phù hợp với CĐR của một số học phần và đánh giá quá trình



đào tạo, học tập của NH, Nhà trường đã có văn bản quy định điều chỉnh trọng số điểm đánh giá học phần và áp dụng từ khóa 43. Theo đó, điểm chuyên cần chiếm 10% điểm học phần, điểm quá trình chiếm 20-40% và điểm thi học phần có trọng số 50-70% điểm học phần. Trên cơ sở đó, trong lần cập nhật ĐCCT học phần thuộc chương trình đào tạo được ban hành năm 2022, Khoa KHTN đã thống nhất điều chỉnh trọng số điểm quá trình 40% và điểm thi học phần 60% ở hầu hết các học phần cho phù hợp với đặc thù của ngành học. Việc điều chỉnh này nhằm khuyến khích SV chủ động học tập và nghiên cứu, từ đó đáp ứng CDR của học phần và CDR của CTĐT [H5.05.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của CDR trong CTĐT. Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CDR rõ ràng. Câu hỏi trong đề thi được thiết kế theo các mức độ khác nhau của thang đo: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể. Nhiều học phần trong CTĐT được các GV tổ chức thi theo hình thức vấn đáp. Quy trình chấm thi, đánh phách được thực hiện nghiêm túc. Các đợt thực tập đều có sự đánh giá từ cán bộ hướng dẫn ở cơ sở thực tập và GV hướng dẫn, đảm bảo NH đáp ứng được các yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Với mục tiêu phục vụ tốt cho hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch về hoạt động này. Các tài liệu, quy trình hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đều phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế đa dạng và phù hợp để đo lường mức độ đạt CDR của CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm.

## 3. Điểm tồn tại

Các học phần chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau để đánh giá kết quả học tập của NH một cách khách quan và chuẩn xác.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ngân hàng đề thi, đáp án và thang điểm có độ phân hóa phù hợp của các HP. Mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của học phần, CĐR của CTĐT. Việc tổ chức biên soạn ngân hàng đề thi phải có sự giám sát về mặt chuyên môn của Trưởng bộ môn.	Khoa KHTN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CĐR của CTĐT.</li> <li>- Khoa có kế hoạch đề xuất các giải pháp hỗ trợ NH đạt được CĐR trong các hoạt động đào tạo chính khóa.</li> <li>- Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Các HP thi tự luận tăng cường sử dụng đề thi mở trong đánh giá cuối kỳ.</li> </ul>	Trường ĐHQN Khoa KHTN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được trình bày rõ trong quy định về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN. Theo đó, *các quy định này trình bày cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, trọng số đánh giá của các học phần, bao gồm học phần lý thuyết, thực hành, thực tập và đồ án tốt nghiệp và toàn khoá học [H5.05.01.01].* Trên cơ sở quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã ban hành quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, cập nhật quy định tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học phần đào tạo trình độ đại học và Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến. Các văn bản này quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học phần đào tạo trình độ đại học. Theo đó, thời gian tổ chức thi được xác định cụ thể trong kế hoạch đào tạo hàng năm. Hình thức thi có thể là tự luận, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, thực hành, báo cáo, bảo

vệ. Đồng thời, các văn bản này cũng quy định rõ trọng số đánh giá và tính điểm học phần và điều này được cụ thể hoá trong mỗi ĐCCT học phần. Công tác chấm thi, nhập điểm và phúc tra điểm học phần cũng được quy định và hướng dẫn chi tiết, khoa học. Cơ chế phúc tra điểm học phần gồm thời gian, mẫu đơn, quy trình phúc tra và phản hồi cho NH cũng được quy định chặt chẽ **[H5.05.02.01], [H5.05.02.02]**. Ngành Công nghệ thực phẩm là một ngành đào tạo kỹ sư, vì vậy bên cạnh các học phần lý thuyết và thực hành tại trường, CTĐT rất chú trọng đến các học phần thực tập. Các quy định cụ thể đối với thực tập đã được Nhà Trường ban hành theo quyết định Quy định tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp. Theo quy định này, nội dung thực tập và cách đánh giá được thực hiện theo ĐCCT học phần thực tập **[H5.05.02.03]**. Hàng năm, Trường ĐHQN ra quyết định ban hành Quy định giao đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho SV hệ chính quy. Theo quy định này, điều kiện cần để SV ngành Công nghệ thực phẩm được giao đồ án tốt nghiệp là tính đến hết học kỳ 6 có không quá 10 tín chỉ chưa đạt, không kể các học phần SV đã đăng ký học lại trong học kỳ 7. Căn cứ theo quy định đó, Khoa sẽ đề xuất danh sách SV, danh sách đề tài và GV hướng dẫn để Nhà trường duyệt và ra quyết định. SV sau khi hoàn thành đồ án sẽ báo cáo và được đánh giá bởi Hội đồng và được thể hiện trong phiếu chấm điểm của từng thành viên Hội đồng và bảng điểm tổng hợp **[H5.05.02.04]**.

CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm luôn được rà soát, điều chỉnh và cập nhật nhằm cải tiến các quy định đánh giá kết quả học tập của NH một cách chính xác nhất. Bản mô tả CTĐT quy định cụ thể về thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm của CTĐT. Đồng thời, các quy định đánh giá NH cụ thể cho mỗi học phần được thống nhất trong mỗi ĐCCT học phần. Ngay từ buổi học đầu tiên của học phần, *GV sẽ công khai trên lớp cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm quá trình học tập và hình thức thi cuối kỳ*. Kết thúc thời gian học, Nhà Trường có trách nhiệm thông báo công khai điểm đánh giá cho SV và có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời nếu có phản hồi **[H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06]**. Kế hoạch đào tạo được Nhà trường phê duyệt vào trước mỗi năm học có quy định cụ thể thời gian giảng dạy, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, thời gian thực tập và thời gian làm đồ án tốt nghiệp hàng năm. Cuối mỗi học kỳ, trên cơ sở kế hoạch đào tạo, Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch tổ chức thi phù hợp với quy định thời gian trong kế hoạch đào tạo và thông báo đến SV ít nhất là hai tuần trước khi diễn ra kỳ thi kết thúc học phần **[H5.05.02.07]**.

*Những quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường công bố công khai trong Sổ tay SV, đồng thời cũng được triển khai, thông báo rộng rãi*

tới SV ngay từ tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và các hoạt động chào đón tân SV. Trong tất cả tài liệu và các hoạt động này, Nhà trường phối hợp với Khoa phổ biến những nội dung liên quan đến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, đồng thời công bố các CDR của ngành đào tạo. Thông qua việc thảo luận, đối thoại và viết thu hoạch đánh giá cuối đợt học, NH có thể nắm rõ tất cả các quy định về đánh giá kết quả trong suốt thời gian học tập tại Trường **[H5.05.02.08]**. Nhà trường đã ban hành Quy định CDR ngoại ngữ đối với SV đối với SV đại học hệ chính quy. Theo đó, với quy định mới nhất của quyết định Số 3268/QĐ-ĐHQN ngày 09/12/2021 thì SV ngành Công nghệ thực phẩm phải đạt chứng nhận Tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung bậc 3/6 của Trường ĐHQN hoặc của các cơ sở đào tạo được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ. Đồng thời, văn bản này cũng quy định rõ các chứng chỉ quốc tế tương đương mà NH có thể thay thế. CDR tin học cũng được ban hành và SV tốt nghiệp ngành Công nghệ thực phẩm phải có CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Quy định CDR ngoại ngữ và tin học là một trong những cơ sở để xác định việc SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT bậc đại học hệ chính quy **[H5.05.02.09]**. Tất cả các quy định về đánh giá kết quả học tập được quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 1/07/2021 gồm *cách đánh giá và tính điểm học phần, đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần, hình thức thi, số lần được dự thi, đánh giá đồ án tốt nghiệp, đánh giá toàn khoá học đều được Nhà trường trích và công khai trong Sổ tay SV và công bố trên các trang thông tin điện tử* để NH luôn cập nhật kịp thời và nắm rõ quy định. Đây là kênh thông tin quan trọng để phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH **[H5.05.02.10]**.

## 2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã hoàn thiện các quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu phục vụ tốt nhất cho công tác đánh giá kết quả học tập của SV, quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các quy định đã xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá và kết quả học tập của NH.

Các kế hoạch, quy trình, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được bộ phận trợ lý đào tạo, các GV của Khoa và Nhà trường thông báo công khai, rõ ràng đến SV qua nhiều kênh thông tin khác nhau trước mỗi khóa học, kỳ học và học phần.

## 3. Điểm tồn tại

Nhiều SV chưa quan tâm và không nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả

học tập mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương chi tiết học phần, được GV và CVHT phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường, Khoa.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa công tác thông tin, phổ biến cho SV (đặc biệt là SV năm nhất) về cách thức kiểm tra, đánh giá, hình thức tra cứu kết quả học tập.	Khoa KHTN	Bắt đầu từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc thông báo công khai, rõ ràng các quy định đánh giá, kết quả đánh giá đến SV; thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của NH.	Trường ĐHQN, Khoa KHTN.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

#### **Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

GV Khoa KHTN và BM KTHH- TP thực hiện việc đánh giá kết quả học tập NH ngành Công nghệ thực phẩm bằng nhiều phương pháp khác nhau. Hình thức kiểm tra rất đa dạng, bao gồm bài kiểm tra viết tại lớp, vấn đáp, seminar, bài tập cá nhân, bài tiểu luận, thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp [H5.05.03.01]. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, bộ đề thi vấn đáp được thiết kế theo nội dung của từng học phần. Đề thi tự luận và vấn đáp đánh giá đúng theo tiêu chuẩn đầu ra của học phần, được thiết kế khoa học, đúng quy định của học phần [H5.05.03.01]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập được thiết kế đảm bảo đo lường đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong ĐCCT học phần [H5.05.03.02]. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi

học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng KT&BDCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần phân công GV coi thi và chấm thi. Trợ lý Khoa làm phách và nhập điểm thi vào phần mềm quản lý đào tạo **[H5.05.03.03]**.

Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án và quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai GV cùng chấm, vào điểm...) để *đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng đối với NH*. Mỗi bài thi được chấm độc lập bởi hai GV có cùng chuyên môn để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá. Quy trình chấm được thực hiện như qui chế chấm thi tuyển sinh. Trên bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài. Nếu SV thấy điểm thi không đúng với nội dung kiến thức trả lời, SV được quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo theo đúng quy trình và được giải quyết theo đúng quy định **[H5.05.03.01]**. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.04]**. Đối với SV cuối khóa, đủ điều kiện làm ĐATN, CVHT lập danh sách cho SV đăng ký lĩnh vực đề tài theo nguyện vọng cá nhân và trình lên Khoa. Hội đồng Khoa học của Khoa xem xét, phân công GV hướng dẫn đúng lĩnh vực chuyên môn. Sau đó Trưởng Khoa phê duyệt và trình lên Trường ra quyết định **[H5.05.03.05]**. Thời gian làm ĐATN, quy cách làm cũng như mức độ đạt được theo đúng qui định của Trường **[H5.05.03.05]**. Việc chấm ĐATN có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, về nội dung, phương pháp, kết quả đạt được, hình thức trình bày và ý nghĩa ứng dụng trong thực tiễn sản xuất... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá ĐATN. Điểm của đề án được cấu thành từ điểm của GV phản biện và hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) nhằm đảm bảo tính khách quan và công bằng đối với SV **[H5.05.03.06]**. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế khoa học dựa trên CDR của học phần, được kiểm chứng về giá trị, độ tin cậy nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng thông qua lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động kiểm tra – đánh giá của GV **[H5.05.03.07]**.

## 2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được sử dụng đa dạng, bao gồm kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập thực tập giáo trình, đề án, đánh giá qua trình bày seminar, báo cáo... đã giúp cho việc đánh giá theo các mức độ CDR của các học phần có hiệu quả hơn. Thang điểm chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi

chấm thi. Cuối mỗi học kỳ Bộ môn tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của SV chính xác và công bằng.

### 3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay vẫn chưa thật sự thúc đẩy theo chiều hướng tích cực việc học tập của SV, chưa đáp ứng được việc giảng dạy của GV và chưa đảm bảo đầy đủ các yêu cầu CDR của một số học phần của CTĐT. Việc đánh giá điểm thành phần ở một số ít học phần giữa các GV còn có sự chênh lệch, chưa đảm bảo đầy đủ sự công bằng đối với SV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục xây dựng ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả NH chính xác, khách quan, công bằng.	Khoa KHTN	Hàng năm, bắt đầu từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng đa dạng. Đề thi các học phần tiếp tục được kiểm soát theo CDR của học phần. Tiếp tục tổng hợp ý kiến phản hồi của SV.	Khoa KHTN	Bắt đầu từ năm học 2026-2027	

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

#### **Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Việc phản hồi đến NH kết quả học tập là một khâu không kém phần quan trọng sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau. Theo đó, NH được phản hồi kết quả học tập một cách kịp thời dựa trên các quy định chung về việc phản hồi kết quả đánh giá đã được thông báo công khai đến từng GV và SV nhằm thực hiện và kiểm tra giám sát. Các quy định về kiểm tra, đánh giá và về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được căn cứ trên các văn bản về việc thi, kiểm tra và đánh giá bao gồm Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo

đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”; các Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 và số 529/QĐ-ĐHQN ngày 28/03/2019 do trường ĐHQN ban hành về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo tín chỉ và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ; gần đây nhất là hướng dẫn của phòng KT&BDCL số 2119/ĐHQN-KT&BDCL về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến và Quyết định số 3142/ QĐ-ĐHQN ngày 01/12/2021 được áp dụng từ năm học 2021-2022 với những quy định được cập nhật chi tiết về kiểm tra, đánh giá SV, nhập điểm và công tác phúc tra, phúc khảo nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH. *Các quy định về kiểm tra, đánh giá và phản hồi kết quả học tập được nêu trên đã được công bố công khai và kịp thời đến GV và NH* trong đó có sổ tay SV được cập nhật hàng năm và công khai trên website phòng Công tác SV để NH nắm rõ các quy định **[H5.05.04.01]**.

Đầu khóa học, thông qua các thông báo của nhà trường về việc kiểm tra thông tin và cấp tài khoản đăng nhập cho SV nhập học, mỗi SV được cấp một tài khoản riêng sử dụng xuyên suốt khóa học và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Trường ĐHQN để kiểm tra kết quả đánh giá **[H5.05.04.02]**. Hồ sơ, kết quả học tập của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập, có thể tiếp cận và tra cứu dễ dàng. Với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý, công tác quản lý kết quả học tập của NH được đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của NH dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. *Các kết quả đánh giá chuyên cần và giữa kỳ, GV thông báo cho SV ngay khi kết thúc học phần. Thông qua tài khoản cá nhân của mình, SV có thể truy cập các điểm thành phần của các học phần và kết quả học tập của mình kịp thời.* Ngoài ra, các quy chế về kiểm tra, đánh giá và phản hồi kết quả học tập của Bộ và Trường cũng được CVHT hỗ trợ tư vấn cho NH nắm rõ **[H5.05.04.02]**. Số lượng và danh sách SV vi phạm quy chế thi từng học kỳ, bảng xét kết quả học tập từng học kỳ được tổng hợp dựa trên việc kiểm tra nhập điểm học phần, điểm thực tập, điểm tốt nghiệp giữa trợ lý học tập của Khoa KHTN và chuyên viên phòng Thanh tra-Pháp chế có biên bản làm việc kèm theo **[H5.05.04.03]**. Các kết quả học tập cuối kỳ, cuối năm và kết quả xét tốt nghiệp của SV ngành Công nghệ thực phẩm đều được thống kê cụ thể nhằm theo dõi kết quả học tập của SV sau mỗi năm học. *Các kết quả học tập được thông báo công khai, nhanh chóng và kịp thời đến NH* thông qua nhiều kênh như tài khoản SV, CVHT hoặc các kế hoạch, thông báo thường xuyên đăng tải trên website của trường. Ngoài ra, kết quả học tập của NH được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa **[H5.05.04.03]**.



Ngay khi nhận được kết quả học tập từ bảng điểm tổng hợp hoặc thông qua tài khoản cá nhân, nếu có sai sót hoặc vấn đề gì vướng mắc, SV được yêu cầu liên hệ với trợ lý học tập của Khoa để phối hợp với phòng ĐTDH và phòng KT&BDCL để được giải quyết. SV có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà GV đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H5.05.04.04]. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho SV trong vòng 7 ngày [H5.05.04.03]. Theo thống kê từ phòng KT&BDCL về tình hình phúc khảo bài thi giai đoạn 2022-2025, ngành Công nghệ thực phẩm có rất ít bài thi nào xin phúc khảo [H5.05.04.04]. Trong mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV nhằm kịp thời đưa ra cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các SV có kết quả học tập không đạt yêu [H5.05.04.05]. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời SV còn được đăng kí cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 (học kỳ phụ) của các năm học [H5.05.04.06]. Bên cạnh đó, nhằm tuyên dương các SV có thành tích học tập và rèn luyện tốt dựa trên xét kết quả học tập, nhà trường lập danh sách và cấp học bổng khuyến khích học tập theo từng kì [H5.05.04.07]. *Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập giúp SV chủ động và tích cực hơn trong kế hoạch học tập của mình như việc cải thiện kết quả học tập, vượt tiến độ chung hoặc đưa ra quyết định xin nghỉ học tạm thời.* Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp theo từng đợt [H5.05.04.08]. Danh sách SV được công nhận tốt nghiệp cùng với mức xếp loại tốt nghiệp và danh sách SV chưa được công nhận tốt nghiệp với các đợt thống kê đầy đủ các điều kiện chưa đạt theo các đợt xét tốt nghiệp [H5.05.04.09]. Các danh sách và kết quả trên được phản hồi kịp thời đến NH. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của SV được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhằm thu thập thông tin và đánh giá mức độ hài lòng của SV về việc phản hồi kết quả học tập của NH cùng với các mục tiêu đào tạo khác (chất lượng hoạt động giảng dạy, CTĐT, CĐR, tình hình việc làm, dịch vụ hỗ trợ đào tạo), nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV đại học hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (ban hành theo Quyết định số 2867/QĐ-ĐHQN ngày 27/12/2018) và Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHQN (theo Quyết định số 3010/QĐ-ĐHQN ngày 21/11/2013). Các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV cho từng kỳ học được đưa ra vào đầu mỗi năm học và phiếu khảo sát được gửi đến SV, NH và NH đã tốt nghiệp bằng hình thức trực tuyến trên website [H5.05.04.10],

**[H5.05.04.11]**. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng KTBĐCL tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của SV cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời kết quả khảo sát cũng giúp Nhà Trường và Khoa điều chỉnh CTĐT kịp thời và phù hợp **[H5.05.04.12]**. Ngoài ra, việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH và nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT và hoạt động giảng dạy, kiểm tra cũng được thực hiện ở BM SHUD-NN từ năm 2020 đến 2022 nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu về CĐR của nhà tuyển dụng **[H5.05.04.12]**.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa KHTN có đầy đủ các văn bản quy định ban hành các quy định về các hoạt động chấm thi, kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, có kế hoạch và đúng hạn, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

Kết quả học tập của NH được thông báo công khai, kịp thời và được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trong quá trình học tập, SV được tạo điều kiện trao đổi với CVHT, GV bộ môn, và Trợ lý học tập của Khoa. SV được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư. Thông tin phản hồi của NH về kết quả đánh giá được khảo sát, tổng hợp và phân tích kịp thời giúp cải thiện việc học tập của NH.

## 3. Điểm tồn tại

Một số SV không tự giác kiểm tra điểm kết thúc học phần trên tài khoản hoặc kiểm tra chậm trễ làm ảnh hưởng đến kế hoạch học tập của bản thân.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	CVHT thường xuyên nhắc nhở SV kiểm tra kết quả thi sau khi kết thúc kì thi để yêu cầu phúc khảo đúng thời gian quy định nếu không hài lòng về kết quả thi.	Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy	Tiếp tục thực hiện và rà soát	Phòng ĐTDH,	Từ năm	

	điểm mạnh	quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn và kịp thời.	Khoa KHTN	học 2026-2027	
--	-----------	--	-----------	---------------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

### **Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Việc khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.05.01]. Quy trình này được công bố cho SV dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

*Những văn bản quy định liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của SV, các quy trình và hình thức khiếu nại kết quả học được triển khai ngay từ khi SV nhập học, thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi kết thúc học phần và được công khai trên website của Trường bao gồm các quy định và các mẫu đơn phúc khảo, khiếu nại, trong Sổ tay SV và cung cấp cho SV ngay từ khi nhập học [H4.04.01.14], [H5.05.05.02], [H5.05.05.03], [H5.05.05.04].*

Trong quá trình học tập, SV được quyền khiếu nại kết quả học tập theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình.

Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố điểm trên lớp. Nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì SV làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại. Theo đó, trong 5 năm gần đây, không có trường hợp nào khiếu nại về điểm chuyên cần và giữa kỳ. Đối với điểm thi kết thúc học phần, SV nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn theo mẫu (đơn đề nghị kiểm tra lại bài thi hoặc đơn đề nghị phúc khảo điểm thi) gửi về Văn phòng Khoa đề nghị kiểm tra lại [H5.05.05.04]. Sau khi tiếp nhận đơn của SV, Khoa sẽ phối hợp với GV để giải quyết kịp thời, thoả đáng cho SV theo quy định. Kết quả học tập của SV từng kỳ được Khoa và Nhà trường có kế hoạch kiểm tra bài thi và nhập điểm học kì vào phần mềm và lập biên bản kiểm tra có xác nhận của Khoa và phòng Thanh tra-Pháp chế nhằm tránh sai sót [H5.05.05.05]. Sau đó kết quả học tập được thông báo kịp thời và công khai đến SV thông qua tài khoản của SV để NH có thể phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.06]. SV nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn và gửi về Văn phòng Khoa đề nghị kiểm tra lại. Các trường hợp SV yêu cầu kiểm tra lại bài thi, phúc khảo điểm thi đều được theo dõi và lưu thông tin tại Sổ theo dõi khiếu nại kết quả học tập của SV hàng năm [H5.05.05.07]. Theo thống kê từ phòng KT&BDCL về tình hình phúc khảo bài thi giai đoạn 2020-2022, ngành

Công nghệ thực phẩm có rất ít bài thi nào xin phúc khảo [H5.05.05.08]. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, SV đều được in bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH và được công bố rộng rãi, công khai đến NH ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình học tập và trước mỗi đợt thi kết thúc học phần.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ viên chức để hỗ trợ NH trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại về kết quả học tập.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có quy trình khiếu nại về kết quả học tập trực tiếp trong tài khoản của SV.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật quy trình khiếu nại kết quả học tập trong hệ thống tài khoản cá nhân của SV.	Trung tâm CNTT	Từ năm học 2026-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và tăng cường các kênh thông báo các quy định quy trình khiếu nại kết quả học tập đến SV và NH kịp thời và hiệu quả	Phòng ĐTDH, phòng KT&BDCL, Khoa KHTN	Từ năm học 2026-2027	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

## Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CĐR trong CTĐT. Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CĐR rõ ràng. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể. Các đợt thực tập đều có sự đánh giá từ cán bộ hướng dẫn ở cơ sở thực tập và GV hướng dẫn, đảm bảo NH đáp ứng được các yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Nhà trường và Khoa KHTN có đầy đủ các văn bản quy định ban hành các quy định về các hoạt động chấm thi, kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, có kế hoạch và đúng hạn, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

Kết quả học tập của NH được thông báo công khai, kịp thời và được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Thông tin phản hồi của NH về kết quả đánh giá được khảo sát, tổng hợp và phân tích kịp thời giúp cải thiện việc học tập của SV và NH. Nhà trường có ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH và được công bố rộng rãi, công khai đến NH ngay từ khi nhập học cũng như trong quá trình học tập và trước mỗi đợt thi kết thúc học phần.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh nổi bật ở trên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Các học phần chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau để đánh giá kết quả học tập của NH một cách khách quan và chuẩn xác. Nhiều SV chưa quan tâm và không nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dù các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong ĐCCT học phần, được GV và CVHT phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường, Khoa. Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thực phẩm đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí đều đạt 5/7.

## **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Trường ĐHQN mang trong mình sứ mệnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyên gia công nghệ. Nhà trường không ngừng đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng thời thúc đẩy tiến bộ xã hội. Đội ngũ giảng viên chính là yếu tố then chốt giúp Trường ĐHQN thực hiện sứ mệnh và mục tiêu đã đề ra.

Mặc dù ngành Công nghệ thực phẩm (CNTP) mới được đào tạo trong 5 năm qua (2020-2025), nhưng đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành CNTP đã sở hữu trình độ chuyên môn vững vàng, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ và tin học tốt, đáp ứng hiệu quả yêu cầu của chương trình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Không chỉ vậy, các

GV còn thường xuyên trao đổi học thuật với các nhà khoa học trong và ngoài nước, đồng thời tích cực học hỏi kinh nghiệm thực tiễn từ doanh nghiệp để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Nhà trường luôn thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ một cách công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định và tạo được sự đồng thuận cao. Quy trình này dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy cũng như thành tích NCKH. Việc phân công nhiệm vụ giảng dạy và các công tác kiêm nhiệm được thực hiện rõ ràng, phù hợp với năng lực và kỹ năng của GV. Hơn thế nữa, công tác quản lý luôn lấy kết quả làm thước đo, đồng thời ghi nhận và khen thưởng thành tích, tạo động lực để giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

***Tiêu chí 6.1 Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN) và Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN) luôn chú trọng đến việc xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên phục vụ chương trình đào tạo ngành CNTP. Đây là nhiệm vụ cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy NCKH và đóng góp tích cực vào các hoạt động phục vụ cộng đồng, qua đó khẳng định uy tín và vị thế của Nhà trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, trong chiến lược phát triển tổng thể, Trường ĐHQN đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ GV một cách chi tiết. Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường đã triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức trong và ngoài nước [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], đảm bảo đội ngũ GV được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Theo chiến lược phát triển chung, Khoa KHTN thực hiện định kỳ 5 năm một lần việc thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành CNTP để xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp (**Bảng 6.1**). Ngoài ra, công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ GV cũng được lồng ghép vào kế hoạch chiến lược của Khoa và phương hướng thực hiện nhiệm vụ từng năm học [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Bên cạnh việc đào tạo và phát triển chuyên môn, Trường và Khoa cũng đặc biệt chú trọng đến công tác đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý. Các cán bộ được bổ nhiệm

phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí: có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực quản lý tốt, tinh thần trách nhiệm cao, sự năng động, sáng tạo cùng trình độ chuyên môn và năng lực NCKH vững chắc. Ngoài ra, kinh nghiệm giảng dạy cùng sự tận tâm với nghề cũng là những yếu tố quan trọng trong quá trình xét duyệt. Toàn bộ quy trình bổ nhiệm viên chức lãnh đạo Khoa đều được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo đúng quy định của Trường **[H6.06.01.05]**.

Không chỉ vậy, Trường và Khoa còn chủ động rà soát, tạo điều kiện thuận lợi để GV tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H6.06.01.03]**, **[H6.06.01.06]**. Các quy định về thời gian làm việc, định mức giờ giảng dạy và NCKH luôn được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Trường và Bộ GD & ĐT **[H6.06.01.07]**.

Hàng năm, Trường ĐHQN và Khoa KHTN tổ chức tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV và người lao động **[H6.06.01.08]**. Dựa trên kết quả này, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh các chiến lược phát triển, đồng thời hoàn thiện kế hoạch quy hoạch và phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

Mặc dù Khoa KHTN chỉ mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập bốn đơn vị khoa cũ theo Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019 - 2022, tầm nhìn đến năm 2030, nhưng Khoa đã thực hiện tốt công tác thống kê, phân tích cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của đội ngũ GV. Đồng thời, Khoa cũng xây dựng bảng mô tả vị trí việc làm, đảm bảo sự phân công hợp lý và phục vụ hiệu quả cho công tác quy hoạch nhân sự theo định hướng phát triển của Trường **[H1.01.01.03]**, **[H6.06.01.09]**.

Nhằm thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019-2022, tầm nhìn 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN) được thành lập theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHQN ngày 21/5/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Khoa ra đời trên cơ sở sáp nhập bốn đơn vị có bề dày hơn 30 năm trong đào tạo và NCKH, gồm: Khoa Vật lý, Khoa Hóa học, Khoa Sinh-KTNN và Khoa Địa lý – Địa chính.

Với định hướng phát triển bền vững, công tác xây dựng đội ngũ GV luôn được Khoa thực hiện theo lộ trình bài bản, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Theo kế hoạch phát triển nhân sự, Khoa KHTN đã triển khai nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao trình độ GV, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

Tính đến đầu năm 2025, đội ngũ GV của Khoa đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng, với 100 viên chức, gồm 42 nam (42,0%) và 58 nữ (58,0%).

Trong đó có: 01 GS, 01 PGS. TSKH, 09 PGS. TS, 46 TS. Số lượng viên chức có trình độ TS trở lên chiếm 62,5% trong tổng số viên chức giảng dạy; Số GVC và GVCC chiếm 72% trong tổng số giảng viên toàn khoa. Ngoài ra, còn có 03 PGS và 04 TS đang tham gia hoạt động chuyên môn tại Khoa [H6.06.01.09].

Bên cạnh đó, nhiều GV của Khoa được cử đi đào tạo, hợp tác nghiên cứu với các trường ĐH hàng đầu trên thế giới [H6.06.01.06], giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Với đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, Khoa KHTN hoàn toàn đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng trong CTĐT của ngành CNTP.

**Bảng 6.1. Bảng thống kê, phân loại GVCH ngành CNTP từ 2020-2025**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng theo năm học									
		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Giáo sư	0	0.0%	00	0.0%	00	0.0%	01	3.0%	01	2.6%
2	Phó Giáo sư – Tiến sĩ	1	9.0%	02	7.4%	07	14%	02	6.1%	04	10.5%
3	Tiến sĩ	5	45.5%	15	55.6%	27	54%	16	48.5%	19	50.0%
4	Thạc sĩ	5	45.5%	10	37%	16	32%	14	42.2%	14	36.8%
5	Đại học	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
	<b>Tổng</b>	<b>11</b>	<b>100%</b>	<b>27</b>	<b>100%</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>	<b>33</b>	<b>100%</b>	<b>38</b>	<b>100%</b>

## 2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN và Khoa KHTN luôn đặt trọng tâm vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV một cách bài bản, khoa học.

Đội ngũ GV của Khoa không chỉ đáp ứng đầy đủ về số lượng mà còn có cơ cấu chuyên môn hợp lý, trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, GV sở hữu nghiệp vụ sư phạm vững vàng, năng lực nghiên cứu khoa học tốt, sẵn sàng đáp ứng hiệu quả các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của Nhà trường.



### 3. Điểm tồn tại

Hiện tại, kế hoạch phát triển đội ngũ GV có trình độ cao (GS, PGS) chưa được chú trọng đầy đủ. Việc xây dựng chiến lược cụ thể nhằm thu hút, bồi dưỡng và hỗ trợ GV đạt chuẩn GS, PGS là rất cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và vị thế của Nhà trường. Điều này không chỉ giúp cải thiện tỷ lệ GV có học hàm cao mà còn tạo động lực phát triển đội ngũ GV trẻ, góp phần xây dựng môi trường học thuật chất lượng và bền vững.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần có kế hoạch phát triển đội ngũ GV có trình độ cao (GS, PGS) để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHQN Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trường và Khoa KHTN tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV một cách khoa học và định kỳ.</li><li>- Khoa KHTN tiếp tục phát huy việc thực hiện các dự án, chương trình hợp tác quốc tế, hướng đến công tác bồi dưỡng, tạo điều kiện cho GV tham gia học tập, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, NCKH và phục vụ cộng đồng.</li></ul>	Trường ĐHQN Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Dựa trên Nghị quyết số 19/NQ-ĐHQN-HĐT ngày 15/4/2020 của Hội đồng Trường ĐHQN về việc mở ngành CNTP, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ban hành Quyết định số 1363/QĐ-ĐHQN ngày 28/7/2020 nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của các nhà tuyển dụng trên cả nước, đặc biệt tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Chương trình đào tạo ngành CNTP trang bị cho người học nền tảng lý thuyết vững chắc kết hợp với kỹ năng thực hành chuyên sâu, giúp ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất. Vì vậy, việc cân đối hợp lý tỷ lệ giảng viên trên số lượng người học đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của ngành.

Trường ĐHQN và Khoa KHTN thường xuyên thống kê, đánh giá đội ngũ giảng viên theo các tiêu chí như trình độ, giới tính, độ tuổi để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng phù hợp [H6.06.02.01]. Dự kiến, tổng số giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành CNTP vào năm 2025 là 38 người, bao gồm: 01 GS, 04 PGS, 19 TS và 14 ThS [H6.06.02.01].

Trong giai đoạn 2020 – 2025, tỷ lệ người học trên giảng viên cơ hữu quy đổi của ngành CNTP tại Trường ĐHQN khoảng 15/1, thấp hơn so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 28/02/2018 (tỷ lệ chuẩn quy đổi của khối ngành V là 20/1). Như vậy, tỷ lệ sinh viên trên giảng viên của chương trình đào tạo đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành [H6.06.02.02].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được Trường ĐHQN và Khoa KHTN hướng dẫn chi tiết và triển khai định kỳ. Trường ĐHQN đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về cách thức quy đổi này [H6.06.02.03], tạo cơ sở để Khoa KHTN hướng dẫn GV trong Khoa thực hiện một cách chính xác và thống nhất.

Hàng năm, dựa trên các quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH và bản mô tả vị trí việc làm, cùng với thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên, Trường Khoa – với sự tham mưu của Giám đốc chương trình và chủ trì ngành CNTP – sẽ thực hiện việc cân đối và phân công nhiệm vụ giảng dạy cũng như các công việc liên quan đến NCKH. Việc phân bổ này đảm bảo phù hợp với năng lực chuyên môn của từng giảng viên, giúp họ đáp ứng đủ giờ chuẩn theo quy định, đồng thời duy trì chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.02.03].

Số giờ giảng dạy và NCKH hằng năm của GV được Trường ĐHQN quy định cụ thể trong các văn bản về chế độ làm việc và Đề án vị trí việc làm [H6.06.02.03]. Tùy theo vị trí công tác, GV phải đảm bảo hoàn thành số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH theo quy định.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, khối lượng công việc của giảng viên được giám sát chặt chẽ. Hằng năm, GV kê khai chi tiết khối lượng công việc chuyên môn và NCKH để Khoa có cơ sở đánh giá, xếp loại viên chức [H6.06.02.04]. Dựa trên đó, Khoa đề ra các định hướng và giải pháp nhằm hỗ trợ GV cải tiến, phát triển hơn nữa trong các hoạt động chuyên môn.

NCKH là thế mạnh của đội ngũ giảng viên Khoa KHTN nói chung và giảng viên ngành CNTP nói riêng. Nhiều công trình đã được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, đồng thời giảng viên cũng chủ nhiệm nhiều đề tài cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ và các đề tài Nafosted. Các đề tài này không chỉ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của GV mà còn gắn kết với địa phương, đáp ứng mục tiêu phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó, GV còn tích cực hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình phục vụ công tác giảng dạy [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07], [H6.06.02.08].

Đối với những GV không hoàn thành đủ giờ chuẩn trong năm học, các chế độ đãi ngộ sẽ bị điều chỉnh: bị trừ phụ cấp ưu đãi, không được xét danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nếu không tham gia NCKH đủ định mức giờ chuẩn và bị trừ thu nhập tăng thêm theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường [H6.06.02.09].

Quy trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên được thực hiện nghiêm túc, có sự tham gia của Lãnh đạo Khoa và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường. GV tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành theo chức danh và nhiệm vụ được giao. Sau đó, Lãnh đạo Khoa tiến hành đánh giá, trước khi Hội đồng Thi đua – Khen thưởng xem xét, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.10].

Hằng năm, dựa trên khối lượng công việc và nhu cầu nâng cao trình độ của giảng viên, Khoa tiến hành phân tích, rà soát và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Trường trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện và ban hành quyết định cử giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch [H6.06.02.11].

## ***2. Điểm mạnh***

Tỷ lệ người học trên GV (NH/GV) và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, tuân thủ các quy định hiện hành về chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học. Việc phân công công việc cho từng GV trong Khoa được giám sát chặt chẽ bởi các đơn

vị chức năng của Trường, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành CNTP đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu mang tính ứng dụng cao, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn và đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành.

### **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể để lượng hóa các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng và định lượng cho các hoạt động này sẽ giúp GV có định hướng rõ ràng hơn trong việc tham gia và đóng góp cho cộng đồng. Đồng thời, điều này cũng tạo cơ sở cho công tác đánh giá, ghi nhận và khuyến khích các hoạt động phục vụ cộng đồng một cách hiệu quả và bền vững.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần xây dựng và ban hành các quy định cụ thể nhằm lượng hóa các hoạt động phục vụ cộng đồng, giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá và công nhận kết quả của các hoạt động này.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cần đẩy mạnh hơn nữa các nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng nhằm nâng cao uy tín học thuật của giảng viên và tăng cường hiệu quả phục vụ cộng đồng.	Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường xác định rằng chất lượng GV là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo. Do đó, các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển GV—bao gồm cả đạo đức nghề nghiệp và năng lực học thuật—được quy định rõ ràng trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN [H6.06.03.01], [H6.06.03.02].

Hằng năm, các khoa, phòng ban đề xuất kế hoạch và chỉ tiêu tuyển dụng, trên cơ sở đó, Trường xây dựng lộ trình quy hoạch số lượng và tiêu chí tuyển dụng cho từng vị trí việc làm. Các tiêu chí này được cụ thể hóa trong các văn bản chính sách nhân sự và bản mô tả vị trí việc làm [H6.06.03.03].

Bên cạnh tuyển dụng, công tác bổ nhiệm chức danh, điều chuyển và bổ nhiệm cán bộ quản lý cũng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quy định đối với giảng viên (GV cao cấp, GV chính, GS, PGS) cũng như các chức vụ quản lý như Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn. Trong giai đoạn 2020–2025, Trường đã triển khai hiệu quả công tác bổ nhiệm chức danh cho đội ngũ viên chức theo đúng lộ trình và quy định [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Tất cả các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển GV đều được công khai minh bạch trên website của Trường, giúp ứng viên dễ dàng tiếp cận thông tin và nắm rõ các quy định tuyển dụng. Đối với công tác bổ nhiệm chức danh và điều chuyển công tác, các thông báo chính thức được gửi đến từng đơn vị và cá nhân qua văn bản trực tiếp cũng như trên hệ thống E-Office của Nhà trường [H6.06.03.06], [H6.06.03.07].

Ngoài ra, công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với cá nhân và tập thể lao động cũng được thực hiện công khai, minh bạch thông qua các hình thức văn bản chính thức và hệ thống thông tin nội bộ của Trường [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Điều này góp phần tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và khuyến khích sự phát triển của đội ngũ GV.

**Bảng 6.2. Danh sách giảng viên tham gia đào tạo ngành CNTT được bổ nhiệm giai đoạn 2020 – 2025**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Vị trí/chức danh bổ nhiệm</b>	<b>Năm học bổ nhiệm</b>
-----------	------------------	----------------------------------	-------------------------

1	TS. Hoàng Đức An	GV chính	2020-2021
2	TS. Lê Duy Thanh	GV chính	2023-2024
3	Ths. Lê Thị Cẩm Nhung	GV chính	2023-2024
4	TS. Đặng Nguyên Thoại	GV chính	2020-2021
5	TS. Đinh Quốc Việt	GV chính	2023-2024
6	TS. Phan Thị Thùy Trang	GV chính	2020-2021
7	TS. Ngô Thị Thanh Hiền	GV chính	2020-2021
8	Ths. Đỗ Thị Diễm Thúy	GV chính	2023-2024

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường ban hành các văn bản quy định cụ thể về quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển giảng viên, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm, điều chuyển được công khai rộng rãi trên website của Trường và các phương tiện truyền thông, giúp ứng viên dễ dàng tiếp cận thông tin và nắm rõ quy trình, yêu cầu tuyển dụng. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa xây dựng các tiêu chí cụ thể về đóng góp cho cộng đồng trong các quy chế tuyển dụng giảng viên. Việc bổ sung các tiêu chí này sẽ giúp đánh giá toàn diện hơn về năng lực và trách nhiệm xã hội của GV, khuyến khích GV tích cực tham gia vào các hoạt động phục vụ cộng đồng, góp phần nâng cao uy tín và vai trò của Nhà trường đối với xã hội.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần xây dựng các tiêu chí cụ thể về đóng góp cho cộng đồng trong quy chế tuyển dụng GV, nhằm đảm bảo rằng đội ngũ GV không chỉ có chuyên môn vững vàng mà còn có ý thức trách	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2025	

		nhiệm xã hội.			
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường cần tiếp tục công khai minh bạch các thông tin và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm các chức danh một cách thường xuyên, định kỳ.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm 2025	

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu**

**Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trong những năm qua, vấn đề xây dựng đội ngũ GV đảm bảo về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt mà lãnh đạo Nhà trường quyết tâm thực hiện. Năng lực đội ngũ GV thực hiện CTĐT ngành CNTP được Trường xác định rõ và đáp ứng các quy định hiện hành. Đến năm 2024, đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm của BM KTHH-TP phần lớn được đào tạo tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Đây là nhân tố quyết định đến CLĐT của CTĐT ngành CNTP. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí về năng lực của GV, bao gồm tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy, NCKH,... trên cơ sở các quy định hiện hành: Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHQN, Quy chế tuyển dụng và sử dụng viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển công chức, viên chức giữ chức vụ quản lý [H6.06.04.03], [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]. Các ứng viên khi được tuyển làm GV của Trường ĐHQN đều phải đáp ứng các yêu cầu đặc thù nghề nghiệp, kỹ năng sư phạm, các tiêu chuẩn chuyên môn về học vị, trình độ ngoại ngữ, tin học, năng lực NCKH. Đồng thời, các GV phải củng cố, bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyên môn được phân công giảng dạy; dự giờ và chuẩn bị bài giảng; tự bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Trình độ ngoại ngữ, tin học và nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ GV ngày càng được nâng cao đã đáp ứng được yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Bên cạnh đó, thực hiện kế hoạch bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN, Khoa KHTN cũng đã xây dựng đề án vị trí

việc làm, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm một cách cụ thể, rõ ràng [H6.06.04.06]. Việc xác định rõ ràng tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ GV theo quy định hiện hành là cơ sở giúp Khoa cũng như Trường đánh giá chính xác năng lực về mọi mặt của từng GV.

Năng lực của đội ngũ GV được Nhà trường đánh giá hàng năm. Việc đánh giá đội ngũ GV hàng năm được Nhà trường căn cứ vào Quy định "Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV" và Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Khi kết thúc năm học, Nhà trường có công văn hướng dẫn các đơn vị tổ chức đánh giá, xếp loại đối với GV và người lao động [H6.06.04.09]. GV viết bản tự nhận xét, đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao về giảng dạy, nghiên cứu khoa học cùng các tiêu chí khác và được tập thể đơn vị đóng góp ý kiến tại cuộc họp ở các Bộ môn và ghi thành biên bản. Trường đơn vị nhận xét về kết quả tự đánh giá của GV, đánh giá những ưu điểm, nhược điểm trong công tác và quyết định phân loại viên chức [H6.06.04.10]. Trên cơ sở hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động, Trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.04.11]. Theo kết quả đánh giá hàng năm, tất cả GV của BM KTHH-TP đều hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng. [H6.06.04.11], [H6.06.04.12]. Bên cạnh đó, hoạt động giảng dạy của GV cũng được NH đánh giá cao [H6.06.04.13]. Đa số GV trong BM KTHH-TP có trình độ chuyên môn tốt, tích cực NCKH, thể hiện qua số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong đó, có các bài báo thuộc danh mục ISI và danh mục Scopus; nhiều GV chủ trì hoặc tham gia đề tài KH&CN các cấp [H6.06.04.14].

## ***2. Điểm mạnh***

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng. Nhiều GV được đào tạo ở các trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước nên có trình độ tiếng Anh tốt có thể đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm được Trường thực hiện nghiêm túc. Năng lực NCKH của GV được phát huy.

## ***3. Điểm tồn tại***

Các tiêu chí đánh giá năng lực phục vụ, đóng góp cho cộng đồng của GV chưa được quy định cụ thể.



#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, bổ sung các tiêu chí đánh giá năng lực phục vụ, đóng góp cho cộng đồng của GV	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN luôn xác định, đánh giá nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên. Hàng năm, Trường căn cứ vào khối lượng công việc của từng đơn vị, vị trí việc làm được Bộ GD&ĐT phê duyệt, thực trạng nhân lực và nhu cầu phát triển của từng đơn vị kết hợp với việc tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Khoa đã lập bảng đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của GV trong Bộ môn/Khoa và đề xuất lên Trường [H6.06.05.01].

Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, Trường và Khoa đã có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Cụ thể là Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H6.06.05.02]; Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.03]; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.04]. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHQN, Khoa KHTN đã tổ chức họp viên chức chủ chốt về xây dựng chiến

lược phát triển Khoa KHTN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.05.05].

Trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Trường ĐHQN và Khoa KHTN luôn tạo điều kiện thuận lợi cho GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu, trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Để khuyến khích, tạo điều kiện cho GV đi học tập nâng cao trình độ, Trường ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ: Quy định chế độ về thời gian đối với cán bộ quản lý, GV tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; Quy định về chế độ hỗ trợ kinh phí đối GV đi học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai đề tài NCKH; Quy định về mức thưởng cho các GV bảo vệ thành công luận án TS; Quy định về mức hỗ trợ GV tham dự Hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài và tham gia các đề tài/trao đổi khoa học trong nước và nước ngoài [H6.06.05.10], [H6.06.05.11]. Trong những năm gần đây, Trường đã cử nhiều GV của BM KTHH-TP đi học cao học, NCS tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước. Trường cũng cử GV tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cử GV tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H6.06.05.01], [H6.06.05.06], [H6.06.05.07], [H6.06.05.08], [H6.06.05.09]. Trường và Khoa đã, đang và tiếp tục củng cố, xúc tiến hợp tác với các Đối tác, các Tổ chức, các trường Đại học trong và ngoài nước như Erasmus, Trường KU Leuven Vương Quốc Bỉ...thực hiện các dự án nhằm nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy và NCKH cho GV như dự án IUC [H6.06.05.03].

Căn cứ vào nội dung được ban hành trong kế hoạch cũng như các công việc được triển khai tương ứng, Trường cũng đã giám sát và có đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV hàng năm thông qua Hội nghị đại biểu Công chức, viên chức hàng năm. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy cũng được Trường chú trọng nhằm giúp GV trau dồi kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo NH [H6.06.05.12], [H6.06.05.13], [H6.06.05.14].

## ***2. Điểm mạnh***

Nhà trường và Khoa KHTN đã tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Nhà trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV. Đồng thời cũng đã giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc báo cáo, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chưa được thường xuyên.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện báo cáo, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm thường xuyên hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có kế hoạch dài hạn về đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCKH (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu hóa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Khoa KHTN lập kế hoạch hàng năm về giảng dạy và NCKH, đồng thời tổ chức các cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho từng GV. Sau khi được trường phê duyệt, phòng Đào tạo Đại học sẽ dựa trên kế hoạch này để lên lịch giảng dạy chi tiết và phân công GV cho từng môn học [H6.06.06.01]. Khoa sẽ xem xét khối lượng giảng dạy trường giao, hồ sơ năng lực GV, thống kê công việc cá nhân và bản mô tả vị trí việc làm để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định tổ chức đào tạo của trường [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]. Tại trường ĐHQN và Khoa KHTN nói riêng, GV thực hiện công việc giảng dạy theo kế hoạch và phân công của Trường, Khoa. Hoạt động NCKH do GV chủ động thực hiện, từ đăng ký, chủ trì, tham gia đến sắp xếp thời gian và lên kế hoạch. Nhà trường đánh giá NCKH dựa trên số giờ nghiên cứu, kết quả đề tài, dự án và báo cáo định kỳ [H6.06.06.04].

Trường ĐHQN triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường có quy định cụ thể về chế độ làm việc và khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng chức danh GV [H6.06.06.05]. Để cải thiện hoạt động NCKH, Nhà trường thường

xuyên tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của GV, đồng thời triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng [H6.06.06.04], [H6.06.06.06]. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV sẽ được chính GV tự đánh giá, trên cơ sở đó Khoa sẽ góp ý đánh giá theo hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về thi đua, khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét khen thưởng [H6.06.06.07], [H6.06.06.08], [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Kết quả về giảng dạy và NCKH của GV được quản lý bằng các phần mềm quản lý đào tạo và phần mềm quản lý khoa học công nghệ của Trường. Kết quả giảng dạy còn được giám sát thông qua ý kiến phản hồi của NH đối với hoạt động giảng dạy của từng GV hàng năm [H6.06.06.11]. Hiện nay, Trường đang xây dựng KPIs để theo dõi đánh giá hiệu quả công việc cũng như làm căn cứ cho công tác thi đua khen thưởng hàng năm, qua đó GV có kế hoạch phấn đấu trong các năm tiếp theo.

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ được công nhận danh hiệu thi đua như lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua; được đề xuất tặng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Tỉnh,... thông qua việc xét thi đua khen thưởng hàng năm [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]. Kết quả xét thi đua khen thưởng hàng năm, 100% GV của Bộ môn đạt danh hiệu lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đều hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận từ các cấp có thẩm quyền. Những cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được xét tăng lương trước hạn. Việc ghi nhận thành tích và khen thưởng kịp thời đối với GV đã tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.06.12], [H6.06.06.13], [H6.06.06.14], [H6.06.06.15]. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua khen thưởng hàng năm, lãnh đạo Khoa, Trường tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động đối với GV. Kết quả đánh giá xếp loại GV là căn cứ để Nhà trường chi trả thu nhập tăng thêm cho GV, góp phần động viên, khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.07], [H6.06.06.12], [H6.06.04.10]. Nhà trường cũng có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của các GV theo chức danh. Trong 1 năm công tác, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải đảm bảo đủ giờ NCKH [H6.06.06.05]. Trên cơ sở đó, Trường có quy định khen thưởng đối với các công trình công bố trên các Tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục ISI [H6.06.06.12]. Trong giai đoạn 2020-2025, nhiều GV của Bộ môn được khen thưởng về số bài báo công bố quốc tế [H6.06.06.14]. Trường cũng có nhiều chế độ khuyến khích GV xây dựng và tham gia các dự án Quốc tế, tham gia thực hiện nhiều đề tài NCKH cũng như các dự án ứng dụng thực tiễn, phục vụ cộng đồng [H6.06.06.05], [H6.06.04.14], [H6.06.06.16].

## **2. Điểm mạnh**

Trường và Khoa KHTN quản lý công việc của GV hiệu quả, minh bạch qua phần mềm trực tuyến, đảm bảo sự hài lòng về đánh giá và khen thưởng.

## **3. Điểm tồn tại**

Trường chưa có các mức định lượng khen thưởng đối với các cá nhân, nhóm nghiên cứu có thành tích NCKH vượt trội.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng quy định về các mức định lượng khen thưởng cho các cá nhân, nhóm nghiên cứu có nhiều công trình NCKH xuất sắc.	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Hoàn thiện hệ thống KPIs để đánh giá và khen thưởng GV, từ đó phát huy năng lực cá nhân. - Tiếp tục thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng chặt chẽ, minh bạch, công khai.	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH, Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định đây là hoạt động chủ yếu để nâng cao chất lượng GV và chất lượng giảng dạy. Trong giai đoạn 2020-2025, Khoa KHTN và Nhà trường đặc biệt chú trọng đến các loại hình NCKH. Cụ thể, GV được khuyến khích tham gia các đề tài NCKH ở các cấp độ, từ cấp trường, cấp tỉnh đến cấp bộ và cấp nhà nước. Bên cạnh đó, việc xuất bản sách chuyên khảo, biên soạn giáo trình, tổ chức seminar và hướng dẫn NCKH cho SV cũng được đẩy mạnh. Tất cả các loại hình nghiên cứu này đều được quy định rõ ràng trong Quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHQN, nhằm đảm bảo tính

hệ thống và hiệu quả cho hoạt động NCKH **[H6.06.07.01]**. Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu về hoạt động NCKH cụ thể (tham gia đề tài NCKH các cấp, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH, viết sách, viết giáo trình, seminar, hội thảo...) đảm bảo số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Gần đây, GV của Khoa đã tích cực tham gia dự án Quốc tế IUC do tổ chức VLIR-OUS (Bi) tài trợ (kinh phí 600.000 Eur/năm), đây là dự án hợp tác với các chuyên gia phía Bỉ để nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ nhằm nâng cao sinh kế cho người dân vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tham gia đề tài NCKH cấp Nhà nước “Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức lãnh thổ liên vùng Tây Nguyên- Nam Trung bộ theo lưu vực sông nhằm phát triển bền vững nông lâm nghiệp” và các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Trường; nhiệm vụ khoa học cấp Bộ... do GV trong Khoa là chủ nhiệm đề tài. Trong 5 năm gần đây, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE được khen thưởng của Khoa ngày càng tăng **[H6.06.07.02]**, **[H6.06.07.03]**, **[H6.06.07.04]**, **[H6.06.07.05]**.

Để đảm bảo số lượng và chất lượng NCKH của GV, Trường và Khoa thường xuyên tổ chức tổng kết, đánh giá vào cuối mỗi năm học. Các hoạt động này được thể hiện qua việc quy định về thời gian làm việc, giờ giảng dạy và NCKH; tuyển chọn đề tài NCKH các cấp; thống kê các công trình NCKH công bố trong nước và quốc tế; thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2020-2025; thống kê số giờ NCKH của GV; và thống kê danh mục giáo trình giáo dục đại học đã được phê duyệt **[H6.06.07.02]**, **[H6.06.07.06]**, **[H6.06.07.07]**, **[H6.06.07.08]**, **[H6.06.07.09]**. Trên cơ sở đó, Khoa và Trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hàng năm đảm bảo chính xác và công bằng **[H6.06.07.10]**. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV cũng luôn được thẩm định bởi một Hội đồng tư vấn và nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV. Đặc biệt, các chương trình, dự án quốc tế như chương trình IUC, dự án SI, MOMA, Trường đã thành lập một Ban quản lý riêng cho chương trình và dự án, để giám sát theo dõi đảm bảo các chương trình và dự án hoạt động một cách hiệu quả, thành công. Các ấn phẩm khoa học của GV được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có phản biện kín nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2020 đến nay, mỗi năm GV trong Bộ môn, trong Khoa đều có một số bài viết của GV đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE **[H6.06.07.03]**. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá nghiệm thu các đề tài NCKH các cấp, kết quả biên soạn sách và giáo trình cũng như kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH **[H6.06.07.11]**, **[H6.06.07.12]**, **[H6.06.07.13]**. Nhà trường luôn chú trọng đến việc đầu tư, nâng cấp nhiều trang thiết bị để phục vụ cho việc NCKH của GV

và SV; bên cạnh đó, nhiều GV trong Bộ môn chủ trì, tham gia dự án, đề tài NCKH trong nước và quốc tế đã hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề NCKH SV và khóa luận tốt nghiệp/ thực tập tốt nghiệp [H6.06.07.14], [H6.06.07.15], [H6.06.07.16]. Hàng năm các cán bộ GV đều được Trường yêu cầu cập nhật lý lịch khoa học cá nhân lên trên phần mềm quản lý khoa học [H6.06.07.17]. Ngoài ra, Nhà trường cũng ban hành Sổ tay NCKH [H6.06.07.18]. Để kiểm tra, giám sát hoạt động NCKH, Trường thống kê các số liệu về số lượng, loại hình, kinh phí thực hiện của GV. Đồng thời, Khoa và Trường khuyến khích GV hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia trong và ngoài nước. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng xây dựng bản mô tả vị trí công việc của GV để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ [H6.06.07.19], [H6.06.07.20].

## **2. Điểm mạnh**

Có các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV. Các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV được xác lập, giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng.

## **3. Điểm tồn tại**

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa/Bộ môn khác trong và ngoài trường còn chưa phong phú, chưa có nhiều đề tài, dự án NCKH ứng dụng và chuyển giao KHCN.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế, và các bài báo có tính liên ngành, tham gia nhiều đề tài, dự án NCKH ứng dụng, chuyển giao KHCN.	Khoa KHTN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường về số lượng và chất lượng các loại hình và hoạt động NCKH của GV.	Khoa KHTN	Từ năm 2025	

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6***

Khoa KHTN và Trường ĐHQN luôn chú trọng quy hoạch đội ngũ GV, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng chuyên môn, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc được phân công rõ ràng, minh bạch, được giám sát qua phần mềm trực tuyến, đảm bảo sự hài lòng của GV về đánh giá và khen thưởng. Trường khuyến khích NCKH, có quy định bù giờ NCKH, và tạo điều kiện cho GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn. GV của Khoa đạt nhiều thành tích NCKH, công bố trên các tạp chí uy tín. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện công khai, minh bạch. Tuy nhiên, Trường cần bổ sung quy định cụ thể về đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng, tiêu chí khen thưởng NCKH vượt trội, và tăng cường hoạt động NCKH liên ngành, ứng dụng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí và đều đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

### ***Mở đầu***

Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học là một trong những vấn đề đã và đang nhận được rất nhiều sự quan tâm từ các quốc gia, các tổ chức và đặc biệt là các cơ sở đào tạo trong nhiều năm qua. Đánh giá chất lượng giáo dục đại học được xem xét ở nhiều tiêu chuẩn khác nhau như chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự giảng dạy, nhân sự hỗ trợ người học, các biện pháp cải tiến chất lượng... Trong đó, xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo và thực hiện mục tiêu chiến lược của mỗi trường đại học được xem là một trong những yêu cầu quan trọng. Có nhiều tiêu chuẩn mang tính quốc tế, vùng, quốc gia và mang tính đặc thù của từng trường đã và đang được áp dụng để đánh giá được chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, bao gồm đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Do vậy, để đảm bảo sự đánh giá mang tính toàn diện đội ngũ nhân viên các trường đòi hỏi có sự kết hợp với những tiêu chí cụ thể nhất định.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***



Trước tình hình dự báo đánh giá về thực trạng nhân sự thể hiện trong Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 20/1/2017 về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 của Hội đồng Trường [H7.07.01.01], Quyết định về việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN giai đoạn 2019 - 2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.02], các văn bản về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị [H7.07.01.03], các Kế hoạch về rà soát, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN năm 2019 [H7.07.01.04], Nghị quyết số 16/NQ-ĐHQN-HĐT ngày 08/4/2020 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và ban hành Danh mục vị trí việc làm của Trường ĐHQN (ban hành kèm theo quyết định), [H7.07.01.05], Công văn số 01-ĐA/ĐU ngày 27/4/2016 về việc triển khai thực hiện "Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và Nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo giai đoạn 2015–2020" [H7.07.01.06]. Hằng năm, trên cơ sở khảo sát sự đánh giá, phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên các phòng ban, Khoa, Viện, Trung tâm, Trường thực hiện phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]. Trường và Khoa đã ban hành các văn bản triển khai kế hoạch thực hiện Đề án vị trí việc làm và tiến hành việc quy hoạch đội ngũ cán bộ, viên chức nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc chuyên môn trong bối cảnh phát triển quy mô của Trường [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chú trọng đến chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác). Trường thường xuyên thực hiện rà soát nhu cầu và lập danh sách, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên, thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ nhân viên các phòng ban, viện, thư viện, phòng thí nghiệm, như: tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ, tham quan học tập, thi nâng ngạch viên chức, tham dự hội nghị, hội thảo chuyên môn... [H6.06.06.06], [H6.06.06.09], [H7.07.01.15]. Thư viện trường đã triển khai Đề án đổi mới hoạt động theo hướng hiện đại phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới trên cơ sở kế hoạch, chiến lược phát triển và các văn bản chỉ đạo. Nhà trường đã ban hành Quyết định Điều chỉnh tên của Thư viện Trường ĐHQN [H7.07.01.16], [H7.07.01.17]. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) luôn được Nhà trường và Khoa chú trọng. Hiện nay, Thư

viện có 15 viên chức trong đó, ngoài Ban lãnh đạo có 3 người, còn có 12 chuyên viên, được biên chế về 2 tổ: Tổ nghiệp vụ và tổ phục vụ bạn đọc [H7.07.01.18]. Các nhân viên thư viện đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, ... của cán bộ GV, học viên và SV trong toàn Trường nói chung và Khoa KHTN nói riêng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ và phục vụ đào tạo tại khoa KHTN có 06 người, gồm có 02 nhân viên làm công tác trợ lý và thư ký, 01 nhân viên phụ trách các phòng thí nghiệm Sinh học, 01 nhân viên phụ trách các phòng thí nghiệm, thực hành Vật lý – KHVL, 01 nhân viên phụ trách các phòng thí nghiệm Hóa học, 01 nhân viên phụ trách các phòng thực hành CNTP. Khoa và Trường có những phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên và có kế hoạch thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hàng năm [H7.07.01.12], [H7.07.01.19], [H7.07.01.20]. Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các đơn vị như: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trung tâm tin học (phòng máy tính, phòng thực hành tin học), Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu ứng dụng Khoa học và Công nghệ đều được cơ cấu đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phục vụ đào tạo và các hoạt động hỗ trợ NH [H7.07.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Chính sách thu hút, tuyển dụng ở một số vị trí việc làm yêu cầu trình độ chuyên môn cao chưa được chú trọng (làm việc tại phòng thí nghiệm).

## **4. Kế hoạch hành động**

- Cần chú trọng xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng ở một số vị trí việc làm yêu cầu trình độ chuyên môn cao.

- Tiếp tục tạo điều kiện để đội ngũ NV học tập nâng cao trình độ, tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: 5/7**

## ***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường và Khoa Khoa học Tự nhiên rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Trên cơ sở Kế hoạch bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm Trường ĐHQN 2019 và Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành 2020 [H7.07.02.02]. Theo đó, hàng năm, căn cứ theo thông báo của Nhà trường về việc tuyển dụng viên chức và người lao động, Trường đơn vị tiến hành thông báo về các bộ phận (tổ/bộ môn). Bộ phận có nhu cầu tuyển viên chức sẽ tiến hành đề xuất số lượng viên chức cần tuyển cũng như các yêu cầu đối với viên chức. Tiếp đến, Trường đơn vị tiến hành thông báo rộng rãi trong toàn đơn vị về cơ cấu nhân sự cần tuyển dụng để lấy ý kiến toàn thể GV và nhân viên. Sau đó, Khoa gửi tờ trình để Nhà trường xem xét, tổng hợp và ra thông báo tuyển dụng [H7.07.02.03].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường phổ biến tới toàn thể cán bộ và công khai minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị thuộc Trường. Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, căn cứ tờ trình về nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các phòng, khoa, viện, trung tâm, Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng. Quy trình và kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch bằng văn bản đến các đơn vị trong toàn Trường cũng như đăng tải trên website của Nhà trường

[H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan về vị trí việc làm của nhân viên, được thực hiện theo quyết định ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại trường ĐHQN [H7.07.02.05], Khoa KHTN đã thực hiện bản mô tả vị trí việc làm của cán bộ giảng viên và nhân viên, phối hợp cùng thống kê thực trạng nhân lực của Khoa KHTN mới nhất (2022), trên cơ sở đó phân công nhiệm vụ hợp lý dựa theo trình độ chuyên môn, kịp thời phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên, làm căn cứ đề xuất với Nhà trường nếu có nhu cầu điều chuyển, tuyển dụng nhân viên mới.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch/Thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tăng cường công khai các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên một cách rộng rãi hơn trên nhiều phương diện thông tin.

## **5. Tự đánh giá: 5/7**

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, căn cứ quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01]. Nhà trường thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký [H7.07.03.02]. Việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, nhân viên trình bày báo cáo kết quả công tác tại cuộc họp

của đơn vị để đồng nghiệp tham dự đóng góp ý kiến và ban lãnh đạo Khoa hoặc Lãnh đạo đơn vị chức năng đánh giá và sau đó Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường tổ chức họp bình xét và công bố kết quả bằng văn bản đến cá nhân, đơn vị [H7.07.03.03]. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học, cán bộ, GV cũng là cơ sở quan trọng để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn. Hoạt động này được thực hiện định kỳ hàng năm. Về phía Khoa KHTN, trên cơ sở Thông báo đánh giá và phân loại viên chức, NLD hàng năm của phòng Tổ chức – Nhân sự, giảng viên, cán bộ nhân viên của Khoa sẽ đăng ký danh hiệu thi đua đầu năm theo biểu mẫu quy định, Khoa KHTN sẽ tổ chức một cuộc họp đăng ký danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với tập thể và đối với cá nhân. Nội dung cuộc họp được xác định bằng biên bản gửi lên Phòng Tổ chức – nhân sự lưu trữ [H7.07.03.02]. Trong năm học, căn cứ danh hiệu thi đua đã đăng ký, những tiêu chí được quy định trong Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và các đơn vị thuộc Trường ĐH Quy Nhơn, những cá nhân nói riêng và Tập thể Khoa Khoa học tự nhiên nói chung đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Nhà trường giao cho. Cuối mỗi năm học năm học, dựa vào Thông báo về việc hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, Ban chủ nhiệm Khoa tổ chức cuộc họp báo cáo những công tác, thành tích đạt được trong một năm học, thể hiện dưới dạng văn bản, từ đó đề nghị Nhà trường xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến hàng năm. Trong các năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa Khoa học Tự nhiên đều được đánh giá hoàn thành tốt/ xuất sắc nhiệm vụ và hàng năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có những cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua. Năm học 2020-2021, Tập thể Khoa Khoa học Tự nhiên vinh dự là 01 trong 27 đơn vị của Nhà trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” [H7.07.03.03]. Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên được Nhà trường quản lý, theo dõi để thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với viên chức trong Nhà trường, làm cơ sở để nâng lương và đánh giá tuyển chọn, khen thưởng những viên chức có thành tích tốt, nổi bật [H6.06.07.17].

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa KHTN nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm.

Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Tuy hàng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh

hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên và xem đây là kênh tham khảo để đánh giá, phân loại nhân viên, góp phần nâng cao CLĐT theo hướng toàn diện.

Luôn đảm bảo thực hiện đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên hàng năm. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hơn nữa, hồ sơ, lý lịch nhân viên tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ, thường xuyên hơn.

#### **5. Tự đánh giá: 5/7**

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường và Khoa triển khai và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên để đáp ứng mục tiêu chung của Trường đã đề ra. Trường ĐHQN đã xác định rõ các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức hành chính: đào tạo trình độ đại học, ThS, TS; bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác được thể hiện trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn năm 2030 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên bao gồm: Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ, trong đó có 20% chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính và xây dựng đội ngũ chuyên viên và phục vụ đào tạo đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, hàng năm, Trường ĐHQN đều có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung

và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường [H7.07.04.02], [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Trường tiến hành rà soát, xác định và trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ viên chức hàng năm để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên và Trường đã đáp ứng kịp thời nhu cầu nâng hạng chuyên viên chính của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02], [H7.07.04.03]. Trường ĐHQN có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.05], [H7.07.04.06]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## **2. Điểm mạnh**

Trường luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị hàng năm.

Trường tổ chức các khóa tập huấn và cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên các đơn vị hàng năm.

Các khóa tập huấn do Trường tổ chức phù hợp với yêu cầu công việc và hài lòng của người tham dự.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh giao tiếp và học thuật cho nhân viên còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh cho đội ngũ nhân viên như: các khóa ngắn hạn về tiếng Anh giao tiếp, tiếng Anh học	Trường ĐHQN	Hàng năm	

		thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên có nhu cầu học văn bằng 2 tiếng Anh,...			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ.	Trường ĐHQN	Hàng năm	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường ĐHQN đã ban hành các văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Đề án triển khai xây dựng vị trí việc làm của Trường trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của đơn vị, các Khoa/Phòng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Khoa/Phòng, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo [H7.07.05.03]. Trong khuôn khổ xây dựng đề án vị trí việc làm, từng nhân viên đã xác định khối lượng công việc cụ thể của từng cá nhân, điều kiện đảm bảo để thực hiện công việc và các phẩm chất năng lực chuyên môn cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ của vị trí việc làm đang đảm nhận. Đây chính là cơ sở để *mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao* [H7.07.05.03].

Bên cạnh đó, Trường luôn theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công nhằm tạo động lực cho NV trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.05.04], [H7.07.05.05].

Theo quy định của Trường, hàng năm, tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể thực hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và được Trường công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua



toàn quốc, giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.05.06], [H7.07.05.07]. Ngoài ra, Trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu thi đua (Chiến sĩ thi đua các cấp), được nhận các hình thức khen thưởng (bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,...) nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.08], [H7.07.05.09], [H7.07.05.10]. Đặc biệt, Trường luôn quan tâm đến những viên chức có thành tích xuất sắc, được Hiệu trưởng khen thưởng đột xuất, đây là nguồn động viên khích lệ kịp thời cho những viên chức trong công việc [H7.07.05.11], [H7.07.05.12].

Các quy định về nhiệm vụ của nhân viên, các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hàng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H7.07.05.13], [H7.07.05.14]. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Quy trình trên đã giúp Trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc, nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.13].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng về khối lượng công việc cụ thể của nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã được xác định và phân công.

Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng và góp ý quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

## **3. Điểm tồn tại**

Các tiêu chí để đánh giá định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhân viên chưa rõ ràng, chính xác.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>

1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể, có tính định lượng để đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhân viên	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện xây dựng KPIs để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên.	Trường ĐHQN	Từ năm 2025	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

***Kết luận về Tiêu chuẩn 7***

Trường và Khoa đã có các phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên cũng như ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường/Khoa đã được chú trọng cơ cấu đủ về số lượng và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa KHTN nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm. Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được quy định cụ thể, đúng quy định Nhà nước. Kết quả đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hàng năm đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định.

Ngoài ra, Nhà trường luôn xác định về nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên ở các đơn vị hàng năm, trên cơ sở đó Trường có kế hoạch triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Trường có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng về khối lượng công việc cụ thể của nhân viên, đồng thời triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định cụ thể đã được xác định và phân công.

Tuy nhiên, Nhà trường đã có những khảo sát về sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên nhưng chưa xem đây như là kênh

thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, phân loại nhân viên. Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Nhà trường chưa xây dựng được các tiêu chí để đánh giá định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhân viên. Ngoài ra, mặc dù Nhà trường có triển khai bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên nhưng hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh cho nhân viên còn hạn chế.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 8. NH và hoạt động hỗ trợ NH**

### ***Mở đầu***

Hòa cùng chủ trương tuyển sinh chung của Nhà trường, Khoa Khoa học Tự nhiên và Bộ môn Công nghệ Thực phẩm đã xây dựng một chính sách tuyển sinh minh bạch, rõ ràng và được cập nhật thường xuyên mỗi năm. Các tiêu chí và phương thức xét tuyển được thiết kế để đảm bảo tính công bằng, đúng quy định. Nhà trường và Khoa cũng có hệ thống giám sát chặt chẽ để theo dõi quá trình học tập, rèn luyện cũng như kết quả và khối lượng học tập của sinh viên qua từng học kỳ. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện một cách kịp thời, liên tục và đa dạng. Bên cạnh việc học tập, sinh viên còn có cơ hội tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan thực tế, thể thao và văn nghệ. Nhà trường cung cấp môi trường học tập lý tưởng với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, bao gồm các phòng thí nghiệm, vườn thực nghiệm, trại thực nghiệm, nhà thi đấu đa năng, sân bóng, thư viện... Những điều kiện này không chỉ phục vụ cho học tập và nghiên cứu mà còn tạo không gian thư giãn, giúp nâng cao chất lượng học tập và đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của sinh viên.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.***

### ***1. Mô tả***

Ngành Công nghệ thực phẩm của Trường ĐHQN đã tuyển sinh được 05 khóa và đã đào tạo được 01 khóa sinh viên tốt nghiệp kể từ khi thành lập. Trong suốt những năm qua, ngành Công nghệ thực phẩm luôn tuân thủ đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và cập nhật hàng năm trong kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Các hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển cùng các thông tin liên quan đều được quy định rõ ràng và công khai trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của

Nhà trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh, nhằm giới thiệu về Trường ĐHQN, các ngành đào tạo của Trường và đặc biệt là ngành Công nghệ thực phẩm cho học sinh tại các trường THPT ở tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên, trong các buổi tư vấn do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.04], [H8.08.01.05]. Chính sách và quy định về tuyển sinh như đối tượng tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển, điểm xét tuyển và điểm chuẩn đầu vào được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường và được cập nhật hàng năm [H8.08.01.06], [H8.08.01.07].

Ngoài các hoạt động tư vấn tuyển sinh riêng biệt, Nhà trường còn phối hợp tích cực với các đơn vị truyền thông, như Báo Tuổi trẻ, để tổ chức các Chương trình Ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp ngay tại Trường ĐHQN [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Trường ĐHQN áp dụng hai phương thức xét tuyển đối với ngành Công nghệ Thực phẩm, bao gồm xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển theo điểm học bạ THPT [H8.08.01.02]. Mỗi năm, Nhà trường công bố chỉ tiêu, cách thức xét tuyển và các mốc thời gian quan trọng mà thí sinh cần lưu ý qua các ấn phẩm như sổ tay tuyển sinh hay tờ rơi tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.05], [H8.08.01.06].

Đồng thời, Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, trong đó có sự tham gia góp ý của giảng viên tại các cuộc họp cấp Khoa và của Hội đồng tuyển sinh trường [H8.08.01.07]. Chính sách tuyển sinh hàng năm được điều chỉnh và cập nhật dựa trên các dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực của ngành Công nghệ Thực phẩm. Khoa cũng tổ chức các hội thảo về đánh giá chương trình đào tạo, khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ Thực phẩm và các thông tin tuyển dụng, từ đó đề xuất các định hướng tuyển sinh cho ngành trong những năm tới [H8.08.01.08]. Với chính sách tuyển sinh minh bạch và hiệu quả, trong 5 năm qua, Trường ĐHQN đã đạt được số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển và nhập học thực tế cho ngành Công nghệ Thực phẩm như đã được thống kê trong Bảng 8.1 [H8.08.01.09], [H8.08.01.10].

**Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh của ngành Công nghệ Thực phẩm**

<b>Năm học</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh</b>	<b>Số thí sinh đăng ký vào ngành Công nghệ Thực</b>	<b>Số trúng tuyển</b>	<b>Số nhập học thực tế</b>
----------------	----------------------------	---	-----------------------	----------------------------

		phẩm		
<b>2020- 2021</b>	100	120	43	
<b>2021-2022</b>	150	200	56	
<b>2022-2023</b>	150	180	103	
<b>2023-2024</b>	150	190	105	
<b>2024-2025</b>	150	210	141	

*Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học, Trường ĐHQN*

## **2. Điểm mạnh**

Chính sách và qui chế về tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành Công nghệ thực phẩm nói riêng là rõ ràng, đúng quy định và được cập nhật hàng năm. Chính sách tuyển sinh được lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) từ đó giúp cho Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có đủ điều kiện, đánh giá được năng lực của SV trúng tuyển.

Chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên, giúp cho người học có thể nắm bắt thông tin về ngành học, chương trình học tập, thời gian đào tạo từ đó tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay khi nhập học.

Cùng với sự hỗ trợ tư vấn tuyển sinh hàng năm của Nhà trường, đồng thời có sự trao đổi thông tin của các bên tuyển dụng, Bộ môn và Khoa cũng đã cập nhật thông tin và thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo. Do vậy trong 5 năm thực hiện tuyển sinh số lượng luôn tăng theo từng năm học. Điều này có thể do công tác quảng bá, tuyên truyền qua tư vấn tuyển sinh về ngành Công nghệ thực phẩm chuẩn bị khá tốt. Hình thức tổ chức thích hợp nên học sinh ở trường THPT đã hứng thú, đam mê về ngành Công nghệ thực phẩm. Công tác tư vấn tuyển sinh đã tiếp cận được phụ huynh người học và đã có sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô giáo ở trường phổ thông trong việc quảng bá về ngành Công nghệ thực phẩm. Ngoài ra, trong những năm gần đây do Qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT xét điểm học bạ THPT kết hợp với xét điểm thi tốt nghiệp đối với ngành Công nghệ thực phẩm là chủ yếu, vì vậy, HS có nhiều cơ hội lựa chọn vào ngành Công nghệ thực phẩm và đây là ngành có nhiều chuyên ngành hẹp đáp ứng được nhu cầu xã hội ngày nay nên sau khi sinh viên tốt nghiệp sẽ có cơ hội việc làm tốt. Do đó, số lượng SV ngành Công nghệ thực phẩm nhập học của Khoa có xu hướng tăng qua các năm và chất lượng tuyển sinh khá.

### 3. Điểm tồn tại

Mặt dù có nhiều tín hiệu tích cực trong công tác tuyển sinh ngành Công nghệ thực phẩm trong suốt 5 năm qua. Tuy nhiên để có một quy trình tuyển sinh hiệu quả, chất lượng và số lượng sinh viên đăng ký vào ngành Công nghệ thực phẩm ngày càng tăng thì Nhà trường và Khoa Khoa học Tự nhiên cũng như Bộ môn luôn có những thay đổi về chương trình đào tạo và trang thiết bị thí nghiệm phù hợp hơn cho ngành Công nghệ thực phẩm. Mặt khác Bộ môn chưa kết nối được nhiều với nhà tuyển dụng việc làm cho ngành công nghệ thực phẩm. Vấn đề này cần được chú trọng để công tác tuyển sinh người học ngành công nghệ thực phẩm sẽ bền vững và đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động hiện tại.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh hoạt động về học tập, nghiên cứu khoa học, thực tập, thực tế của SV ngành Công nghệ thực phẩm trên website, fanpage của Khoa và trên facebook của Bộ môn để quảng bá hình ảnh hoạt động của ngành Công nghệ thực phẩm và của Khoa đến với người học. Tăng cường hoạt động tư vấn tuyển sinh với nhiều hình thức thích hợp gây sự hứng thú và đam mê đối với HS ở các trường THPT.  Tổ chức các buổi Hội thảo để lĩnh hội những góp ý của các bên liên quan về CTĐT, tuyển sinh của Khoa và của ngành Công nghệ thực phẩm.	Khoa KHTN	Từ năm học 2022 – 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật chính sách và quy định tuyển sinh của Trường ĐHQN nói chung và của ngành Công nghệ thực phẩm	Khoa KHTN Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

		nói riêng hàng năm. Xác định số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh để có thể tuyển được thí sinh có đủ năng lực. Tiếp tục công khai chính sách và quy định tuyển sinh thông qua các video giới thiệu về ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, tăng cường tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp... Thực hiện kết nối với fanpage của các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên để cung cấp các thông tin tuyển sinh liên quan của Khoa và Trường.			
--	--	---	--	--	--

### **5. Tự đánh giá**

**Đạt, mức 5/7.**

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, Trường ĐHQN nói chung và Khoa KHTN nói riêng tiến hành xây dựng chính sách tuyển sinh trong các đề án tuyển sinh, trong đó xác định rõ ràng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Trước đây, người học được tuyển chọn dựa vào kết quả thi tuyển sinh đại học, nhưng từ năm học 2020-2021 đến nay, việc tuyển sinh vừa dựa vào điểm thi THPT Quốc gia, vừa dựa vào điểm xét tuyển học bạ của người học [H8.08.02.01].

Để tạo căn cứ cho việc tuyển sinh và phân tích tình hình tuyển sinh qua các năm, Nhà trường đã lưu trữ dữ liệu thống kê về số lượng SV nhập học qua các năm [H8.08.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành thống kê và phân loại thông tin của các thí sinh trúng tuyển theo địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.03]. Việc xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường cũng được dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan đối với các ngành đào tạo [H8.08.02.04], đồng thời thông qua việc khảo sát cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra của CTĐT để điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào phù hợp [H8.08.02.04].

Ngoài ra, Khoa KHTN và Bộ môn Kỹ thuật Hóa học – Thực phẩm, sau mỗi đợt tuyển sinh tổ chức họp nhằm rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất cho Nhà trường về việc điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp dựa trên sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan [H8.08.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, có cơ sở khoa học và được công khai. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường và Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

## **3. Điểm tồn tại**

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học chưa đạt kế hoạch đề ra; Chất lượng đầu vào thấp dẫn đến kết quả học tập chưa cao. Một số SV trong quá trình đào tạo còn chưa thực sự hứng thú với ngành học. Vì vậy có trường hợp bỏ học hoặc kéo dài thời gian tốt nghiệp.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ kết hợp với Nhà trường tiến hành đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận. Kết hợp với Nhà trường đưa ra các hình thức thu hút các SV có điểm đầu vào nhập học cao như tặng học bổng, hỗ trợ tiền ở ký túc xá, nghiên cứu khoa học.... Hỗ trợ cho các đối tượng chính sách và SV có hoàn cảnh khó	Khoa KHTN, Trường ĐHQN.	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	



		khẩn, cam kết về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các hình thức tư vấn, quảng bá tuyển sinh thích hợp. Thường xuyên giới thiệu các hình ảnh hoạt động của SV ngành Công nghệ thực phẩm, các hoạt động của Trường, Khoa. Liên kết với các cơ quan tuyển dụng, tìm cơ hội việc làm cho SV. Đồng thời công bố rộng rãi các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đến học sinh.	Khoa KHTN.	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	

### **5. Tự đánh giá:**

**Đạt, mức 6/7.**

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Dựa trên các quy chế, quy định của BGD&ĐT, Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thể hiện cụ thể, chi tiết qua các mốc chuẩn tham chiếu, các nguồn minh chứng để đánh giá các tiêu chí, cụ thể như sau:

Việc học tập, rèn luyện của người học (NH) được đánh giá dựa trên các quy chế của BGD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN và đề cương chi tiết của từng học phần do Nhà trường ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Công tác giám sát được thực hiện bởi sự phân công của CB chuyên trách phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận phòng ban chức năng theo quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường ĐHQN với các CVHT của Khoa Khoa học Tự nhiên [H8.08.03.03], [H8.08.03.04].

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện theo đề cương chi tiết các học phần đã ban hành. Sự chuyên cần của người học được theo dõi chặt chẽ qua từng tiết học và được thông qua trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập dựa trên cơ sở các bài kiểm tra/bài thảo luận nhóm với các mức trọng số 20%, 30% hoặc 40%, kết quả cuối kỳ được đánh

giá qua điểm thi kết thúc học phần với các trọng số 70%, 60% hoặc 50% [H8.08.03.05]. Với cách đánh giá này, người học được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần do GV là người trực tiếp giảng dạy học phần.

Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của người học được tiến hành một cách khoa học, nghiêm túc theo đúng quy định của BGD&ĐT, Trường ĐHQN. Điều này giúp việc đánh giá được khách quan, chính xác, hình thành thói quen, thái độ học tập tốt, trung thực và nghiêm túc [H8.08.03.06].

Hệ thống giám sát còn được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo được Nhà trường đầu tư trang bị và nâng cấp theo định kỳ. Hệ thống này giúp người học đăng ký các học phần trong chương trình đào tạo, kiểm tra thời khóa biểu, theo dõi các kết quả học tập được cập nhật thường xuyên, để từ đó có kế hoạch học tập phù hợp và hiệu quả [H8.08.03.07].

Kết quả học tập của NH dựa trên kết quả các học phần mà NH đã đăng ký, được đánh giá theo từng học kỳ, từng năm học và cả khóa học. Trên cơ sở kết quả học tập của NH, Nhà trường ban hành bảng xét kết quả học tập của SV trong từng học kỳ, các quyết định về việc cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học và công nhận tốt nghiệp cho SV. Kết quả rèn luyện của NH được đánh giá theo nhận xét của lãnh đạo Khoa phụ trách mảng công tác sinh viên (SV), CVHT, Bí thư Liên chi Đoàn, Liên chi Hội trưởng, Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng kèm theo các khen thưởng trong việc tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trường và hoạt động NCKH SV. Kết quả rèn luyện được xếp loại cụ thể trong bảng xếp loại rèn luyện và được Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả từng học kỳ và cuối khóa theo đúng quy định hiện hành của Trường ĐHQN [H8.08.03.08].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống giám sát phù hợp đã giúp cho việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau. Đồng thời, hệ thống này cũng giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học, từ đó có hình thức nhắc nhở, động viên, giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc còn chưa kịp thời để đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2024-2025, Khoa Khoa học Tự nhiên tiếp tục cập nhật CTĐT, các quy định, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của ngành Công nghệ thực phẩm đến người học hằng năm.

Khoa đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật thông tin được kịp thời, phục vụ cho việc học tập và giám sát tốt hơn.

#### **5. Tự đánh giá**

Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.***

##### **1. Mô tả**

Các hoạt động được tiến hành xuyên suốt, liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp ra trường của sinh viên ở trường Đại học Quy Nhơn đó là các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Công tác đón tiếp người học ngay từ khi nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng chức năng và các khoa liên quan thực hiện. Người học nhập học được hướng dẫn chu đáo và cụ thể các thủ tục nhập học [H8.08.04.01]. Ngay sau khi nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân SV để phổ biến quy chế, quy định đào tạo, chế độ khen thưởng, kỉ luật cũng như các vấn đề liên quan đến quyền lợi học tập, rèn luyện và sức khỏe cho người học. Kết thúc tuần sinh hoạt SV làm bài thu hoạch, sau đó Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả [H8.08.04.02]. Nhà trường đã ban hành Quy định về CVHT, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của CVHT và ra quyết định phân công GV làm công tác CVHT trên cơ sở đề nghị của Khoa. CVHT là những GV có kinh nghiệm hỗ trợ, tư vấn cho người học các vấn đề cần thiết liên quan đến học tập như: tư vấn kế hoạch học tập trong từng học kỳ và cả khóa học cho SV, theo dõi kết quả học tập của SV để kịp thời nhắc nhở, hỗ trợ phù hợp với năng lực và điều kiện của từng SV, hướng dẫn SV về phương pháp học hiệu quả, khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH, các hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp,... [H8.08.04.03]. Định kì 1 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó

thông tin cụ thể đến người học tình hình hoạt động của Nhà trường, các Khoa, phòng ban và Trung tâm, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên,... Hướng dẫn sinh hoạt lớp hàng tháng cũng đề ra phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học để người học biết và thuận tiện tham gia. Qua đó, CVHT tham dự các buổi sinh hoạt lớp để phổ biến, nhắc nhở, đôn đốc việc học tập và rèn luyện của người học **[H8.08.04.04]**.

Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, làm cầu nối giữa người học và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho người học sau tốt nghiệp **[H8.08.04.05]**. Từ khi được thành lập, với sự kết hợp hoạt động của Trung tâm, Đoàn thanh niên và Hội SV, nhiều chương trình ngày hội việc làm, tuyển dụng, SV khởi nghiệp đã được thực hiện tại Trường ĐHQN. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến người học **[H8.08.04.06]**. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tiếp xúc, định hướng việc làm và hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp cho NH. Ngoài ra, các hoạt động ngoại khóa do các Câu lạc bộ, Đoàn thanh niên, Hội SV các cấp trong Nhà trường tổ chức nhằm phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm cho SV, làm tăng cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp **[H8.08.04.07]**.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với thực tế nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học, trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị, Khoa KHTN phối hợp cùng Nhà trường đã kí kết hợp tác với các công ty trong quá trình học tập ở Trường **[H8.08.04.08]**, người học được tham gia Đồ án Tốt nghiệp dưới sự phân công hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra tiến độ thực tập của các GV giàu kinh nghiệm **[H8.08.04.09]**. Thông qua hoạt động thực tập, người học có cơ hội được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, học hỏi được nhiều kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm quan trọng liên quan đến nghề nghiệp.

## ***2. Điểm mạnh***

Đội ngũ Trợ lý khoa, CVHT có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học ngành Công nghệ thực phẩm trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều hình thức giúp SV ngành Công nghệ thực phẩm có nhiều cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.

## ***3. Điểm tồn tại***

SV ngành Công nghệ thực phẩm chưa chủ động trong việc tiếp cận với GV để trao đổi các nội dung liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động Đoàn, Hội. Số lượng các hoạt động ngoại khoá nhằm trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho NH vẫn còn hạn chế.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2023-2024, Khoa Khoa học Tự nhiên kiến nghị Nhà trường tăng kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài nhằm khuyến khích SV NCKH, Khoa tăng thêm các hoạt động ngoại khoá để phát triển kỹ năng mềm. Bên cạnh đó, Khoa đề xuất Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế.

#### ***5. Tự đánh giá***

Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

### ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cá nhân NH***

#### ***1. Mô tả***

Trường ĐHQN được đánh giá là một trong những ngôi trường có vị trí đẹp của Việt Nam vì nằm ở trung tâm thành phố Quy Nhơn, đối diện với biển Đông. Trong 5 năm gần đây, cơ sở vật chất, kiến trúc của Nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn, đặc biệt theo xu hướng hội nhập quốc tế với không gian mở.

Với hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng học thông minh, phòng LAB học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà thi đấu đa năng, sân cỏ nhân tạo với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động ngoại khóa. Ngoài ra, toà nhà hiệu bộ có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn **[H8.08.05.01]**.

Để đảm bảo sức khỏe và tính an toàn cho cán bộ, GV và người học, hàng năm Nhà trường tiến hành ký hợp đồng với cơ sở y tế uy tín và thông báo, triển khai đến toàn thể sinh viên. Bên cạnh đó, vấn đề chăm sóc sức khỏe người học cũng được Nhà trường quan tâm, qua kênh Đoàn thanh niên - Hội sinh viên các chương trình tư vấn sức khỏe, trang bị kiến thức phòng chống các căn bệnh xã hội, đặc biệt tư vấn kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các sinh viên nữ. Bên cạnh đó, vào đầu năm học Nhà trường triển khai việc tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc đến toàn thể sinh viên nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tham gia chăm sóc sức khỏe bản thân, đảm bảo an toàn khi có điều không may xảy ra **[H8.08.05.02]**.

Theo định hướng xây dựng và phát triển của Nhà trường, trải qua hơn 48 năm xây dựng và phát triển, Lãnh đạo Nhà trường, người lao động, người học luôn nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực trong tư tưởng để hành động. Với mục đích đó, Trường ĐHQN đã ban hành các quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động, quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, trung thực, văn minh trong Nhà trường. Ngoài ra, Trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương, môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Trường. Các quy định, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành cũng được ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho người học và tạo môi trường làm việc nghiêm túc, tăng hiệu quả của những giờ thực hành thí nghiệm và NCKH **[H8.08.05.03]**.

Theo định kỳ, Cảnh tin Trường ĐHQN được đấu thầu và chọn những nhà thầu uy tín, các dịch vụ phục vụ Cán bộ, nhân viên và SV được đảm bảo chất lượng, đặc biệt với các món ăn đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Các phương tiện đi lại của SV như xe máy, xe đạp cũng được Nhà trường đấu thầu, chọn các dịch vụ bên ngoài để đảm bảo an ninh trật tự, tài sản của SV, tạo được tâm lý yên tâm học tập **[H8.08.05.04]**.

Công tác kiểm tra phòng cháy chữa cháy được kiểm tra định kỳ thường xuyên, các chế độ báo cáo, thẩm định kết quả kiểm tra các vấn đề liên quan được triển khai thực hiện bằng những việc làm cụ thể như thành lập Ban chỉ đạo, ban hành nội quy, quy ước, cam kết về đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu hoả cứu nạn trong Nhà trường **[H8.08.05.05]**.

Công tác đảm bảo an ninh trong Nhà trường, đặc biệt đối với sinh viên nội trú ở khu vực ký túc xá sinh viên luôn được quan tâm, Nhà trường đã thành lập Đội SV tự quản tự bảo vệ về an ninh trật tự Ký túc xá hàng năm. Đối với sinh viên ngoại trú, Nhà trường phối hợp với các Công an khu vực nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, cùng với đó phối hợp kiểm tra công tác SV nội trú, ngoại trú, tổ chức các Hội nghị giao ban công tác quản lý SV nội trú, ngoại trú nhằm nắm bắt tâm lý, hiện trạng xã hội tại nơi cư trú của SV **[H8.08.05.06]**.

Nhà trường luôn quan tâm đến cảnh quan trong trường, luôn có nhân viên chăm sóc vườn hoa, cây xanh bóng mát tạo cảm giác thoải mái cho người học sau những giờ học căng thẳng. Luôn có nhân viên quét dọn, vệ sinh các phòng học, giảng đường, nơi công cộng tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Để có thể đánh giá và cải thiện môi trường học tập, cảnh quan của Trường, hàng

năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường hàng năm, đa số người học đều có phản hồi tích cực và hài lòng về môi trường học tập, cảnh quan của Trường [**H8.08.05.07**].

## **2. Điểm mạnh**

Môi trường học tập, cảnh quan đảm bảo vệ sinh, an toàn, lành mạnh, thoáng mát và được bố trí hợp lý, chính vì vậy đã góp phần quan trọng hình thành cảnh quan xanh-sạch-đẹp, môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc gần gũi, thân thiện để người lao động và người học thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình. Việc triển khai, thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm nền tảng để cải thiện theo hướng đáp ứng nhu cầu tốt nhất cho người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhìn chung, khoa KHTN được bố trí với 2 phòng làm việc tại toà Nhà 15 tầng nên việc triển khai các hoạt động, chương trình đoàn - hội và gặp gỡ sinh viên còn một số hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong thời gian tới, Khoa Khoa học Tự nhiên tiếp tục tổ chức tuyên truyền phổ biến thường xuyên về triết lý giáo dục, các nội quy quy định của Nhà trường đến SV, đặc biệt SV năm thứ nhất thông qua các chương trình gặp mặt đầu năm, ngoại khoá, chương trình của đoàn - hội – câu lạc bộ, sinh hoạt lớp. Điều này sẽ giúp bồi dưỡng, bồi đắp và nâng cao những hiểu biết về Nhà trường, rèn luyện phẩm chất đạo đức, định hướng nghề nghiệp cho SV ở môi trường đại học.

Ngoài ra, Khoa đề xuất với Nhà trường bố trí tạo điều kiện thêm một phòng hoặc một không gian riêng để đón tiếp SV, học viên nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ người học với mục đích nâng cao cơ hội tiếp cận, gần gũi với môi trường giáo dục thân thiện.

## **5. Tự đánh giá:**

Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

### ***Kết luận Tiêu chuẩn 8***

Trong giai đoạn vừa qua, tiêu chuẩn Người học và hỗ trợ người học được Khoa KHTN xác định là khâu then chốt trong đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm nói riêng và các ngành đào tạo của Khoa nói chung. Chủ trương, chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên, đặc biệt là nhu cầu của xã hội đối với ngành học. Tiêu chuẩn và phương pháp tuyển sinh, lựa chọn người học được thực hiện

đúng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Nhà Trường.

Trong quá trình tham gia học tập và rèn luyện, việc theo dõi, giám sát và đánh giá sự tiến bộ của người học luôn được quan tâm thực hiện. Đặc biệt, Khoa rất quan tâm chú trọng trong rèn luyện các kỹ năng, tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn đối với sinh viên.

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác được Khoa và Nhà trường thực hiện linh hoạt, đa dạng, chất lượng và hợp lý nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh, sạch, đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Trong thời gian tới, để khắc phục những tồn tại, Khoa phối hợp với Nhà trường, đặc biệt là các bộ phận trực tiếp phục vụ người học tại Khoa cần thực hiện đồng thời, quyết liệt việc công khai thông tin, cập nhật về tiềm lực, thế mạnh, nhu cầu nguồn nhân lực ngành, triết lý giáo dục..., triển khai, phổ biến rộng rãi trên các kênh chính thống; Tiếp tục cập nhật CTĐT, quy định, quy chế và tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan, của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan nhằm cải thiện tốt nhất.

*Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí đều đạt mức 5/7.*

### **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### ***Mở đầu***

Một trong những yêu cầu quan trọng để ĐBCL giáo dục là đảm bảo các điều kiện CSVC, kỹ thuật phục vụ đào tạo và NCKH của GV và NH. Với bề dày hơn 45 năm xây dựng và phát triển kể từ ngày thành lập, hiện nay Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH. Trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ NH, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành.

Trường ĐHQN có tổng diện tích đất là 241.298 m<sup>2</sup>, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích 131.796 m<sup>2</sup> tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích 109.502 m<sup>2</sup> nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Các điều kiện về CSVC và trang thiết bị được Trường ĐHQN nói chung và Khoa KHTN nói riêng đảm bảo để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH của GV và NH. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống loa, quạt... đảm bảo điều kiện tốt nhất cho NH. Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành,



thư viện được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng. Hệ thống CNTT luôn được nâng cấp đầu tư để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Khoa KHTN được trang bị các phòng thí nghiệm - thực hành và Khu nghiên cứu ứng dụng Nông nghiệp – Môi trường để giảng dạy, NCKH góp phần gắn kết đào tạo với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH. Thư viện của Trường có hệ thống giáo trình, sách tham khảo, các loại tạp chí và các nguồn học liệu khác đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, NH. Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo.

Nhà trường đã và đang quy hoạch mặt bằng tổng thể, các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục, thể thao... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### ***1. Mô tả***

Trường ĐHQN là một cơ sở GDĐH có hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành Công nghệ thực phẩm nói riêng. Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành.

Nhà trường có 05 khu giảng đường ( $A_1, A_2, A_3, A_4, A_8$ ), 04 phòng hội thảo, 03 hội trường lớn với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748 m<sup>2</sup>. Trong đó, có 56 phòng học có bảng tương tác kết nối internet (Nhà  $A_1$  và  $A_2$ ); 02 phòng học tương tác thông minh với sức chứa 40 chỗ ngồi cho mỗi phòng học (Nhà  $A_1$ ); 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi; 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi; 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi; 01 Trung tâm khảo thí với 16 phòng thi trực tuyến, trắc nghiệm; có 01 Thư viện có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của giảng viên và người học [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng, một số phòng còn được trang bị bảng tương tác thông minh và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt thông gió, wireless internet,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập, sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm sử dụng các phòng học ở các giảng đường

theo bố trí của phòng Đào tạo Đại học.

Khoa KHTN đã trang bị các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ các học phần cơ sở của ngành: Các phòng TN Vật lý, các phòng TN Sinh học và các phòng TN Hóa học. Đặc biệt một số phòng TN phục vụ các học phần chuyên ngành, cũng như việc nghiên cứu của giảng viên và sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm: Phòng TN Vi sinh thực phẩm, phòng TN Công nghệ chế biến (Chế biến 1), phòng TN công nghệ thực phẩm 1, phòng TN công nghệ thực phẩm 2, phòng TN đánh giá cảm quan thực phẩm, phòng TN Công nghệ sau thu hoạch (Chế biến 2). **[H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [[H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].**

Nhà trường bố trí Văn phòng khoa KHTN gồm 01 văn phòng, 01 phòng Ban lãnh đạo Khoa tại tầng 8 của nhà 15 tầng. Ngoài việc bố trí Văn phòng khoa tại tòa nhà 15 tầng, các giảng viên còn được bố trí sử dụng chung ba phòng làm việc tại khu thí nghiệm thực hành A<sub>6</sub>, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các tiện nghi như: bàn, ghế làm việc, tủ kệ đựng tài liệu, kết nối wifi đủ mạnh để các giảng viên, sinh viên thực hiện nghiên cứu và làm việc tại Trường. Văn phòng Khoa được trang bị đầy đủ hệ thống bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, internet để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, NCKH và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Hệ thống máy tính tại Văn phòng khoa được cài đặt các phần mềm quản lý hoạt động đào tạo **[H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].**

Hệ thống phòng làm việc, các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, trang thiết bị đều có sổ nhật ký theo dõi tần suất sử dụng và tình trạng hoạt động **[H9.09.01.04].**

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà Trường và Khoa KHTN thường xuyên được Nhà trường quan tâm sửa chữa, nâng cấp kịp thời **[H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08].**

Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của viên chức và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị. Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện,... nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.01.09].**

Thống kê mới nhất năm 2022 cho thấy, tỷ lệ diện tích đất/sinh viên là 241.298m<sup>2</sup>/13.733 sinh viên (đạt tỷ lệ 17,57) và diện tích sàn/sinh viên là 89.649m<sup>2</sup>/13.733 sinh viên (tỷ lệ 6,53) **[H9.09.01.01].**

CSVCS được đầu tư trong thời gian vừa qua đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm và nhìn chung, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của Khoa KHTN đều cảm thấy hài lòng với CSVCS phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng chức năng phù hợp, đảm bảo diện tích theo quy định để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên, sinh viên Khoa KHTN.

Hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm thực hành từng bước được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị, cơ sở vật chất, tuy nhiên tiến độ bảo dưỡng, sửa chữa vẫn còn chậm, một số thiết bị của Khoa vẫn chưa được bảo dưỡng và nâng cấp (Đặc biệt các phòng TN phục vụ các học phần cơ sở).

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, tránh sự hỏng hóc không cần thiết, để đảm bảo quá trình làm việc, học tập của giảng viên và sinh viên.	Nhà trường	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đề xuất Nhà trường trang bị thêm cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của giảng viên,	Khoa KHTN	Hằng năm, từ năm 2025	

		sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm.			
--	--	--------------------------------------	--	--	--

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### **1. Mô tả**

Thư viện là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện, phục vụ công tác đào tạo, NCKH của GV và SV trong Trường. Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Bắc của Trường ĐH Quy Nhơn, có tổng diện tích sàn xây dựng gần 4.500 m<sup>2</sup>, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi. Tất cả các phòng có kết nối với nhau và có sơ đồ bố trí cụ thể để phục vụ cho nhu cầu đọc, học của người học một cách hiệu quả [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Nhằm định hướng cho bạn đọc, Thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, đồng thời đã ban hành Nội quy sử dụng Thư viện, cung cấp đầy đủ các văn bản, thông báo công khai trên website của đơn vị. Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu kèm theo hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu. Đặc biệt, đầu năm 2021, thư viện số của Trường ĐH Quy Nhơn đã chính thức đi vào hoạt động [H9.09.02.01], [H9.09.02.02].

Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Thư viện không ngừng thanh lọc, bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đồ án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài,... Hàng năm, danh mục sách giáo trình, sách tiếng Anh, sách tham khảo, tập bài giảng được Thư viện gửi về cho Khoa KHTN để rà soát và cập nhật nhằm bổ sung đầy đủ tài liệu để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và học tập. Với sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Nhà trường và Khoa, các GV cập nhật bài giảng trong đó có sự rà soát, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cải tiến nội dung giảng dạy các HP [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, Nhà trường đã ban hành đề án đổi mới hoạt động Thư viện theo hướng hiện đại, cử viên chức tham gia khóa học Nghiệp vụ thư viện. Thư viện cũng đề xuất các văn bản kế hoạch và dự án đầu tư, đề án cải tiến chất lượng dịch vụ thư viện, nâng cao hiệu suất phục vụ của Thư viện [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Bên cạnh đó, Thư viện thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của người học, trong đó tập trung vào các nội dung như đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn học liệu; thái độ và tinh thần phục vụ của các cán bộ nhân viên; mức độ đáp ứng về CSVC, trang thiết bị tại thư viện. Qua khảo sát, Thư viện đã đánh giá được những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động, từ đó rút kinh nghiệm và có những biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại, phát huy ưu điểm, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của Trường ĐH Quy Nhơn có nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV và NH về mức độ phù hợp của Thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Thư viện Trường Đại học Quy Nhơn đã có sự liên kết, hợp tác với các thư viện khác nhưng sự liên kết, chia sẻ tài nguyên chưa nhiều và chưa đa dạng.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường và đa dạng hoá nguồn tài nguyên chia sẻ với các Thư viện khác	Thư viện	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện duy trì cung cấp các tài khoản truy cập đến SV. Đội ngũ nhân viên thư viện sẽ tiếp tục phát	Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

		huy các nghiệp vụ chuyên môn và có những cải tiến trong công tác quản lý hệ thống tài liệu khoa học để phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Trường.			
--	--	--	--	--	--

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### ***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Trường ĐHQN có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường rất quan tâm chú trọng đầu tư vào hệ thống phòng thí nghiệm. Trường có các khu thí nghiệm, thực hành được bố trí tại các tòa nhà riêng, trong đó, hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí một cách khoa học theo từng khu vực ứng với các CTĐT. Đối với CTĐT Công nghệ thực phẩm các phòng thí nghiệm thực hành được bố trí chủ yếu tập trung tại khu nhà A<sub>6</sub>, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, người học sử dụng các trang thiết bị giữa các phòng một cách khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và người học của ngành. [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Để các phòng thí nghiệm thực hành được sử dụng hiệu quả, an toàn, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường và Khoa đã ban hành Nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, các tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.03]. Bên cạnh đó, để quản lý, theo dõi, đánh giá quá trình sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm thực hành và có những điều chỉnh thích hợp phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và người học đạt hiệu quả cao, nhà trường có bố trí cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm và tại mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có sổ ghi nhật kí sử dụng thiết bị phòng thí nghiệm [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], [H9.09.03.06].

Nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng của thiết bị, phục vụ tốt hơn cho người học, đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH, định kì hàng năm Nhà trường tiến hành kiểm kê các danh mục trang thiết bị tại phòng thí nghiệm thực hành. Đồng thời, các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, thực hành được Nhà trường rà soát, sửa chữa, cập

nhật và duy tu, bảo dưỡng định kỳ [H9.09.03.07], [H9.09.03.08], [H9.09.03.09]. Ngoài ra, Khoa KHTN cũng có những tờ trình đề xuất nhà trường sửa chữa, trang bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất, mẫu vật... phục vụ thí nghiệm thực hành, [H9.09.03.10].

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về phòng thí nghiệm, thực hành. Nội dung khảo sát này được lồng ghép trong các khảo sát như: Khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về CTĐT, khảo sát sự hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất, các hoạt động và dịch vụ hoạt động của nhà trường, ...từ đó đưa ra giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng. Các phản hồi cho thấy người học hài lòng về mức độ đáp ứng trang thiết bị phục vụ cho học tập và NCKH [H9.09.03.09], [H9.09.03.10].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa KHTN có đủ số lượng các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của giảng viên và sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm.

Trong thời gian qua, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành được Nhà trường quan tâm đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại đáp ứng tốt cho nhu cầu học tập và nghiên cứu.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số trang thiết bị chưa được thường xuyên bảo dưỡng định kỳ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Một số phòng thí nghiệm, thực hành còn có các thiết bị cũ chưa được thay thế kịp thời.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đối với các thiết bị cũ cần rà soát để sửa chữa, thay thế kịp thời. Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đối với các trang thiết bị mới, hiện đại.	Khoa KHTN, Phòng CSVN	Từ năm 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục tăng cường đầu tư cải thiện CSVC tại các phòng thí nghiệm, thực hành.</p> <p>Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài sản công trong Nhà trường để đảm bảo hiệu quả.</p>	Khoa KHTN, Phòng CSVC	Từ năm 2025	
---	--------------------	---	-----------------------	-------------	--

### 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### 1. Mô tả

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, Nhà trường đã từng bước tăng cường đầu tư, trang bị máy tính, máy chiếu phục vụ công tác trong hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH. Trường ĐHQN đã đầu tư hệ thống CNTT có khả năng đáp ứng khá tốt cho các hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV. Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy tính ở các phòng ban, khoa, trung tâm cũng như hệ thống máy tính dành cho học tập. Các máy tính này đều được kết nối mạng nội bộ và kết nối Internet tốc độ cao, phục vụ 24/7. Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính với 715 máy được bố trí tại nhà A7 và nhà 4 tầng để phục vụ hoạt động thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 máy tính với 60 máy tại Trung tâm TTTL đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV, và 308 máy tính tại các phòng làm việc của các Khoa, phòng ban và đơn vị trực thuộc. Thêm vào đó hệ thống mạng truyền dẫn, các phần cứng, phần mềm và các đường truyền Internet đều được đầu tư hiện đại, phù hợp và ổn định [H9.09.04.01], [H9.09.04.02].

Để việc cập nhật, quản lý quá trình sử dụng cũng như quản lý hệ thống máy chủ, sửa chữa và thay thế kịp thời đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, trong quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.03].



Nhà trường rất chú trọng đến việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Trường hiện đang sử dụng hai đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng tra cứu thông tin tại Thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà 15 tầng, nhà 4 tầng, hội trường. Toàn trường đã được phủ sóng wifi; viên chức, SV và khách đến làm việc tại Trường được sử dụng Internet miễn phí. SV được sử dụng máy tính và wifi miễn phí để đăng ký môn học qua mạng internet, tìm kiếm tài liệu,... Tại các phòng học được trang bị hệ thống máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.04], [H9.09.04.05].

Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (e-learning), quản lý tài sản, quản lý dữ liệu. Sự vận hành của Nhà trường được quản lý bởi một hệ thống phần mềm nên tất cả các hoạt động như quản lý đào tạo, quản lý SV, quản lý giáo viên, quản lý các kỳ thi, xếp thời khóa biểu, quản lý tài chính, quản lý CSVC, quản lý thư viện,... đều được thực hiện một cách rất khoa học. Phần mềm luôn được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Trường [H9.09.04.06].

Trường ĐH Quy Nhơn luôn định kỳ kiểm kê, bảo dưỡng, đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin. Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống email công vụ, các phần cứng lẫn phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, sửa chữa và thay thế kịp thời đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, đồng thời có hệ thống an ninh mạng đảm bảo [H9.09.04.07].

Cán bộ, GV, viên chức, SV toàn trường đã được cấp tài khoản email với tên miền @qu.edu.vn. Ngoài ra, trường còn cấp tài khoản Microsoft Office 365 cho cán bộ, viên chức [H9.09.04.08].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông với nhiệm vụ duy trì sự hoạt động ổn định, an toàn hệ thống công nghệ thông tin trong toàn Trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về website, đường truyền, mạng máy tính. Các viên chức của Trung tâm được giao chức năng và nhiệm vụ rõ ràng để phụ trách hệ thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm và được Nhà trường tạo điều kiện cho các viên chức tham gia các lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giúp hệ thống vận hành hiệu quả. [H9.09.04.09].

Nhằm nâng cao chất lượng hệ thống CNTT, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến

phản hồi của các bên liên quan về hệ thống công nghệ thông tin của Trường. Nội dung khảo sát này được lồng ghép trong các khảo sát như khảo sát về chất lượng ngành học, mức độ hài lòng của GV, NH về cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ đào tạo, ý kiến SV sắp tốt nghiệp về CTĐT,... Kết quả cho thấy về cơ bản viên chức, GV và NH hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường và đánh giá hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng tốt các hoạt động học tập và NCKH cũng như các hoạt động khác trong Trường [H9.09.04.10].

Hệ thống CNTT đã đáp ứng được các hoạt động chung của Nhà trường phục vụ đào tạo và NCKH. Nhà trường đã “Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới toàn diện”, đã đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Đặc biệt, hệ thống học trực tuyến trên Google Meet có bản quyền đã đáp ứng được yêu cầu về đường truyền cũng như số lượng SV truy cập và thời gian truy cập tham gia lớp học không giới hạn, đáp ứng nhu cầu học online trong giai đoạn giãn cách xã hội do đại dịch Covid -19.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã quan tâm đầu tư đến cơ sở hạ tầng nên có khả năng đáp ứng tốt các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường. Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý, hoạt động đào tạo, NCKH được cập nhật thường xuyên qua các năm. Hệ thống CNTT được Nhà trường kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa và nâng cấp kịp thời.

Toàn trường đã được phủ sóng wifi, hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp, cập nhật hỗ trợ tốt cho việc học tập và nghiên cứu

## **3. Điểm tồn tại**

Máy tính tại một vài phòng làm việc và phòng thực hành đã được sử dụng trong nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ, GV và học tập của SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TTT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
	Khắc phục điểm tồn tại	Cần rà soát và đầu tư thay mới các máy tính	Phòng CSVC	Từ năm 2025	

		có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm ở các phòng máy thực hành tin học và tại các phòng làm việc của các khoa và phòng ban chức năng.			
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục vận hành hệ thống máy chủ, đường truyền internet giữa các đơn vị trong Nhà trường.  Tiếp tục cập nhật thêm các phần mềm mới nhất để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV ngày càng hiệu quả.	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	Hằng năm, từ năm 2025	

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường luôn quan tâm đến các vấn đề vệ sinh môi trường, sức khỏe của CB và SV, an ninh trật tự; phương án phòng cháy chữa cháy; phương án cải tạo cảnh quan; phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế đều được trang bị tại các khu làm việc, ký túc xá. Môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV, SV và học viên luôn được đảm bảo an toàn, xanh - sạch - đẹp.

Trường ĐH đã có Quyết định về việc ban hành Quy ước xây dựng nhà trường an toàn về an ninh, trật tự và hoạt động của mô hình "Đội tự phòng, tự quản, tự bảo vệ về an ninh trật tự Ký túc xá" Trường ĐH Quy Nhơn. Đồng thời, UBND Tỉnh Bình Định cũng đã phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trường ĐHQN [H9.09.05.01].

Nhà trường đã trang bị các trang thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy, niêm yết nội quy tiêu lệnh chữa cháy; xây dựng các kế hoạch phòng cháy chữa cháy, phổ biến kiến thức về phòng cháy chữa cháy, ban hành các nội quy, quy định về việc thực hiện các điều kiện đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy để tổ chức triển khai cho CB, giáo viên và toàn thể SV sinh trong trường. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ và chất lượng và có chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy. Bên cạnh đó, các HP thực hành, thí nghiệm đều có buổi học nội quy, hướng dẫn an toàn lao động, an toàn thực hành, SV được yêu cầu sử dụng đầy đủ quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang, dụng cụ học tập. Quá trình học tập còn phải sử dụng máy móc, tiếp xúc trực tiếp với hoá chất, vật thí nghiệm nên yêu cầu an toàn về sức khỏe và môi trường trong môn học này phải thực hiện nghiêm ngặt hơn [H9.09.05.02].

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã đầu tư hệ thống nước lọc phục vụ nước uống tinh khiết cho NH tại khu vực giảng đường, thư viện và kí túc xá. Đặc biệt, từ năm học 2020 - 2021 đến nay, vấn đề sản xuất nước sát khuẩn, máy đo thân nhiệt và sát khuẩn tự động đã tiến hành kịp thời và nghiêm túc nhằm phục vụ công tác phòng chống dịch COVID 19. Trường cũng có các văn bản hướng dẫn để xử lý các trường hợp dịch bệnh bất thường xảy ra hàng năm để bảo đảm sức khỏe, an toàn cho NH, viên chức và GV [H9.09.05.03].

Nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, Nhà trường rất chú trọng đến trồng cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ và hợp đồng với những người lao động thực hiện chăm sóc cây, bố trí các nhân viên làm vệ sinh ngoại cảnh để tạo cảnh quan luôn xanh - sạch - đẹp, không gian thoáng mát. Nhà trường hợp đồng với người lao động làm vệ sinh hàng ngày các phòng học, phòng làm việc, hành lang bảo đảm luôn sạch sẽ và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Quy Nhơn để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Các hóa chất độc hại ở khu thí nghiệm được Nhà trường quản lý nghiêm ngặt và thường xuyên đánh giá quan trắc môi trường, thường xuyên tổ chức phun hoá chất diệt muỗi phòng tránh sốt xuất huyết. [H9.09.05.04].

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong Trường chú trọng. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Nhà trường

đã phối hợp tốt với Công an phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực Trường, đồng thời triển khai công tác kiểm soát các phương tiện giao thông ra vào trường để đảm bảo an toàn [H9.09.05.05].

Hàng năm, Nhà trường luôn tổ chức các buổi tổng kết, báo cáo tổng kết, sơ kết việc thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn trên các khía cạnh như an ninh trật tự ký túc xá, an toàn giao thông, công tác sức khỏe và an toàn cho NH, viên chức và GV. Nhà trường phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm một lần cho cán bộ, GV, viên chức và người học [H9.09.05.06], [H9.09.05.07].

Nhà trường có các hoạt động tạo điều kiện cho sinh viên khuyết tật như ở KTX tầng 1, khám sức khỏe theo nhu cầu, thăm hỏi, động viên và trao học bổng khuyến khích học tập [H9.09.05.08].

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của người học và các bên liên quan về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, GV, viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa [H9.09.05.09].

## **2. Điểm mạnh**

Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho VC và NH; đội ngũ công tác vệ sinh, đội ngũ bảo vệ chuyên nghiệp và có Trạm y tế nhằm đáp ứng yêu cầu của viên chức và NH.

Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và người học về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc phổ biến và nâng cao kỹ năng phòng cháy chữa cháy chưa được triển khai phổ biến cho toàn thể viên chức Nhà trường và SV. Chưa có những đợt diễn tập báo động có cháy ở khu Nhà hiệu bộ và các giảng đường.

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí vào ký túc xá tầng 1.

#### 4. Kế hoạch hành động

TTT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<p>Triển khai việc phổ biến và nâng cao kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho toàn thể viên chức Nhà trường và SV. Tổ chức các đợt diễn tập báo động có cháy ở khu Nhà hiệu bộ và các giảng đường.</p> <p>Tăng cường thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.</p>	Trường ĐHQN	Năm học 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục thực hiện theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gìn giữ và phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp, thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo điều kiện cho cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn trường.</p> <p>Định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và người học về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự.</p>	<p>Đoàn thanh niên, Hội SV, Trạm y tế và CVHT</p> <p>Phòng KT&amp;BDCL</p>	Năm học 2025	

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 9***

Trường ĐHQN trang bị đầy đủ CSVC và trang thiết bị để đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của Khoa KHTN nói chung và ngành Nông học nói riêng. Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng chức năng phù hợp, đảm bảo diện tích theo quy định để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH. Hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm thực hành từng bước được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT. Thư viện của Trường ĐHQN có nguồn tài liệu phong phú, các tài liệu và học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo được trang bị đầy đủ và được bổ sung, cập nhật hàng năm. Trong những năm gần đây, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành đã được chú trọng đầu tư các thiết bị mới, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và NH. Hệ thống CNTT của Nhà trường đầu tư đã đáp ứng được các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ,... thuận lợi cho cán bộ, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Nhà trường quan tâm. Cán bộ, GV, SV được làm việc, nghiên cứu, học tập trong không gian xanh, sạch, đẹp, trật tự, an toàn.

Hiệu quả của công tác quản lý và khai thác, sử dụng CSVC và các trang thiết bị ngày càng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về CSVC và các trang thiết bị mà Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới. Mặc dù, Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị, cơ sở vật chất, tuy nhiên tiến độ bảo dưỡng, sửa chữa vẫn còn chậm, một số thiết bị của Khoa vẫn chưa được bảo dưỡng và nâng cấp. Thư viện Trường Đại học Quy Nhơn đã có sự liên kết, hợp tác với các thư viện khác nhưng sự liên kết, chia sẻ tài nguyên chưa nhiều và chưa đa dạng. Việc phổ biến và nâng cao kỹ năng phòng cháy chữa cháy chưa được triển khai phổ biến cho toàn thể viên chức Nhà trường và NH. Chưa có những đợt diễn tập báo động có cháy ở khu Nhà hiệu bộ và các giảng đường.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó có 3 tiêu chí đều đạt mức 5/7 và 2 tiêu chí đạt mức 6/7.

### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

#### ***Mở đầu***

Nâng cao chất lượng GDĐH là nhiệm vụ hàng đầu của bất kỳ một trường ĐH

nào giúp đảm bảo MTĐT và cải thiện CLĐT. Vì vậy, Trường ĐHQN và Khoa luôn chú trọng công tác nâng cao chất lượng các ngành đào tạo. Công tác này được thực hiện dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, kết hợp thông tin phản hồi từ GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng, kết quả NCKH một cách chặt chẽ, khoa học gắn liền với thực tiễn đào tạo. CTĐT, CTDH được bổ sung cập nhật định kỳ để nâng cao chất lượng dạy và học nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH và xã hội. Việc đánh giá kết quả học tập của NH trong quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao CLĐT.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

### ***1. Mô tả***

CTDH ngành Công nghệ thực phẩm (sau đây gọi tắt là CNTP) được thiết kế, cập nhật, điều chỉnh định kỳ dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên có liên quan để đáp ứng nhu cầu xã hội. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.01]. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện có tính hệ thống bao gồm: Nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H10.10.01.02]. Dựa vào các quy định, kế hoạch và kết quả khảo sát về đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, kết quả khảo sát SV năm cuối về chất lượng CTĐT. Cụ thể, CB, GV của Khoa/Bộ môn đều tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến rà soát, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT học phần thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa, họp ngành đào tạo; tất cả SV tham gia khảo sát ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV sau mỗi học kỳ bằng phần mềm khảo sát trực tuyến E-Survey và khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT [H10.10.01.03]. Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. Ý kiến phản hồi về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua website Khoa KHTN và fanpage Facebook của ngành KTHH-CNTP và Khoa KHTN [H10.10.01.04]. Đối với nhà sử dụng lao động, Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa như các các đơn vị sản xuất-kinh doanh và các cơ quan Nhà nước để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và phát triển CTDH ngành CNTP [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

Việc thu thập ý kiến phản hồi làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH từ các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; tổ chức hội thảo, đối thoại với SV. Tất cả các ý kiến thu được từ các bên liên quan đều được Khoa tổng hợp, xử lý và



hợp xem xét, sử dụng các ý kiến đóng góp trong việc xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH. Bên cạnh đó, Khoa còn thống kê nhu cầu của các bên liên quan về CTDH trong chu kỳ đánh giá, trên cơ sở đó Khoa còn lập kế hoạch cải tiến, nâng cao CLĐT gửi về cho Nhà trường và quản lý các kết quả cải tiến sau công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan [H10.10.01.07]. Để nắm bắt tình hình SV sau khi tốt nghiệp, gần đây Khoa đã tiến hành khảo sát doanh nghiệp về chất lượng SV sau khi tốt nghiệp làm việc tại một số doanh nghiệp để làm căn cứ cho việc điều chỉnh và phát triển CTDH trong thời gian đến [H10.10.01.08]. Ngoài ra, ngành CNTP còn đối sánh với các phiên bản khác nhau về MT, CDR và CTĐT với các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTP [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11], [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]. Sau đó CTĐT sẽ được trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua để ban hành, chính thức áp dụng và phổ biến đến GV, SV [H10.10.01.14]\*. Đồng thời, các CTDH có sửa đổi bổ sung qua các chu kỳ đánh giá của Trường ĐHQN được thể hiện trong các văn bản [H1.01.01.15]\*, [H1.01.01.16]\*, [H1.01.01.17]\*.

Nhìn chung, thông tin phản hồi của các bên liên quan đã góp phần rất lớn giúp Nhà trường ngày càng hoàn thiện CTDH, qua đó nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành CNTP được thiết kế và phát triển dựa trên căn cứ kết quả thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng về quy trình lấy YKPH của NH và các bên liên quan về CTDH và CTĐT. CTDH đã được Nhà trường, Khoa KHTN triển khai thực hiện có hệ thống theo đúng quy định và kế hoạch đề ra.

## **3. Điểm tồn tại**

Dữ liệu về thông tin phản hồi và nhu cầu thu thập được từ các bên liên quan là chưa nhiều do điều kiện khách quan về thời gian đào tạo của ngành CNTP chưa dài.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục tổ chức thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên có liên quan để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH phù	Khoa KHTN	Từ năm học 2025 – 2026	

		hợp hơn với NH và đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế và xu hướng hội nhập.	Phòng KT&BDCL Ngành CNTP Khoa KHTN	Hàng năm	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

**Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

**1. Mô tả hiện trạng**

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTP đã được Khoa và Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình và quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN. Cụ thể, CTDH được thiết kế và phát triển theo xu hướng tiếp cận phát triển Giáo dục hướng đến CĐR với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH: CTĐT đáp ứng CĐR - Phương thức dạy và học đáp ứng CĐR - Kiểm tra đánh giá người học đo lường mức độ đáp ứng CĐR. Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTP được dựa trên căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05]. Ngoài ra, quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTP từ thiết lập, đánh giá và cải tiến đều dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan, cụ thể là dựa vào việc khảo sát SV, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTDH ngành CNTP, cũng như báo cáo tự đánh giá của cơ sở giáo dục và báo cáo đánh giá CTĐT và Đề cương chi tiết học phần sửa đổi, bổ sung của ngành CNTP [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09]. Ngoài ra, Khoa cũng đã tự đối sánh MT, CĐR và CTĐT ngành CNTP qua các phiên bản khác nhau, cũng như so chuẩn, đối sánh với các chương trình giáo dục đại học tiên tiến trong và ngoài nước, phân bổ lại thời lượng giữa các khối kiến thức, lược bỏ các học phần chưa phù hợp và bổ sung các học phần mới phù hợp với thực tiễn ngành ngành CNTP [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

Trường ĐH Quy Nhơn đã tiến hành cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Thứ nhất, về quy trình xây dựng CTĐT, theo quy định về xây dựng, phát triển CTĐT trình độ ĐH năm 2019, quy trình xây dựng CTDH cùng với CTĐT gồm 10 bước. Quy định mới về xây dựng thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình

độ ĐH, ThS, TS tại Trường ĐH Quy Nhơn ban hành vào tháng 12/2022, quy trình xây dựng CTDH cùng với CTĐT bao gồm 11 bước, bổ sung thêm bước quy định chi tiết về quy trình xây dựng CDR của CTĐT. Thứ hai, về quy trình phát triển CTĐT, theo quyết định năm 2019, quy trình phát triển CTDH gồm 5 bước. Đến năm 2022, quy định mới được làm rõ, từ "quy trình phát triển CTĐT" thành "quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT, CDR của CTĐT". Quy trình mới này gồm 6 bước, bổ sung thêm bước quy định chi tiết về quy trình cập nhật CDR của CTĐT. Việc phát triển CTDH cùng với CTĐT vẫn quy định thực hiện ít nhất 2 năm một lần nhằm đảm bảo tính cập nhật với thực tiễn từ nhu cầu thị trường lao động [H10.10.02.02]\*, [H10.10.02.10], [H10.10.02.11]. Theo đó, CTDH của ngành CNTP đã được ban hành, sửa đổi và bổ sung nhiều lần trong những năm qua nhằm phù hợp với thực tiễn từ thị trường lao động. Trong năm 2020, Khoa đã thiết kế và xây dựng CTĐT ngành CNTP học trình độ đại học hệ chính quy và hai năm 2022, Khoa/Bộ môn đã thực hiện việc chỉnh sửa, cải tiến CTĐT và CTDH ngành CNTP, trong đó tập trung phân bổ lại thời lượng giữa các khối kiến thức, lược bỏ các học phần chưa phù hợp và bổ sung các học phần mới phù hợp với thực tiễn ngành CNTP [H10.10.01.09], [H10.10.02.12].

## **2. Điểm mạnh**

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành CNTP được thiết lập, đánh giá và cải tiến đúng quy trình, quy định theo định kỳ. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến được thực hiện dựa trên cơ sở khảo sát YKPH của các bên liên quan nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác rà soát, cải tiến, phát triển CTDH chưa có sự tham gia sâu rộng của các bên liên quan như GV, cựu NH, NH năm cuối, người sử dụng lao động.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Cần đẩy mạnh công tác rà soát, cải tiến, phát triển CTDH có sự tham gia sâu rộng của các bên liên quan như GV, cựu HV, HV năm cuối, người sử dụng lao động.	Khoa KHTN	Từ năm học 2025 - 2026 và hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc thiết kế và phát triển	Khoa KHTN	Theo chu kỳ 2 năm	

		CTDH ngành CNTP, đánh giá và cải tiến đúng quy trình, quy định theo định kỳ. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến được thực hiện dựa trên cơ sở khảo sát YKPH của các bên liên quan nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.			
--	--	---	--	--	--

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Quá trình dạy học ngành CNTP và đánh giá kết quả học tập của người học luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu, cụ thể Nhà trường đã ban hành quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học các ngành đào tạo trình độ đại học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, trong đó, nêu rõ quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy và học gồm đầy đủ các bước từ lập kế hoạch, xác định thông tin cần thu thập, đối tượng và thời gian điều tra khảo sát đến việc thu thập thông tin liên quan. Công tác dạy và học ngành CNTP được thực hiện thông qua Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học các ngành đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Nhà trường ban hành Kế hoạch năm vào đầu mỗi năm học học để các khoa thực hiện công tác giảng dạy đúng chuyên môn và thời gian [H10.10.03.03]. Bên cạnh đó, Khoa kết hợp với Phòng ĐTDH tiến hành thông báo mở lớp học phần để NH đăng ký TC và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký GV phụ trách các HP, trên cơ sở đó Khoa phân công giảng dạy cho GV [H10.10.03.05]. Đối với ngành CNTP, Nhà trường còn ban hành kế hoạch thực tế, thực tập nhận thức nghề nghiệp và đầu năm học [H10.10.03.04]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều có Quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần cho mỗi học kỳ và có văn bản báo cáo tổng kết công tác tổ chức thi, nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, đúng quy định trong công tác tổ chức thi [H10.10.03.06], [H10.10.03.07], [H10.10.03.08]. Công tác đánh giá được Khoa phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo đúng quy chế, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa sử dụng phần

mềm đào tạo để quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH [H10.10.03.09].

Trường ĐHQN đã triển khai rà soát và đánh giá thường xuyên việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHQN, và thường xuyên được thay đổi điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế của ngành đào tạo [H10.10.03.10], [H10.10.03.11], [H10.10.03.12]. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu tự học của NH, GV thường xuyên thay đổi phương pháp giảng dạy và sử dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá kết quả học tập của NH như hình thức thi tự luận, vấn đáp, làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm,.. Cuối mỗi kỳ thi, điểm thi được công bố công khai đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau. Để đánh giá việc hoàn thành học phần, GV căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần. NH ngành CNTT phải thực hiện đồ án tốt nghiệp để kết thúc khóa học [H10.10.03.06], [H10.10.03.07], [H10.10.03.08], [H10.10.03.11], [H10.10.03.14]. Mỗi năm 2 lần, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối học kỳ và kết quả khảo sát được Phòng KT&BDCL báo cáo Ban giám hiệu Nhà trường, sau đó gửi về cho các Khoa để rà soát, cải tiến chất lượng nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học với CDR, kết quả khảo sát [H10.10.03.15], [H10.10.03.16], [H10.10.01.03], [H10.10.02.10]. Ngoài ra, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác trong việc đánh giá năng lực của NH, đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT và CDR HP, Hội đồng Khoa học Khoa KHTN đã triển khai cuộc họp bàn về việc xây dựng kế hoạch ứng dụng Rubric trong đánh giá HP [H10.10.03.17].

Phòng Thanh tra - Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra nề nếp giảng dạy - học tập, làm việc của các đơn vị trong Nhà trường và có báo cáo công tác thanh tra cuối mỗi năm học dựa trên căn cứ là Kế hoạch đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy,.. Trường hợp GV nghỉ dạy vì lý do công tác phải có giải trình cụ thể và có quyết định đi công tác do Ban giám hiệu Nhà trường ký. Kết quả theo dõi là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của các GV. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của NH, Phòng Thanh tra - Pháp chế của Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có quy định cụ thể, hệ thống về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá

KQHT của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR. Công tác dạy và học được kiểm tra, đánh giá, tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hàng năm.

### **3. Điểm tồn tại**

Đề thi kết thúc HP chưa được Khoa thống kê và phân tích định lượng theo các cấp độ: dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp với CĐR.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện thống kê và phân tích định lượng theo các cấp độ: dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của NH.	Khoa KHTN	Từ năm học 2025-2006	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.</li> <li>- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học.</li> </ul>	Khoa KHTN, Trường ĐHQN	Hàng năm	

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Ngành Công nghệ thực phẩm trường Đại học Quy Nhơn được mở theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHQN-HĐT vào ngày 15/4/2020 [H10.10.04.01]. Mặc dầu chỉ mới thành lập được một thời gian ngắn, bên cạnh việc giảng dạy, NCKH của các giảng viên, sinh viên trong ngành đã được quan tâm. Tính từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2023 – 2024, GV ngành CNTP đã hoàn thành 04 đề tài cấp Tỉnh và Bộ và 4 đề tài cấp

cơ sở [H10.10.04.02]. Mặc dù số lượng đề tài NCKH còn ít tuy nhiên các GV trong ngành đã nhận thấy tầm quan trọng của công tác NCKH bên cạnh công tác giảng dạy. Có thể nói, trong bối cảnh hiện tại, giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ song song mà mỗi giảng viên tại các trường đại học cần thực hiện. NCKH đã trở thành một yếu tố then chốt, không thể thiếu trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời giúp tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của xã hội. Khi xây dựng nội dung các đề tài NCKH này đều bám sát với CTĐT của ngành Công nghệ Thực phẩm, các kết quả của nghiên cứu đều hướng đến ứng dụng trong công tác giảng dạy. Kết quả này có thể được chuyển tải thành các nội dung trong các học phần liên quan, là tư liệu tham khảo phục vụ cho giảng dạy và học tập trong CTDH, hoặc được sử dụng để biên soạn giáo trình, làm tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.03].

Để đạt được các kết quả đó, không chỉ là sự nhận thức của mỗi giảng viên trong ngành Công nghệ Thực phẩm mà còn là chiến lược phát triển tổng thể của trường Đại học Quy Nhơn, được thể hiện rõ trong các văn bản quy định. Những văn bản này khẳng định nghiên cứu khoa học luôn được ưu tiên thúc đẩy, coi đó là nền tảng quan trọng để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có việc cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập. Đồng thời, trường cũng chú trọng xây dựng một môi trường học thuật năng động, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, từ đó tạo ra những cơ hội học hỏi và phát triển cho cả giảng viên lẫn học viên. Việc đầu tư vào nghiên cứu khoa học không chỉ nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên mà còn giúp tạo ra những sáng kiến, phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường [H10.10.04.04], [H10.10.04.05].

Không chỉ đối với ngành CNTP, các ngành khác trong Khoa KHTN đều chú trọng NCKH, nội dung và các kết quả của đề tài thu được đều được sử dụng trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao, cải tiến hoạt động giảng dạy. Điều này được thể hiện qua việc các GV trong Khoa thường xuyên công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước [H10.10.04.06]. Khoa KHTN được đánh giá là một trong những khoa có phong trào NCKH mạnh trong Trường.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, nhiều buổi seminar khoa học với chuyên đề seminar là các kết quả NCKH của GV và NH đã được thực hiện. Các buổi seminar khoa học giúp giảng viên cập nhật kiến thức mới và phương pháp giảng dạy hiệu quả, từ đó cải tiến chất lượng bài giảng. Seminar cũng tạo cơ hội để thảo luận, phản biện và nhận phản hồi từ đồng nghiệp, giúp giảng viên đổi mới sáng tạo trong giảng dạy. Điều này không chỉ nâng cao năng lực giảng dạy mà còn cải thiện hiệu quả học tập của NH. Từ

năm 2020 đến nay, ngành CNTP đều tổ chức các buổi seminar mỗi năm. Thống kê số lượng seminar của GV ngành CNTP đến nay là 10 seminar chuyên đề cấp Khoa [H10.10.04.07].

Trong Nhà trường, việc phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên cũng được chú trọng, đặc biệt tại Khoa KHTN và ngành Công nghệ Thực phẩm. Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm tôn vinh những thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học của sinh viên, bao gồm các công trình nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước, quốc tế. Những đề tài đạt thành tích cao sẽ được trao thưởng theo quyết định của hội đồng đánh giá cấp Trường và được giới thiệu tham gia xét giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Bộ [H10.10.04.08]. Trong giai đoạn 2020-2025, sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm đã thực hiện tổng cộng 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường [H10.10.04.09]. Đặc biệt, các SV ngành CNTP khi có đủ điều kiện đều được giao đề tài tốt nghiệp chủ yếu là về NCKH, năm học 2023 – 2024 đã có 40 SV khóa đầu tiên ngành CNTP cho thấy sự liên quan mật thiết giữa NCKH và công tác giảng dạy [H10.10.04.10]

Để thúc đẩy các NCKH, được sự cho phép và khuyến khích của Nhà trường, Khoa và Bộ môn cũng tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác với các viện nghiên cứu, thường xuyên tổ chức các chương trình và hội thảo kết nối, tạo cơ hội hợp tác cả trong và ngoài nước để thúc đẩy việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến công tác giảng dạy của giảng viên và nâng cao hiệu quả học tập của NH. Cụ thể, từ năm học 2018-2019, thông qua Nhà trường, Khoa đã có hợp tác với Trường Đại học KU. Leuven Vương quốc Bỉ và một số trường đại học có danh tiếng khác tại Châu Âu trong khuôn khổ dự án IUC. Đây là một dự án hứa hẹn mang lại nguồn lực để xây dựng tăng cường năng lực cơ sở vật chất phòng thí nghiệm và nâng cao trình độ giảng dạy và NCKH của GV trong giai đoạn hợp tác kéo dài 10 năm bắt đầu từ tháng 09 năm 2022 [H10.10.04.11]. Nhiều GV của Khoa và Bộ môn tham gia học tập và hợp tác NCKH tại các trường ĐH quốc tế có uy tín nhằm trao đổi, giới thiệu các phương pháp giảng dạy mới, các công nghệ giảng dạy hiệu quả hay các hướng nghiên cứu [H10.10.04.12]. Bên cạnh đó, Khoa cũng thực hiện ký kết các biên bản hợp tác với các đơn vị về tăng cường trao đổi nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV, trang bị năng lực học và trau dồi kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho NH thông qua các hoạt động định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ và tiếp nhận đào tạo nghề trong giai đoạn thực tập [H10.10.04.13].

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động NCKH được Nhà trường và Khoa chú trọng trong đó có các đề tài NCKH gắn kết và phục vụ cho công tác đào tạo của CTĐT ngành CNTP. Kết quả của



các đề tài đều được ứng dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy của các học phần trong CTDH.

Trường và Khoa thường xuyên tổ chức các chuyên đề, hội nghị và các chương trình hợp tác nhằm phổ biến và áp dụng các kết quả NCKH nhằm cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và các kỹ năng học tập của NH.

### **3. Điểm tồn tại**

Vì thời gian mở ngành ngắn nên các kết quả NCKH của GV, NH chưa nhiều. Các GV trong ngành CNTP chưa có nhiều công bố cũng như tham gia các Hội thảo thuộc các chuyên đề trong các chương trình hợp tác và phát triển các chương trình dạy học cho GV và NH.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo và xây dựng CTDH, mời và tiếp nhận giáo sư nước ngoài, đến giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật để tạo điều kiện cho GV, NH được nâng cao trình độ chuyên môn.	Phòng KHCN & HTQT Khoa KHTN	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH của GV và SV toàn Khoa, đặc biệt ưu tiên cho các đề tài NCKH mang tính chất liên ngành và liên quan đến phát triển chuyên đề mới trong nội dung giảng dạy các học phần liên quan. - Chủ động phát triển đội ngũ GV của ngành thành nhóm nghiên cứu mạnh.	Khoa KHTN Ngành CNTP	Từ năm học 2025-2026  Giai đoạn 2025 - 2030	

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.**

**Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Với những mục tiêu đào tạo đã được đặt ra, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, cũng như các tiện ích phục vụ công

tác giảng dạy và học tập. Nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, Nhà trường thực hiện việc đánh giá định kỳ các dịch vụ này, qua đó xác định các điểm cần cải thiện và nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của giảng viên và sinh viên. Trường Đại học Quy Nhơn đã ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có những quy định và tiêu chí cụ thể liên quan đến việc cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ. Các văn bản này đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và giám sát hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho việc phát triển các dịch vụ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Việc chú trọng cải tiến các dịch vụ này không chỉ giúp nâng cao trải nghiệm học tập của sinh viên mà còn hỗ trợ giảng viên trong công việc giảng dạy và nghiên cứu, từ đó góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của Nhà trường [H10.10.05.01].

Việc lấy ý kiến phản hồi của người dạy và người học về chất lượng CSVC phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện định kỳ hằng năm. Các đơn vị chức năng triển khai nhiều hình thức lấy ý kiến qua bộ công cụ khảo sát bao gồm các biểu mẫu phiếu khảo sát và các phần mềm được sử dụng để hỗ trợ khảo sát [H10.10.05.02]. Cụ thể, việc đánh giá mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo (hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng tự học; hệ thống công nghệ thông tin, thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện hàng năm với các SV năm thứ 2 và 3 (biểu mẫu 05a), với GV (theo biểu mẫu 06), với SV năm cuối (theo biểu mẫu 02a). Các kênh khảo sát này đã thu thập được nhiều thông tin đề xuất, phản ánh xác đáng liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy GV và SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV các khóa về hoạt động hỗ trợ đào tạo định kỳ trong các đợt tự đánh giá cấp Trường các CTĐT để có được thông tin toàn diện hơn [H10.10.05.03].

Những khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của người sử dụng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã mang lại những thông tin thiết thực, giúp Nhà trường nhận diện được những điểm mạnh và hạn chế trong công tác hỗ trợ đào tạo. Những dữ liệu thu thập được đã trở thành cơ sở quan trọng để Nhà trường không ngừng cải thiện, từ đó nâng cao chất lượng các dịch vụ, đảm bảo sự hài lòng tối đa cho sinh viên và giảng viên. Cùng với đó, trong hoạt động của thư viện, Nhà trường cũng chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về các dịch vụ của thư viện. Các cuộc khảo sát này giúp thư viện hiểu rõ hơn về nhu cầu và mong muốn của người sử dụng, từ đó thực hiện các điều chỉnh và cải tiến cần thiết. Những thay đổi này không chỉ giúp nâng cao chất lượng phục vụ, mà còn mang lại trải nghiệm tốt hơn cho người đọc, góp phần quan trọng trong công tác hỗ trợ

học tập và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên [H10.10.05.04]. Cụ thể: Các tài liệu và học liệu của thư viện luôn được cập nhật và mua bổ sung hàng năm; CB, GV và SV được phép truy cập cơ sở dữ liệu điện tử của cơ sở dữ liệu số của Thư viện Trường ĐHQN để phục vụ công tác dạy học và công tác nghiên cứu; cơ sở vật chất và các giải pháp hỗ trợ truy cập dữ liệu, học liệu cho hoạt động giảng dạy và NCKH được nâng cấp bằng kinh phí từ các chương trình hợp tác quốc tế gần đây [H10.10.05.04]. Về hoạt động của phòng thí nghiệm – thực hành, hàng năm, bên cạnh việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV và NH về chất lượng đáp ứng các yêu cầu dạy và học của hệ thống phòng thí nghiệm, Nhà trường còn chủ động tiến hành kiểm kê tài sản cố định tại các phòng thí nghiệm – thực hành, đánh giá chất lượng thường xuyên của các trang thiết bị. Những thiết bị hư hỏng nhiều sẽ được đề xuất thanh lý và mua thay thế thiết bị mới. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tiến hành rà soát các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm – thực hành và kiến nghị Nhà trường sửa chữa, nâng cấp [H10.10.05.05]. Mặt khác, hàng năm Nhà trường luôn ưu tiên phân bổ kinh phí để mua sắm thiết bị, dụng cụ và hóa chất đáp ứng việc đào tạo SV ngành CNTP [H10.10.05.06]. Về hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường luôn có kế hoạch trang bị và nâng cấp thiết bị tin học, lắp đặt wifi cho hệ thống phòng học, phòng thực hành [H10.10.05.07]. Mặt khác, Nhà trường luôn có những cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác. Cụ thể, năm học 2018 - 2019, Nhà trường triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, Nhà luyện tập thể dục thể thao, Trạm y tế, Thư viện [H10.10.05.08]. Bộ phận giữ xe của Nhà trường cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi xe ra vào Trường [H10.10.05.09].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường có triển khai đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích hàng năm; trên cơ sở đó thực hiện cải tiến chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm và hệ thống công nghệ thông tin.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho NH như tư vấn truy cập và kỹ năng lưu trữ thông tin theo chuyên ngành, hỗ trợ các kỹ năng viết học thuật dành cho nghiên cứu, nâng cao nhận thức về vấn đề bản quyền và đạo văn, các hỗ trợ in ấn... tại thư viện chưa được triển khai.

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH (hỗ trợ tìm kiếm học liệu, in ấn, hoạt động ngoại khóa...) tại thư viện	Trường ĐHQN Thư viện	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu tham khảo, đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng; - Tiếp tục hiện đại hóa CSVCS hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm và các dịch vụ tiện ích khác.	Trường ĐHQN	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến**

**1. Mô tả hiện trạng**

Tại trường ĐHQN, cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Nhà trường tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo đại học và sau đại học thành Phòng KT&BĐCL theo Quyết định số 1301/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường ĐHQN ngày 23/10/2009. Phòng KT&BĐCL có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạt động KT&BĐCL giáo dục của Nhà trường [H10.10.06.01]. Hiện nay, Phòng KT&BĐCL là phòng ban xây dựng các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các quy định này được ban hành cùng các Quyết định như QĐ số 2867 ban hành năm 2019 và QĐ số 2750 ban hành năm 2021 được điều chỉnh và bổ sung từ QĐ số 2867. Các văn bản này thể hiện được mục đích, yêu cầu, quy định quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.02]. Bắt đầu từ năm 2013, Phòng KT&BĐCL đã thực hiện đề tài NCKH cấp trường với đề tài: “Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn” để thực hiện cải tiến công tác này. Đến năm 2018, phần mềm E-survey đã được nhà trường xây dựng tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo để việc lấy ý kiến phản hồi thực hiện có tính hệ thống và khoa học hơn, NH có trách nhiệm phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT sau khi kết thúc học phần hoặc trước khi tốt nghiệp. Sự đa dạng của công cụ khảo sát giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng hơn, độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật, có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều

năm [H10.10.06.03].

Trường luôn quan tâm và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Hàng năm, Nhà trường luôn đưa ra các thông báo cũng như kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau khi khảo sát, Phòng KT& BĐCL luôn có văn bản báo cáo, đánh giá về công tác khảo sát kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến công tác khảo sát trong thời gian tới. Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện bao gồm những công việc như: khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; khảo sát ý kiến cụ thể người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H10.10.06.04]. Đồng thời, Ý kiến phản hồi của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hằng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Trường, Lãnh đạo Khoa luôn được nhà trường tiếp nhận [H10.10.06.05].

Trong quá trình giảng dạy ngành Công nghệ Thực phẩm, một số hoạt động như lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình dạy và học được thu thập để làm căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích. Điều này giúp nâng cao chất lượng đào tạo ngành kỹ sư Công nghệ Thực phẩm. [H10.10.06.02], [H10.10.06.06].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường quy định cụ thể trong văn bản, được thể hiện một cách hệ thống và được đánh giá, lấy ý kiến thường xuyên. Ngoài ra, nội dung các phiếu khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của GV và NH được cập nhật thường xuyên làm cơ sở cho việc đánh giá ý kiến phản hồi của các bên liên quan và có sự điều chỉnh, cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về cơ chế phản hồi chưa được thực hiện rộng rãi với nhiều đối tượng.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc	Cần triển khai rộng rãi việc lấy	Phòng	Từ năm học	

	phục tồn tại	ý kiến các bên liên quan về cơ chế phản hồi tới nhiều đối tượng như cựu SV, nhà tuyển dụng, các đơn vị đang sử dụng SV đã tốt nghiệp.	KT&BDCL	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; - Thường xuyên cập nhật và tinh chỉnh bảng hỏi để thu thập được nhiều thông tin phản hồi giá trị.	Phòng KT&BDCL Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan luôn được Nhà trường và Khoa xác định là yếu tố quan trọng của đảm bảo chất lượng đào tạo; Việc thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH ngành CNTP được thực hiện theo quy trình rõ ràng, khoa học, rà soát CTDH được tiến hành thường xuyên.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ kiểm tra/thi đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức kiểm tra/thi đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản của NH, tuy nhiên cần đẩy nhanh hiện đại hóa hệ thống thư viện để hỗ trợ tốt nhất cho việc học tập của SV. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã mang tính hệ thống, nhưng cần được vận dụng triệt để hơn để đánh giá, kịp thời cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ NH và các các bên liên quan được thực hiện dựa trên bộ câu hỏi chung của Nhà trường nên chưa đảm bảo tốt nhất cho sự phù hợp với đặc thù của ngành đào tạo. Việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của GV mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật các phương tiện và tài liệu giảng dạy hiện đại cho các GV của Khoa. Kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### ***Mở đầu***

Đánh giá kết quả đầu ra là khâu quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo trong một cơ sở giáo dục đại học. Hiểu rõ được điều này, Khoa Khoa học Tự nhiên cũng như Trường ĐH Quy Nhơn rất coi trọng việc đánh giá, giám sát, đối chiếu kết quả đầu ra thông qua một số các chỉ tiêu như tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, số lượng SV có việc làm, loại và số lượng NCKH. Cùng với hoạt động này, Nhà trường và Khoa Khoa học Tự nhiên còn chú trọng việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để nâng cao được kết quả đầu ra.

Trường ĐH Quy Nhơn đã xây dựng một quy trình rõ ràng, phân công phòng ĐTDH có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Khoa KHTN luôn quan tâm và nắm rõ tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý đào tạo để hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên. CVHT thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến công tác khảo sát việc làm của SV luôn được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy.

Ban chủ nhiệm Khoa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH của SV đối với việc nâng cao chất lượng dạy học và học tại Khoa nên luôn quan tâm và hỗ trợ cho hoạt động này. NCKH trong SV vừa là khuyến khích vừa là bắt buộc đối với ngành Công nghệ thực phẩm (100% SV ngành Công nghệ Thực phẩm phải làm đồ án tốt nghiệp cuối khóa), thông qua hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng đồ án tốt nghiệp của SV, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của người học.

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa cũng đã nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan nên đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi. Trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên có liên quan, Nhà trường và Khoa KHTN định kỳ thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh nhằm cải tiến CTĐT cũng như chất lượng giảng dạy, phục vụ đào tạo nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế của người học cũng như các đơn vị tuyển dụng.

## ***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Phòng ĐTDH là phòng chức năng quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của SV. Phòng quản lý, giám sát hiệu quả, chính xác và đầy đủ dữ liệu về người học. Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo bao gồm SV nghỉ học tạm thời, kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, thôi học đối với sinh viên; tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, danh sách SV thôi học, tốt nghiệp được phòng ĐTDH cập nhật hàng năm, đặc biệt sau khi xử lý theo trình tự quy định, những dữ liệu trên sẽ được lưu vào hồ sơ của Phòng ĐTDH [H11.11.01.01].

Quy định đào tạo trình độ ĐH của Trường quy định rõ khung thời gian học tập của CTĐT Công nghệ Thực phẩm trình độ Kỹ sư đại học được quy định tối đa là 4,5 năm, việc kéo dài thời gian học tập của SV không quá 7 năm [H11.11.01.02]. SV được Nhà trường quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ để có thể hoàn thành CTĐT trong thời gian quy định. Thêm vào đó, mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp. Ban cán sự là cầu nối giữa tập thể lớp với GV, viên chức quản lý và các bộ phận hỗ trợ; trong đó có việc nắm bắt tình hình học tập của SV. Hàng năm Nhà trường tiến hành xét kết quả học tập và thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho SV đã hoàn thành CTĐT [H11.11.01.03], [H11.11.01.04]. Kết quả này sẽ đưa về Khoa, thông qua CVHT và lớp trưởng từng lớp sẽ thông báo trực tiếp cho sinh viên và gia đình [H11.11.01.05], [H11.11.01.06]. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát ở cấp bộ môn, khoa và trường (thông qua phòng ĐTDH).

Việc so sánh, đối chiếu, kiểm kê hàng năm về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến CTĐT luôn được chú trọng. Khoa đã tiến hành đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của ngành Công nghệ Thực phẩm với các ngành kỹ sư khác trong Khoa từ đó tìm hiểu nguyên nhân sinh viên thôi học, sinh viên chậm tốt nghiệp làm cơ sở đưa ra biện cải tiến chất lượng CTĐT

### ***2. Điểm mạnh***

Công tác giám sát cơ sở dữ liệu về CNTP đã được Nhà trường và Khoa KHTN làm tốt trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH, đối sánh trong trường với các ngành đào tạo khác. Các số liệu này được phân tích, báo cáo hàng năm qua các cuộc họp Khoa, làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng CTĐT,



hạn chế số lượng người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc đối sánh ngoài trường về tỉ lệ SV tốt nghiệp của Nhà trường chưa tiến hành cho ngành Công nghệ Thực phẩm. Nguyên nhân do thiếu dữ liệu thống kê của các Trường khác để tiến hành đối sánh.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học của ngành Công nghệ Thực Phẩm với cùng ngành từ các Trường khác	Phòng ĐTDH Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp	Phòng ĐTDH Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.**

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh có chất lượng.**

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Tất cả các hệ và hình thức đào tạo tại trường được tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT. Phòng ĐTDH và Khoa Khoa học tự nhiên là các đơn vị theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên [H11.11.01.01]. Từ năm 2010, đào tạo theo hệ thống TC được thực hiện tại Trường ĐHQN [H11.11.01.02], theo đó thời gian tốt nghiệp là thời gian sinh viên hoàn thành CTĐT theo quy định của hệ thống tín chỉ để được cấp bằng tốt nghiệp. Đối với ngành Công nghệ Thực Phẩm, sinh viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo xuống dưới 4,5 năm hoặc kéo dài thời gian học tập tối đa là 6,5 năm.

Để đánh giá được chương trình dạy và học, Nhà trường cũng ban hành quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, trong đó có hoạt động thu thập phản hồi của người học làm cơ sở nâng cao chất lượng dạy và học nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT của người học [H11.11.02.01]. Khoa KHTN đã thực hiện việc thống kê, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hàng năm nhằm đề xuất các hoạt động cải

tiền chất lượng CTĐT và có biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.01.08]. Sở tay nghiệp vụ được Khoa lập cũng như đã tiến hành tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Qua tìm hiểu cho thấy nguyên nhân chủ yếu của việc kéo dài CTĐT là do người học đã không tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết của một CTĐT cũng như thiếu các chuẩn đầu ra như ngoại ngữ, tin học hay các môn điều kiện như GDTC, GDQP. Một số lý do đặc biệt khác như người học nghỉ học tạm thời vì các lý do cá nhân nên khi trở lại học thì CTĐT đã được cập nhật, sửa đổi (CTĐT 2017 so với CTĐT 2020 và CTĐT 2022) nên người học sẽ khó khăn hơn trong việc tìm các học phần tương đương, học phần thay thế để đảm bảo tích lũy đủ số TC cho CTĐT.

Nhà trường và Khoa sau khi phân tích, tìm hiểu các nguyên nhân đã xây dựng, triển khai một số giải pháp nhằm hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng thời hạn như: thường xuyên cung cấp thông tin về hệ thống đào tạo TC, thông báo tới SV có nguy cơ chậm tiến trình, nhanh chóng cập nhật điểm số của SV qua hệ thống tài khoản của SV; lập danh sách SV bị cảnh cáo kết quả học tập và báo về gia đình thông qua CVHT để nhắc nhở và nâng cao ý thức học tập của những SV có điểm số tích lũy thấp [H11.11.01.05], [H11.11.01.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các học kỳ phụ, mở thêm các lớp ôn tập với sĩ số ít để tạo điều kiện cho SV cải thiện điểm số, ra trường đúng thời hạn [H11.11.02.03], đồng thời với việc phân công CVHT phù hợp với chuyên ngành và có trách nhiệm để cung cấp các hỗ trợ giá trị về chuyên môn và tạo động lực cho SV trong học tập. Ngoài ra khoa KHTN đã tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp của ngành Công nghệ Thực phẩm với các CTĐT khác trong Khoa. Các biện pháp nói trên luôn được tổng kết, đánh giá hiệu quả trong các cuộc họp bộ môn, khoa để cải tiến và sâu sát hơn trong hỗ trợ NH.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có một bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp, theo dõi, thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học.

Nhà trường và Khoa đã tiến hành nghiên cứu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm, tìm ra nhiều giải pháp để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá kế tiếp.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học chưa được thực hiện thường xuyên. Vì vậy, Nhà trường và Khoa mới chỉ thực hiện được một số biện pháp nhất định dẫn đến ít có sự bổ sung giải pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian hoàn thành CTĐT.

Việc Đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành CNTT trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo chưa thể tiến hành được vì Nhà trường chưa thu thập được dữ liệu liên quan từ các Trường khác trong nước và quốc tế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học một cách thường xuyên hơn.</li> <li>- Thực hiện thu thập dữ liệu để đối sánh trong nước về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo.</li> </ul>	Phòng ĐTDH Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giám sát số lượng SV tốt nghiệp hàng năm, mở rộng các thông tin bảo lưu về người học như: các môn có tỉ lệ học lại cao, nguyên nhân người học chưa hứng thú với việc học vượt tiến độ.</li> <li>- Hoàn thiện quy trình phân tích, đánh giá các nguyên nhân thôi học.</li> </ul>	Phòng ĐTDH Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

#### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí ở mức 4/7.**

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một chỉ số quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng như của Khoa. Đây không chỉ là minh chứng cho khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động mà còn là chỉ tiêu thể hiện mức độ hiệu quả của quá trình đào tạo, đặc biệt là trong việc định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ sinh viên tìm kiếm cơ hội việc làm. Tỷ lệ này còn là yếu tố quan trọng đánh giá sự chủ động của sinh viên trong việc chuẩn bị và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong suốt quá trình học tập. Để nâng cao hiệu quả hỗ trợ sinh viên, từ năm học 2010-2011, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh

nghiệp. Trung tâm này không chỉ giúp kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thống kê và đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, cũng như mức thu nhập bình quân của họ trong thời gian đánh giá. Trung tâm còn thực hiện các chương trình tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ kỹ năng mềm và cung cấp thông tin thị trường lao động, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp với chuyên môn và sở thích của mình. Những hoạt động này góp phần nâng cao tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, đồng thời khẳng định chất lượng đào tạo và cam kết của Nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao [H11.11.03.01].

Hàng năm, Trung tâm luôn triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt kịp thời tình hình việc làm của SV đã tốt nghiệp [H11.11.03.02]. Từ nguồn dữ liệu khảo sát được xử lý, Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp đã thu được số liệu đáng tin cậy về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.03].

Khóa đầu tiên của ngành CNTP vừa mới tốt nghiệp vào tháng 12/2024, vẫn chưa có một khảo sát về tỉ lệ sinh viên có việc làm. Tuy nhiên, Khoa và Nhà trường đã luôn thường xuyên kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là SV tốt nghiệp, Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT, tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng, tổ chức ngày hội việc làm hàng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ SV sớm có việc làm [H11.11.03.06], [H11.11.03.07], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09], [H11.11.03.10].

## **2. Điểm mạnh**

Việc khảo sát tình hình SV tốt nghiệp có việc làm của các ngành trong trường được Khoa KHTN và Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện và giám sát hàng năm.

Nhiều doanh nghiệp đã hợp tác hỗ trợ Nhà trường về đầu ra việc làm cho SV ngành CNTP.

## **3. Điểm tồn tại**

Do khóa đầu tiên của ngành vừa mới tốt nghiệp nên vẫn chưa có khảo sát chính thức về tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Phối hợp với Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp kết nối SV để thu	Trung tâm TVTS & QHDN Khoa KHTN	Từ năm học 2025-2026	

		được kết quả khảo sát chính thức và chính xác.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoạt động khảo sát tình hình có việc làm của SV tốt nghiệp hàng năm; - Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp để tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp.	Trung tâm TVTS & QHDN Khoa KHTN	Hàng năm	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.**

**Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả hiện trạng**

Ngành CNTP đào tạo các kỹ sư CNTP, đối với tất cả các hệ đào tạo kỹ sư tại trường, có 2 loại hình nghiên cứu khoa học được xác lập cụ thể: (1) Làm đồ án tốt nghiệp, là một dạng báo cáo khoa học, bắt buộc đối với tất cả các SV; (2) Đề tài NCKH SV là hình thức NCKH không bắt buộc, được thực hiện theo nguyện vọng và năng lực của SV. Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế có chức năng quản lý, tổ chức các hoạt động về khoa học công nghệ và được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường. Vì vậy đối với hoạt động NCKH của sinh viên, phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế là đơn vị chịu trách nhiệm về việc phân bổ số lượng đề tài, theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện đề tài NCKH SV [H11.11.01.01].

Loại hình và số lượng hoạt động NCKH SV được giám sát đầy đủ. Nhà trường có hệ thống theo dõi và giám sát các hoạt động NCKH của SV. Hàng năm, căn cứ vào phương hướng và kế hoạch công tác NCKH SV được đề xuất trong báo cáo tổng kết công tác NCKH SV năm trước, Nhà trường đưa ra kế hoạch NCKH SV gửi về các khoa về việc đăng ký tham gia tuyển chọn đề tài NCKH SV và danh mục số lượng đề tài NCKH SV phân bổ cho các khoa. Số lượng đề tài NCKH SV từng năm phân bổ cho các khoa được xác định dựa trên số lượng SV đang tham gia học tập tại từng khoa trong năm đó [H11.11.04.02]. Về cấp độ khoa, vì đây là hoạt động thường niên nên trước khi có công văn triển khai của Nhà trường khoảng 3 tháng, lãnh đạo Khoa KHTN đã triển khai cho toàn thể GV và SV trong khoa việc lựa chọn nhóm nghiên cứu cũng như định hướng đề tài nghiên cứu, từ đó có sự chuẩn bị kỹ hơn cho hoạt động NCKH SV của Khoa.

Dựa vào danh mục đề tài được Hội đồng Khoa xét chọn và số lượng đề tài phân bổ cho từng khoa, Nhà trường phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho từng nhóm SV thực hiện

đề tài. Trong quá triển khai thực hiện đề tài, loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH luôn được Nhà trường theo dõi và giám sát dựa trên những văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài. Định kỳ các khoa phải nộp báo cáo tình hình thực hiện đề tài về Phòng KHCN & HTQT nhằm đôn đốc việc thực hiện đề tài cũng như theo dõi, giám sát tiến độ và sản phẩm đạt được [H11.11.04.03]. Ngoài ra, trước khi đến thời gian nghiệm thu đề tài cấp Trường, Nhà trường thông báo đến các trưởng khoa về việc tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH SV cấp Khoa để làm căn cứ xét chọn các đề tài tham gia giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” hàng năm [H11.11.04.04]. Sau khi lập hội đồng đánh giá bình chọn đề tài nghiên cứu theo từng khối ngành, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV để tổng kết đánh giá hoạt động NCKH của SV thực hiện trong năm học và khen thưởng các SV đạt giải vì có thành tích tốt trong NCKH [H11.11.04.05]. Trong báo cáo tổng kết, từ tình hình hoạt động NCKH của SV trong năm học đã xác định những thành tựu đạt được và một số hạn chế còn tồn đọng. Căn cứ trên kết quả đánh giá, báo cáo đề xuất giải pháp và phương hướng hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH SV theo hướng phù hợp với khả năng và trình độ của SV, phù hợp với CTĐT và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Đây cũng là thời điểm để Nhà trường công bố Kỷ yếu Hội nghị NCKH SV làm công trình lưu giữ về thành tựu NCKH SV ở từng năm [H11.11.04.06].

Việc đối sánh loại hình và số lượng NCKH của SV mới chỉ được thực hiện nội bộ giữa các CTĐT trong nhà trường, chưa có điều kiện thực hiện đối với các CSĐT khác (Bảng 11.4.1, 11.4.2). Một quy định của CTĐT trình độ Kỹ sư ngành CNTP là 100% SV bắt buộc phải thực hiện đồ án tốt nghiệp, và theo quy định đồ án tốt nghiệp là một báo cáo khoa học. Chính vì vậy, việc tham gia NCKH trước khi làm đồ án giúp SV có nhiều kinh nghiệm để thực hiện Đồ án tốt nghiệp sau này. Do đó, việc NCKH đối với SV Khoa chú trọng, quan tâm. Thực tế việc lựa chọn nhóm nghiên cứu cũng như đề tài nghiên cứu chỉ dựa trên cơ sở thống nhất giữa giáo viên hướng dẫn và SV, căn cứ vào hướng nghiên cứu chuyên sâu của giáo viên và chuyên ngành SV được đào tạo nên loại hình NCKH chưa thực sự đa dạng. Ngoài ra, sự hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTDH khác dẫn đến Trường chưa thể đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV với các cơ sở đào tạo khác. Việc đối sánh chỉ ở cấp độ trong Trường, trong Khoa (giữa các ngành đào tạo trình độ Kỹ sư) như thống kê ở bảng dưới đây.

**Bảng 11.4.1.** Tình hình thực hiện đề tài NCKH của sinh viên ngành CNTP năm 2022

Năm học	Tổng số đề tài được phân bố (cho toàn Khoa)	Số lượng SV tham gia toàn khoa	Tổng số đề tài được duyệt (cho ngành CNTP)	Số lượng SV tham gia (cho ngành CNTP)

2022-2023	08	32	02	10
-----------	----	----	----	----

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế)

**Bảng 11.4.2.** Đối sánh tình hình NCKH của SV ngành CNTP với ngành Công nghệ kỹ thuật Hóa học và Quản lý đất đai giai đoạn 2022 – 2023

Năm học	Nông học			Công nghệ kỹ thuật Hóa học			CNTP		
	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (SV tham gia so với tổng số SV tham gia của khoa)	Số đề tài	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (SV tham gia so với tổng số SV tham gia của khoa)	Số đề tài	Số lượng SV tham gia NCKH	Tỷ lệ (SV tham gia so với tổng số SV tham gia của khoa)	Số đề tài
2022-2023	06	06/32	02	08	04/32	01	10	10/32	02

(Nguồn: Thống kê từ số liệu của Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế)

Số SV tham gia NCKH của ngành CNTP cao hơn so với các ngành đào tạo kỹ sư khác trong Khoa. Điều này là cơ sở để Khoa KHTN nói chung và ngành CNTP nói riêng tiếp tục cải tiến phương pháp khuyến khích SV tham gia NCKH nhiều hơn thông qua cách đánh giá, kinh phí hỗ trợ cho SV làm nghiên cứu cũng như các chính sách học bổng khuyến khích cho SV có nghiên cứu chất lượng. Nhìn chung, Nhà trường luôn có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH và căn cứ vào thành tích NCKH xuất sắc thông qua các công trình khoa học đã đăng trên các tạp chí khoa học trong nước cũng như báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo. Đây đều là những minh chứng để khen thưởng hàng năm đối với SV và là điểm cộng để SV làm hồ sơ đăng ký các suất học bổng giá trị như Học bổng khuyến khích học tập, Học bổng Đạm Cà Mau, Học bổng Vallet,... [H11.11.04.04]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, đồ án/luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho NH tương thích với mục tiêu và CDR của CTĐT.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH; có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự

phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của NH.

Nhà trường và Khoa đã tổ chức thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng Khoa/Trường.

Thông qua các báo cáo tổng kết công tác NCKHSV hàng năm, nhà trường có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH.

### **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường đã thực hiện đối sánh loại hình và hoạt động nghiên cứu giữa các CTĐT. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo với nhau. Nguyên nhân khách quan do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTDH khác.

Bên cạnh đó, loại hình các hoạt động nghiên cứu của NH đã được xác định trong chiến lược phát triển của Nhà trường nhưng NH chỉ tham gia một số loại hình. Do vậy cần khuyến khích NH tham gia các loại hình khác để đa dạng hóa.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo với nhau (tập trung đối sánh với các cơ sở giáo dục có CTĐT được Khoa sử dụng để đối sánh, tham khảo khi xây dựng, rà soát CTĐT của mình).</li><li>- Khuyến khích NH tham gia nhiều loại hình NCKH khác nhau để đa dạng hóa.</li></ul>	Phòng KHCHN&HTQT  Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của SV dựa trên kết quả theo dõi, giám sát và đánh giá	Phòng KHCHN&HTQT Khoa KHTN	Hàng năm, từ năm 2025	

### **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.**



## ***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT và cũng là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học. Phòng KT&BDCL của Trường ĐHQN là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT [H11.11.05.01]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện dựa trên các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H11.11.05.02]. Trong đó, Nhà trường sử dụng nhiều công cụ khác nhau để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như thông qua tài khoản cá nhân của SV Trường ĐHQN, trang quản trị phần mềm khảo sát E-survey hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.03]. Theo đó, những năm vừa qua, Nhà trường đã định kỳ tiến hành khảo sát, thống kê, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Các nội dung khảo sát bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi của NH sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu NH, nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của NH về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm,... [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06]. Định kì hai năm, ngành CNTP thuộc Khoa KHTN tổ chức Hội thảo lấy ý kiến về CĐR CTĐT của ngành và nhu cầu tuyển dụng Kỹ sư CNTP của thị trường lao động [H11.11.05.07]. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc và khó khăn của SV trong quá trình học tập và sinh hoạt tại Trường [H11.11.05.08], [H11.11.05.09].

Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa KHTN thường xuyên tổng hợp, đánh giá, đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan để có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của các bên liên quan đến ngành CNTP (Bảng 11.5.1 và Bảng 11.5.2) [H11.11.05.10]. Bảng 11.5.1 cho thấy, SV khá hài lòng với CTĐT ngành CNTP và mức độ hoàn toàn hài lòng của SV năm cuối đối với CTĐT ngành CNTP cao. Chất lượng giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành - thí nghiệm của GV Khoa KHTN cũng nhận được sự hài lòng cao của SV (mức độ hài lòng khoảng 4,6/5) so với các ngành đào tạo khác trong Trường, năm học 2021 – 2022 (Bảng 11.5.2).

**Bảng 11.5.1.** Kết quả đối sánh mức độ hài lòng của SV sắp tốt nghiệp ngành CNTP về CTĐT

Năm học	Mức độ hài lòng (tỷ lệ %)				
	Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Năm học 2023 – 2024	2,4	2,4	4,9	41,5	48,8

(Nguồn: Các báo cáo khảo sát của Trường Đại học Quy Nhơn)

**Bảng 11.5.2.** Kết quả đối sánh mức độ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV Khoa KHTN và GV các Khoa khác trong trường ĐHQN, năm học 2021-2022 (theo thang 5)

Khoa	Năm học 2021 -2022			
	Học kỳ I		Học kỳ II	
	Giảng dạy Lý thuyết	Hướng dẫn Thực hành – Thí nghiệm	Giảng dạy Lý thuyết	Hướng dẫn Thực hành – Thí nghiệm
Khoa KHTN	4,60	-	4,59	4,61
Khoa Kinh tế và Kế toán	4,54	4,49	4,53	4,58
Khoa Sư phạm	4,61	4,52	4,55	4,70
Khoa Toán và Thống kê	4,55	4,57	4,61	4,62
Khoa Công nghệ thông tin	4,46	4,43	4,47	4,49
Khoa Tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh	4,56	4,53	4,55	-
Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn	4,58	4,51	4,63	4,59

(Nguồn: Các báo cáo khảo sát của Trường Đại học Quy Nhơn)

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh, Trường ĐHQN và Khoa KHTN đã định kỳ tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể, Nhà trường và Khoa đã nhiều lần lập kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT. Sau đó, Khoa KHTN tiến hành họp để đánh giá CTĐT, rà soát, điều chỉnh CDR và CTĐT ngành CNTP để trình Nhà trường ra quyết định ban hành. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT giúp Trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của người học, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng [H11.11.05.11].

## 2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN và Khoa KHTN đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan.

CTĐT của ngành CNTP được đánh giá khá tốt, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của NH, nhà tuyển dụng và xã hội.

Chất lượng hoạt động giảng dạy của GV Khoa KHTN nhận được sự hài lòng cao của NH.

Trường và Khoa đã rất nhạy bén trong việc cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

## 3. Điểm tồn tại

Khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được Khoa KHTN thực hiện thường xuyên.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan còn chưa được đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng;</li><li>- Triển khai đối sánh kết quả khảo sát CTĐT của ngành học với các cơ sở giáo dục khác.</li></ul>	Phòng KT & BĐCL Khoa KHTN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiếp tục có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để đánh giá toàn diện sự hài lòng của các bên liên quan;</li><li>- Thực hiện việc cập nhật, chỉnh sửa định kỳ CTĐT, nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, đáp ứng được nhu cầu của NH, nhà tuyển dụng và xã hội.</li></ul>	Trường ĐHQN Phòng KT & BĐCL Khoa KHTN	Hàng năm	

## **5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 11***

Kết quả đầu ra là một tiêu chuẩn cực kỳ quan trọng, đánh giá chính xác chất lượng của CTĐT. Do đó, để theo dõi chặt chẽ tiêu chuẩn này, Nhà trường đã có hệ thống quản lý một cách hiệu quả quá trình học tập của NH, thu thập số liệu NH tốt nghiệp, NH có việc làm hàng năm, ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Từ đó, tiến hành xử lý, đối sánh các kết quả khảo sát qua các năm để cập nhật và sửa chữa CTĐT, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xu hướng phát triển của xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo với nhau. Nguyên nhân khách quan do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTDH khác.

Nhìn chung, tỷ lệ SV tốt nghiệp cao, tỷ lệ SV thôi học khá thấp, hoạt động NCKH SV ngày càng phát triển. Kết quả khảo sát cũng phản ánh rõ, NH khá hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT ngành CNTP. Tuy nhiên, để khắc phục những tồn tại, Khoa KHTN và ngành CNTP cần tổ chức định kỳ các buổi tập huấn nhằm nâng cao vai trò của CVHT; tăng cường phối hợp với Trung tâm HTSV&QHĐN tổ chức các buổi tọa đàm để kết nối doanh nghiệp với SV, định hướng nghề nghiệp rõ cho SV sau tốt nghiệp; thu thập số liệu SV tốt nghiệp có việc làm, chưa có việc làm hoặc làm trái ngành, xử lý và đối sánh để đưa ra các giải pháp phù hợp; tăng cường hiệu quả các hoạt động thực hành, thực tập tốt nghiệp, NCKH và các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho SV.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTP đã đạt yêu cầu 5/7 02 tiêu chí (tiêu chí 11.4 và 11.5), có 03 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm (tiêu chí 11.1, 11.2, 11.3)

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

Sau khi tiến hành tự đánh giá nội bộ CTĐT Kỹ sư ngành Nông học theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Khoa KHTN/Bộ Môn SHUD-NN và Trường ĐHQN rút ra các kết luận sau:

#### **3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT**

##### **✓ Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Mục tiêu của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường, của Khoa và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại luật Giáo dục, Luật GDDH, Khung trình độ quốc gia.

- Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch dạy học theo từng năm học, từng học kỳ, được cụ thể hóa trong ma trận mục tiêu và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

- CDR của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và định kỳ rà soát, điều chỉnh CDR một cách bài bản, nghiêm túc với sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, sự tham khảo CDR từ một số CTĐT ngành Nông học của một số trường uy tín trong nước và quốc tế, ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp hợp tác, GV, SV, cựu học viên và cựu SV của Khoa; qua đó, giúp NH có cơ hội việc làm đa dạng và đặc biệt là có tinh thần khởi nghiệp.

##### **✓ Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

- Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành Nông học được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, có đầy đủ thông tin theo quy định, có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài; có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy, SV, nhà sử dụng lao động và cựu SV; được triển khai điều chỉnh, cập nhật định kỳ CTĐT và ĐCCT.

- Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Nông học được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Ma trận kiến thức, ma trận kỹ năng trong bản mô tả CTĐT hiển thị CDR của CTĐT và được cụ thể hóa trong ĐCCT các học phần.

### ✓ **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

- CTDH ngành Nông học của Khoa KHTN, Trường ĐHQN đã được thiết kế có cấu trúc, trình tự logic và có sự tích hợp của các các học phần nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp và từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các học phần có thí nghiệm – thực hành, các đợt thực tế, thực tập giúp NH dễ dàng tiếp cận với lĩnh vực liên quan đến Nông nghiệp.

- Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và chú trọng các kỹ năng mềm, khởi nghiệp. Nội dung các học phần luôn được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trên thế giới và ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra.

- ĐCCT của các học phần trong CTDH có các thông tin đầy đủ, cụ thể về hệ thống kiến thức cần đạt được, yêu cầu các học phần học trước được đề ra một cách hợp lý, không gây khó khăn cho NH trong việc lựa chọn đăng ký học phần.

- ĐCCT học phần đã mô tả được học phần, thể hiện rõ mục tiêu, CDR của học phần, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình thức đánh giá kiểm tra đối với NH đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng.

### ✓ **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

- Mục tiêu giáo dục của CTĐT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường và được phổ biến rộng rãi tới NH, GV, cộng đồng và xã hội.

- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi.

- Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng, linh hoạt, giúp NH đạt CDR.

- Các hoạt động học tập đa dạng như tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành tạo điều kiện và thúc đẩy SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm... qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

### ✓ **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Hình thức và nội dung đánh giá KQHT của NH được thể hiện rõ trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CDR của HP và CTĐT. Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng.

- Quy trình đánh giá kết quả học tập theo CDR rõ ràng. Các tiêu chí, thang điểm đánh giá được quy định rõ ràng, cụ thể.

- Có đầy đủ các văn bản quy định ban hành các quy định về các hoạt động chấm thi, kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, có kế hoạch và đúng hạn, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

- Kết quả học tập của NH được thông báo công khai, kịp thời và được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

- Thông tin phản hồi của NH về kết quả đánh giá được khảo sát, tổng hợp và phân tích kịp thời giúp cải thiện việc học tập của SV và NH.

- Nhà trường có ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH và được công bố rộng rãi, công khai đến NH.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

- Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được phân công và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Trường, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV; Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn CB, GV để bổ nhiệm, điều chuyển được quy định rất rõ ràng, đúng quy trình và công khai rộng rãi trên website của Trường và các phương tiện truyền thông.

- Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động hàng năm được Trường thực hiện nghiêm túc. Năng lực NCKH của GV được phát huy.

- Trường ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của CB, GV rõ ràng và tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV tham gia đầy đủ. Trường, Khoa KHTN và Bộ môn luôn có kế hoạch công tác cụ thể và thực hiện quản trị theo kết quả công việc đối với GV. Việc quản trị theo công việc được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công khai thông qua các phần mềm online (quản lý giờ NCKH).

- Các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV được xác lập, giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến công việc. Đội ngũ GV tham gia nghiên cứu chủ yếu thuộc nghiên cứu cơ bản với nhiều cấp khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ, cấp Nhà nước; xuất bản nhiều công trình khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín, tạp chí trong nước và quốc tế.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

- Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Trường, được công bố công khai và minh bạch cho tất cả các ứng viên đăng ký tuyển dụng.

- Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và hỗ trợ các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Trường đã xây dựng được quy trình, phương pháp đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên. Công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xác định toàn diện, đầy đủ, đúng quy định nhà nước.

- Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm; các nhân viên của khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có những hoạt động triển khai để đáp ứng kịp thời các nhu cầu đó; Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của nhân viên.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Chủ trương, chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên, đặc biệt là nhu cầu của xã hội đối với ngành học.

- Tiêu chuẩn và phương pháp tuyển sinh, lựa chọn NH được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Nhà Trường.

- Nhà trường có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của NH kịp thời, chính xác;

- Trường, Khoa rất quan tâm chú trọng trong rèn luyện các kỹ năng, tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn đối với NH. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác được Khoa và Nhà trường



thực hiện linh hoạt, đa dạng, chất lượng và hợp lý nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

- Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường xanh, sạch, đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho NH.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Trường ĐHQN có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng chức năng phù hợp, đảm bảo diện tích theo quy định để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH.

- Hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm thực hành từng bước được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT.

- Thư viện của Trường ĐHQN có nguồn học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo được trang bị đầy đủ và được bổ sung, cập nhật hàng năm.

- Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành đã được chú trọng đầu tư các thiết bị mới, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và NH.

- Hệ thống CNTT của Nhà trường đầu tư đã đáp ứng được các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

- Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ,... thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe.

- Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Nhà trường quan tâm. CB, GV, SV được làm việc, nghiên cứu, học tập trong không gian xanh, sạch, đẹp, trật tự, an toàn.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

- Thông tin phản hồi từ các bên liên quan luôn được Nhà trường và Khoa xác định là yếu tố quan trọng của đảm bảo chất lượng đào tạo; Việc thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH ngành Nông học được thực hiện theo quy trình rõ ràng, khoa học, rà soát CTDH được tiến hành thường xuyên.

- Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ kiểm tra/thi đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức kiểm tra/thi đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng

học phần theo CDR.

✓ **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

- Nhà trường đã có hệ thống quản lý một cách hiệu quả quá trình học tập của NH, thu thập số liệu NH tốt nghiệp, NH có việc làm hàng năm, ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Nhà trường chú trọng xử lý, đối sánh các kết quả khảo sát qua các năm để cập nhật và sửa chữa CTĐT, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xu hướng phát triển của xã hội.

- Tỷ lệ SV tốt nghiệp cao, tỷ lệ SV thôi học khá thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cao, hoạt động NCKH SV ngày càng phát triển.

**3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng CTĐT của cơ sở giáo dục đại học**

✓ **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- MT của CTĐT chưa thực sự theo kịp với các thay đổi kiến thức và về công nghệ Sinh học ứng dụng trong Nông nghiệp, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Công bố CDR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên.

✓ **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

- Việc thông tin bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa thực sự đầy đủ.

- Đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, ĐCCT học phần chưa được sâu rộng.

- Tài liệu tham khảo ở một số ĐCCT học phần còn chưa được liệt kê và cập nhật đầy đủ.

✓ **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Việc cập nhật và đáp ứng của CTĐT ngành Nông học với sự thay đổi của xã hội, thông tin phản hồi từ việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa đa dạng, số lượng CTĐT đối sánh trong nước và nước ngoài chưa nhiều.

✓ **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

- Phổ biến Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các bên liên quan chưa đa dạng.

- Phương pháp dạy học vẫn chưa thật sự phát huy hết khả năng và phát triển năng lực của NH. Khả năng tiếp thu, tính chủ động, tích cực của SV ngành Nông học còn hạn chế nên sự tương tác giữa GV và SV trong quá trình giảng dạy và học tập trên lớp chưa cao.

- Các Hội thảo về phương pháp giảng dạy, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm vẫn chưa được tổ chức định kỳ.

- Hệ thống CSVC ở phòng thí nghiệm, thực hành tuy được cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn thiếu một số trang thiết bị đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch tổ chức phương pháp dạy và học phát huy tính chủ động cho SV.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Các học phần chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau để đánh giá kết quả học tập của NH một cách khách quan và chuẩn xác.

- Nhiều SV chưa quan tâm và không nắm rõ cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập dù các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong ĐCCT học phần, được GV và CVHT phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên website của Nhà trường, Khoa.

- Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

- Trường chưa có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài.

- Trường chưa có các quy định cụ thể về định mức đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng và một số nhiệm vụ chuyên môn khác đối với GV.

- Công tác điều chuyển cán bộ của Trường chưa được phổ biến rộng rãi.

- Các tiêu chí đánh giá năng lực phục vụ, đóng góp cho cộng đồng của GV chưa được rõ ràng.

- Trường chưa khảo sát bằng văn bản nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV của Khoa hàng năm.

- Chính sách khen thưởng chưa thực sự hợp lý cho các cá nhân, nhóm nghiên cứu có nhiều công trình NCKH xuất sắc, chưa thật sự tạo động lực cho GV.

- Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong và ngoài trường còn chưa phong phú, chưa tham gia nhiều các đề tài NCKH ứng dụng và chuyên giao KHCN.

✓ **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

- Công tác tuyển sinh bậc đại học của Khoa gặp khó khăn, quy mô hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Khoa chưa được đổi mới toàn diện, dẫn đến công tác quy hoạch, bổ sung đội ngũ nhân viên làm việc tại phòng thí nghiệm, thực hành cũng chưa được thường xuyên chú trọng.

- Công tác phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên cũng như lập kế hoạch thực hiện quy hoạch đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

- Phản hồi của học viên về chất lượng phục vụ của nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

- Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh cho nhân viên còn hạn chế.

✓ **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Việc đánh giá, tiếp thu những phản hồi của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội, môi trường học tập thực tế vẫn chưa thực hiện đầy đủ 100,0%.

- Sự phát triển mạnh của công nghệ 4.0 với mạng xã hội làm cho NH thờ ơ, ít chủ động trong tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập và rèn luyện kỹ năng chưa cao.

✓ **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Tiến độ bảo dưỡng, sửa chữa vẫn còn chậm, một số thiết bị của Khoa vẫn chưa được bảo dưỡng và nâng cấp.

- Thư viện Trường ĐHQN đã có sự liên kết, hợp tác với các thư viện khác nhưng sự liên kết, chia sẻ tài nguyên chưa nhiều và chưa đa dạng.

- Còn một số máy tính có cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của cán bộ, GV và học tập của SV.

- Việc phổ biến và nâng cao kỹ năng phòng cháy chữa cháy chưa được triển khai phổ biến cho toàn thể viên chức Nhà trường và NH.

✓ **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

- Việc lấy ý kiến phản hồi từ NH và các các bên liên quan được thực hiện dựa trên bộ câu hỏi chung của Nhà trường nên chưa đảm bảo tốt nhất cho sự phù hợp với đặc thù của ngành đào tạo.

- Việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của GV mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

- Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật các phương tiện và tài liệu giảng dạy hiện đại cho các GV của Khoa.

- Thiếu một số trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác NCKH thực nghiệm chuyên sâu của GV và SV thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, thực phẩm.

- Kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế.

#### ✓ **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

- Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Dữ liệu khảo sát, thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm còn ít.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ NCKH SV chưa nhiều, thời gian nghiên cứu hạn chế do SV phải thực hành nhiều.

- Mức độ hài lòng của các bên liên quan còn ít được đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

- Nhà trường sẽ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV, người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội trong việc bổ sung, điều chỉnh CTDH. Khoa sẽ bổ sung, chỉnh sửa đề nâng cao tính tích hợp, cập nhật của CTĐT và tiến tới xây dựng, chỉnh sửa CTĐT đáp ứng các yêu cầu liên thông với CTĐT của khu vực và quốc tế.

- Nhà trường sẽ xây dựng quy trình, công cụ lấy ý kiến nhận xét về các nội dung của mục tiêu đào tạo. Lấy ý kiến của các nhà khoa học, NTD, SV và cựu SV, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với mục tiêu đào tạo. Định kì tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH mới cho GV và SV. Mở rộng đối tượng tham gia các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH kể cả SV năm thứ nhất, và quy định đây là yêu cầu bắt buộc. Kiểm tra định kỳ, đột xuất về việc GV thực hiện ĐCHP (kiểm tra SV tự học, tự nghiên cứu).

- Kí kết hợp tác với các viện nghiên cứu, công ty, doanh nghiệp để hợp tác đề xuất, thực hiện đề tài có tính ứng dụng, chuyển giao công nghệ

- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến NH về hoạt động tư vấn hỗ trợ SV, cảnh quan, an ninh trật tự trong Trường thường xuyên hơn. Phân mềm quản lý đào tạo nhiều thời điểm hoạt động không tốt gây khó khăn cho NH.

- Tiến hành xây dựng kế hoạch và triển khai cải tạo các công trình đã xuống cấp, bổ sung nguồn học liệu cho thư viện và phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự trong Trường.

- Khoa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp. Tăng cường công tác truyền thông giới thiệu việc làm cho SV. Tiến hành khảo nhu cầu của thị trường lao động một cách bài bản, từ đó có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn.

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Quy Nhơn**

Mã: QNU

Tên CTĐT: **Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm**

Mã CTĐT: 7540101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								5,0	3	100
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2					X					
Tiêu chí 1.3					X					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								4,7	3	100
Tiêu chí 2.1					X					
Tiêu chí 2.2					X					
Tiêu chí 2.3				X						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								5,0	3	100
Tiêu chí 3.1					X					
Tiêu chí 3.2					X					
Tiêu chí 3.3					X					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								5,0	3	100
Tiêu chí 4.1					X					
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								5,0	5	100
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.3					X			5,0	7	100
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>										
Tiêu chí 6.1					X			5,0	7	100
Tiêu chí 6.2					X					
Tiêu chí 6.3					X					
Tiêu chí 6.4					X					
Tiêu chí 6.5					X					
Tiêu chí 6.6					X					
Tiêu chí 6.7					X					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1					X			5,0	5	100
Tiêu chí 7.2					X					
Tiêu chí 7.3					X					
Tiêu chí 7.4					X					
Tiêu chí 7.5					X					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					X			5,0	5	100
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3					X					
Tiêu chí 8.4					X					
Tiêu chí 8.5					X					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					X			5,0	5	100



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.2					X			4,7	6	100
Tiêu chí 9.3					X					
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				X				4,7	6	100
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					
Tiêu chí 10.4					X					
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								5,0	5	100
Tiêu chí 11.1					X					
Tiêu chí 11.2					X					
Tiêu chí 11.3					X					
Tiêu chí 11.4					X					
Tiêu chí 11.5					X					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,95</b>		

Quy Nhơn, ngày tháng năm 202

**HIỆU TRƯỞNG**

## IV. PHỤ LỤC

### **Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 07/03 /2025

#### *I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục*

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại 0256 3846156

Số fax: 0256 3846089

E-mail: dqn@moet.edu.vn

Website: www.qnu.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1982

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

#### *II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo*

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Khoa học tự nhiên

Tiếng Anh: Faculty of Natural Sciences

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KHTN

Tiếng Anh: FNS

14. Tên trước đây (nếu có)

15. Mã CTĐT: 7620109

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P83, 84, Tầng 8 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

18. Số điện thoại liên hệ: 02563847567;

Email: khtn@qnu.edu.vn

Website: <http://www.ns.qnu.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa KHTN (theo Quyết định thành lập): 2019 (theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Quy Nhơn trên cơ sở sáp nhập 04 Khoa: Vật lý, Hóa học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp và Địa lí – Địa chính)

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2006

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2010

*III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo*

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường ĐH Quy Nhơn giai đoạn 2019-2022 tầm nhìn 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Quy Nhơn trên cơ sở sáp nhập 04 Khoa: Vật lý, Hóa học, Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp và Địa lí – Địa chính, đây là những Khoa có bề dày đào tạo, nghiên cứu khoa học trên 30 năm.

Khoa KHTN có đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Đội ngũ giảng viên của Khoa có kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, với độ tuổi bình quân 41 tuổi, năng động, thích ứng nhanh và tâm huyết với nghề nghiệp, với người học; có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học tốt, có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế cao. Nhiều giảng viên có đủ năng lực tư vấn, điều hành các dự án hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài. Cụ thể, đến đầu năm 2023, Khoa KHTN có 102 viên chức, với 45 nam (44,0%), 57 nữ (56,0%). Trong đó, có 01GS, 01 PGS.TSKH, 06 PGS.TS, 47 TS, 43 ThS (12 GV đang làm NCS) và 04 cử nhân; giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm 57,29% so với tổng số giảng viên. Ngoài ra, còn có 03 PGS và 04 TS đang hoạt động chuyên môn tại Khoa. Khoa KHTN có 5 bộ môn với nhiều chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Điều đó là cơ sở

quan trọng để tạo tính liên ngành trong các hoạt động chuyên môn. Cụ thể, Khoa KHTN có 05 bộ môn: Bộ môn Vật lý-Khoa học vật liệu (13 cán bộ), Bộ môn Hóa học (27 cán bộ), Bộ môn Địa lý - Quản lý Tài nguyên Môi trường (19 cán bộ), Bộ môn Sinh học ứng dụng - Nông nghiệp (20 cán bộ), Bộ môn Kỹ thuật Hóa học - Thực phẩm (23 cán bộ).

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Khoa KHTN:

+ **Sứ mệnh:** “Khoa Khoa học Tự nhiên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn là đơn vị đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao; nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên, Khoa học sự sống, Công nghệ kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Nông lâm nghiệp và thủy sản, Môi trường và bảo vệ môi trường; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

+ **Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng có uy tín cao, một số ngành đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

+ **Giá trị cốt lõi:** “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

**Về quy mô đào tạo:** Khoa hiện đang đào tạo cả 3 bậc học từ đại học đến tiến sĩ cụ thể:

+ Ở bậc đào tạo ĐH, Khoa có 06 ngành đào tạo bao gồm: Khoa học vật liệu, Công nghệ thực phẩm, Nông học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường.

+ Ở bậc đào tạo thạc sĩ, Khoa đào tạo 05 chuyên ngành: Vật lý chất rắn, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và hóa lý, Sinh học thực nghiệm, Địa lý tự nhiên.

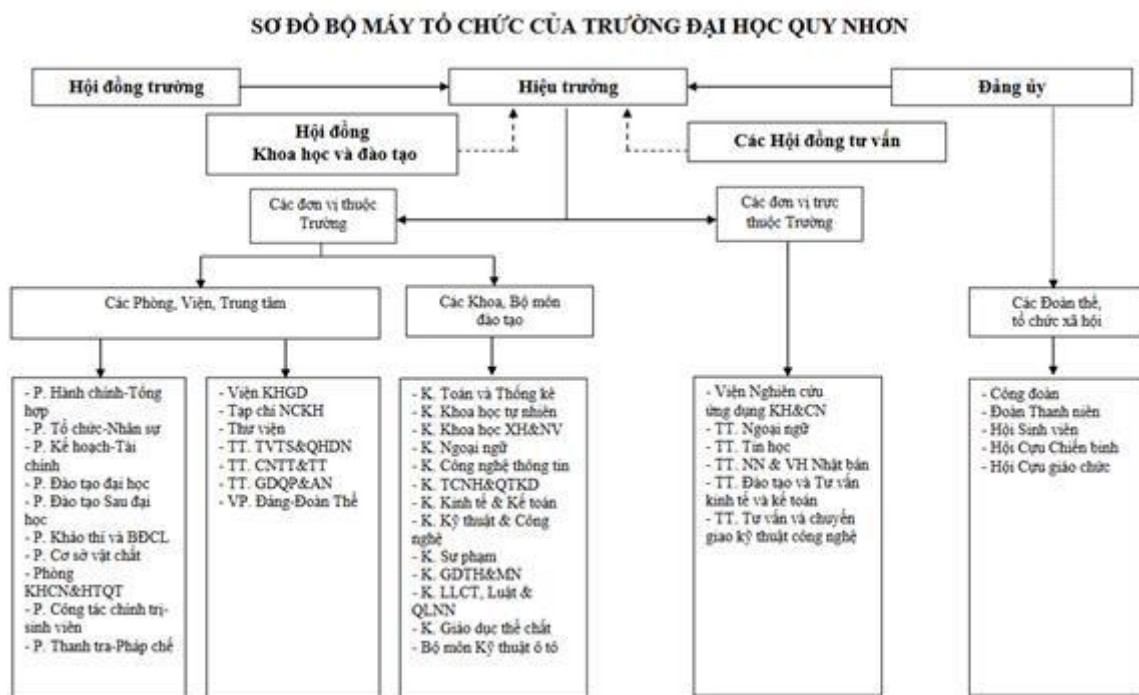
+ Ở bậc tiến sĩ có 01 chuyên ngành đào tạo Hóa lý thuyết và hóa lý.

**Về công tác NCKH:** Những năm gần đây, GV của Khoa KHTN đã tham gia nhiều dự án, đề tài nghiên cứu các cấp với tư cách là chủ trì đề tài và thành viên tham gia, trong đó có 05 dự án quốc tế, 02 đề tài trọng điểm quốc gia (KC), 01 đề tài nghị định thư, 01 đề tài Vingroup, 17 đề tài Nafosted, 21 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh và 70 đề tài cấp Trường; nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa đã được xuất bản; nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín. Khoa KHTN là một “điểm sáng” về công bố quốc tế của Trường ĐH Quy Nhơn. Trong 05 năm qua các GV của Khoa đăng hơn 164 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, chiếm 43% trong tổng số bài báo ISI toàn trường, nhiều bài báo có chỉ số ảnh hưởng cao như ACS Nano (IF =13.9), Nano Letters (11.2), Chemical Science (IF = 9.3) Nanoscale (IF = 6.7), Chemical Communication (IF = 6.1), Applied Surface Science (IF = 6.2), Electrochimica Acta (IF = 5.5)...

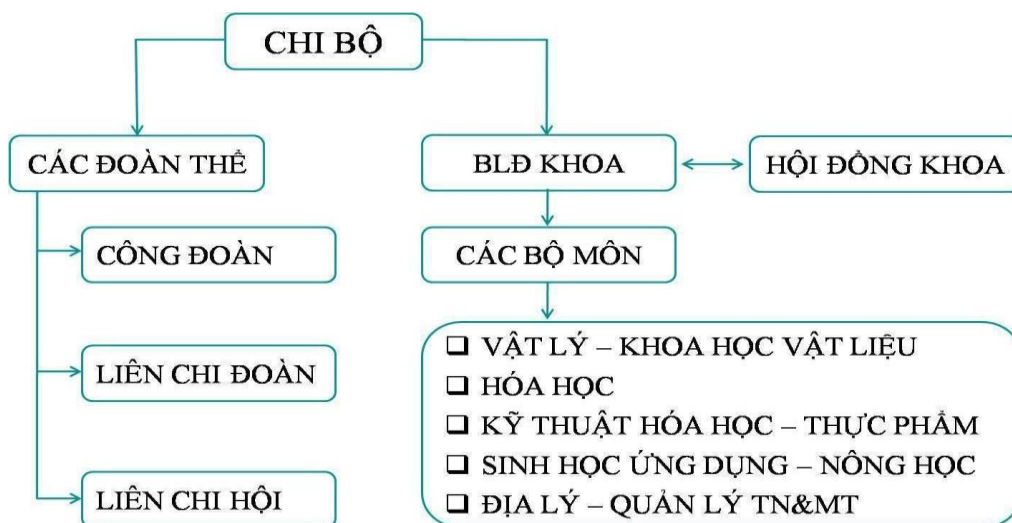
**Về quan hệ hợp tác đào tạo:** Hiện nay, Khoa KHTN đã tạo lập được mối quan hệ với nhiều trường đại học trong và ngoài nước bao gồm: Trường Đại học Prince of Songkla

(Thái Lan), Đại học quốc gia Singapore, Đại học Chungnam (Hàn Quốc), Đại học nữ Ewha-Womans - Hàn Quốc (Hàn Quốc), Đại học Sungkyunkwan (Hàn Quốc), Đại học Twente (Hà Lan, RK= 197), Đại học Delft (Hà Lan, RK=172), Đại học Bern (Thụy Sĩ, RK=139), Đại học Bonn (Đức, RK=114), Đại học KU Leuven (Bỉ, RK=45), Đại học Bách khoa Lausanne (EPFL, RK=14), Đại học Évora (Bồ Đào Nha), Đại học Ghent (Bỉ), Đại học Antwerpen (Bỉ), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Phenikaa và Trường Đại học Cần Thơ, nhằm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan đến các lĩnh vực như: quy hoạch đô thị, biến đổi khí hậu, công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ hóa học, khoa học vật liệu, hóa học tính toán và mô phỏng, ...

### 23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT



### Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KHTN



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo Nhà trường</b>				
1. Hội đồng Trường	Nguyễn Quang Ngoạn	Chủ tịch Hội đồng Trường	0911308279	nguyenquangngoan@qnu.edu.vn
2. Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
3. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
	Đình Anh Tuấn	TS	0914046673	dinhanhtuan@qnu.edu.vn
	Đoàn Đức Tùng	PGS.TS	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>				
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>				
Trưởng khoa	Nguyễn Lê Tuấn	TS	0988855132	nguyenletuan@qnu.edu.vn
Phó Trưởng khoa	Trần Thanh Sơn	TS	0983024608	tranthanhson@qnu.edu.vn
Phó Trưởng khoa	Phan Thanh Hải	TS	0989604689	phanthanhhai@qnu.edu.vn
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>				
Chi bộ	Nguyễn Lê Tuấn	TS, Bí thư	0988855132	nguyenletuan@qnu.edu.vn
Công đoàn	Huỳnh Thị Minh Thành	TS, Chủ tịch	0986956635	huynhthiminhtanh@qnu.edu.vn
Liên Chi đoàn	Nguyễn Đức Tôn	TS, Bí thư	0915018716	nguyenducton@qnu.edu.vn

<b>Các đơn vị (bộ phận)</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, học vị, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
Hội SV	Đình Quốc Việt	TS, Liên chi hội trưởng	0962632985	dinhquocviet@qnu.edu.vn
<b>III. Các phòng, viện, trung tâm</b>				
Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhוותien@qnu.edu.vn
Phòng Khoa học công nghệ và HTQT	Nguyễn Tiến Trung	PGS.TS, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
Phòng Công tác chính trị và SV	Cao Kỳ Nam	TS, Trưởng phòng	0856259842	caokynam@qnu.edu.vn
Phòng Cơ sở vật chất	Trần Thanh Thái	TS, Trưởng phòng	0914682645	ttthai@qnu.edu.vn
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
Phòng Hành chính – Tổng hợp	Ngô Anh Tú	TS, Trưởng phòng	0935701288	ngoanhtu@qnu.edu.vn

<b>Các đơn vị (bộ phận)</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, học vị, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
Phòng Đào tạo SDH	Hồ Xuân Quang	PGS.TS, Trưởng phòng	0935748777	hoxuanquang@qnu.edu.vn
Thư viện	Lê Thanh Hải	TS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	TS, Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn
Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
<b>IV. Các bộ môn</b>				
Vật lý - KHVL	Nguyễn Minh Vương	PGS.TS, TBM	0962357469	nguyenminhvuong@qnu.edu.vn
Hóa học	Huỳnh Thị Miền Trung	TS, TBM	0905010465	huynhthimientrung@qnu.edu.vn
Kỹ thuật hóa học – Thực phẩm	Trương Thanh Tâm	TS, TBM	0982060676	truongthanhtam@qnu.edu.vn
Sinh học ứng dụng – Nông học	Nguyễn Thị Mộng Điệp	PGS.TSKH, TBM	0964745083	nguyenthimongdiep@qnu.edu.vn
Địa lý – Quản lý TN&MT	Trương Quang Hiến	TS, TBM	0983157509	truongquanghien@qnu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Đại học: Khoa quản lý 06 ngành: Nông học, Công nghệ kỹ thuật hoá học, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên môi trường, Khoa học vật liệu, Công nghệ thực phẩm.



- Cao học: Khoa đang quản lý 05 chuyên ngành: Sinh học thực nghiệm, Địa lý tự nhiên, Vật lý chất rắn, Hoá vô cơ, Hoá lý thuyết và hoá lý.

- Tiến sĩ: Đào tạo 01 ngành Hoá lý thuyết và hoá lý

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 05

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 12

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu</b> Trong đó:	45	57	102
I.1	Đội ngũ trong biên chế	45	57	102
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	<b>Các đối tượng khác</b>			

	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	45	57	102

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	GS, PGS	08	08	0	02	0	0
2	Tiến sĩ	47	47	0	06	0	0
3	Thạc sĩ	41	41	0	0	0	0
	Tổng số	96	96	0	0	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = 96 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 94,12%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT theo Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	01	01					5
2	Phó Giáo sư	3,0	07	07		02			22,8
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0	47	47		06			97,6
5	Thạc sĩ	1,0	41	41					41
6	Đại học	0,3							
	Tổng		96	96		08			166,4

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1,04	1						1
2	Phó Giáo sư	7	7,30	2	5			6		1

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	47	48,96	23	24		18	22	7	
5	Thạc sĩ	41	42,70	18	23		13	21	7	
6	Đại học									
	Tổng	96	100	44	52	0	31	49	14	2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 57,89%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 42,11%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	50	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10	
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, HV cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm		Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
					Điểm xét học bạ lớp 12	Xét điểm thi TN THPT		
2017-2018	35	35	0	27	18	15	21	0
2018-2019	23	23	0	14	18	15	20	0
2019-2020	28	28	0	22	18	15	20	0
2020-2021	22	22	0	18	18	15	22	1
2021-2022	26	26	0	21	18	15	22	0
2022-2023	27	27	0	14	18	15	22	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	112	90	76	73	68

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	5,56	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	112	90	76	73	68
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	27	24	9	6	6
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	4m <sup>2</sup> /ngườ i	4m <sup>2</sup> /ngườ i	4m <sup>2</sup> /ngườ i	4m <sup>2</sup> /ngườ i	4m <sup>2</sup> /ngườ i

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	3	3	10	0	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,68	3,33	13,16	0	8,82

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	28	25	10	20	9
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên thuộc CTĐT:



<b>Các tiêu chí</b>	<b>2020-2025 (Khóa 43)</b>
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	40
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	80,68
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	60,8
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	24
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	15,4